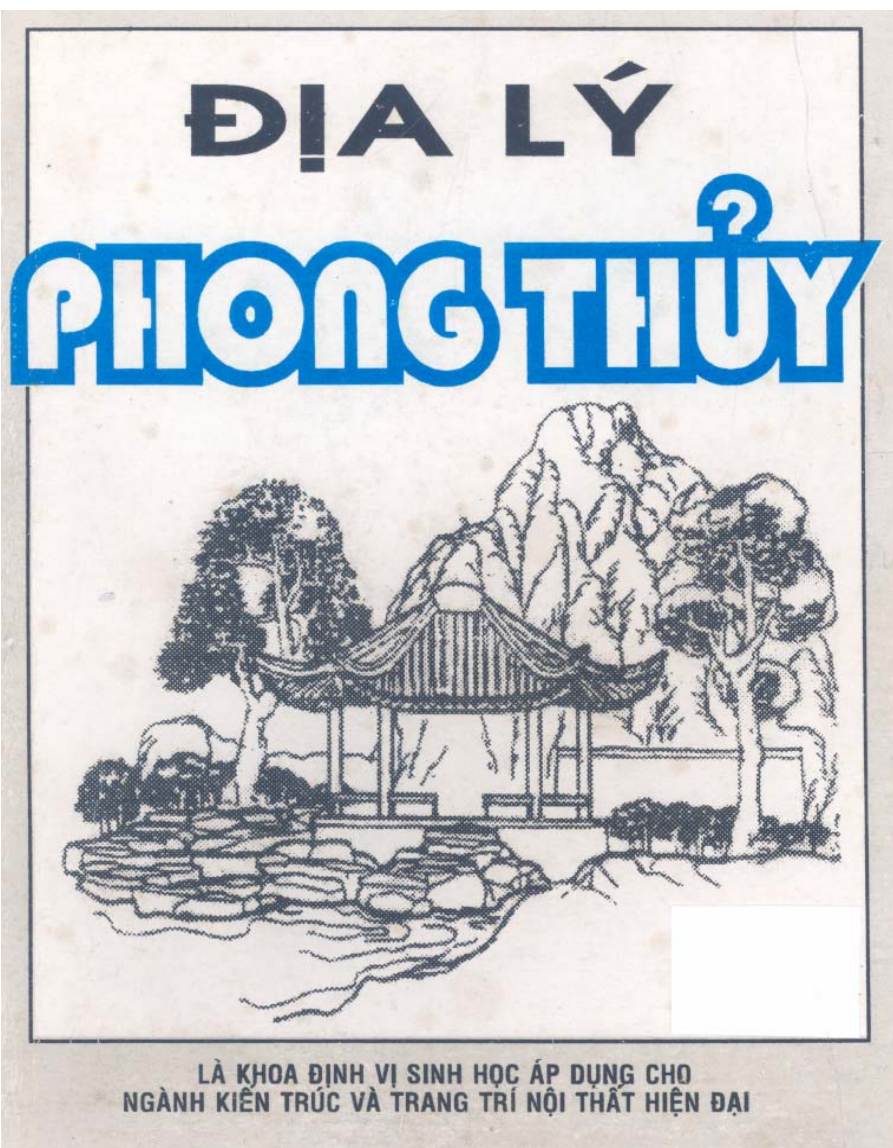


TRẦN VĂN HẢI  
TỦ SÁCH SINH HỌC NĂM 1992

**TẬP 2. THỰC HÀNH THUẬT PHONG  
THỦY. KINH DỊCH VỚI THUẬT  
PHONG THỦY**



**TRẦN VĂN HẢI**

**NGUYÊN TRƯỞNG BAN SOẠN THẢO CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN  
KHOA ĐỊA LÝ PHONG THỦY VIỆT NAM QUỐC TỰ SÀI GÒN NĂM 1972**

**THỰC HÀNH THUẬT**

**PHONG THỦY**

**(TIẾP THEO)**

**Sách in từng tập bằng máy vi tính giá thành cao  
nên không bán chỉ làm quà tặng cho các thân hữu**

**1992**

### CHƯƠNG III

# BÁT TRẠCH

## với 24 SƠN HƯỚNG

### NỘI DUNG GỒM CÓ:

#### PHẦN 1

Bát Trạch với 24 Sơn Hướng

Định Vị

Phụ Lục 8 Bát Quái Đồ

#### PHẦN 2

Dẫn Giải Ý nghĩa 24 Sơn Hướng

Huỳnh Tuyển

#### PHẦN 3

Luận Giải Công tác tu tạo

A - Mạng Trạch

B - Hướng Nhà

C - Đất Cấm Nền

## *Bát Trạch*

### PHẦN 4

Chọn Phương Hướng Trổ Cửa

Chủ Nhà Mạng KIỀN

Chủ Nhà Mạng KHẮM

Chủ Nhà Mạng CẤN

Chủ Nhà Mạng CHẤN

Chủ Nhà Mạng TỐN

Chủ Nhà Mạng LY

Chủ Nhà Mạng KHÔN

Chủ Nhà Mạng ĐOÀI

### PHẦN 5

Chọn Hướng đặt Cổng Rãnh

### PHẦN 6

Khai Môn Phóng Thủy

### PHỤ LỤC 1

Giếng Nước

### PHỤ LỤC 2

Cây Cối Chung Quanh Nhà

### PHỤ LỤC 3

A - Chọn Hướng Xây Bếp Lò

B - Miệng Lò



## PHẦN 1

# BÁT TRẠCH

## với 24 SƠN HƯỚNG

Theo từ chuyên môn trong Thuật Phong Thủy : Khai sơn nghĩa là mới khởi xây dựng, hoặc chôn cất ở một chỗ đất nào, gọi chỗ đó là toạ sơn, mới xây dựng gọi là chỗ lập hướng. Còn công việc làm xong rồi, sau cần sửa lại chỗ hư đổ, gọi là chỗ tu phương.

Hai mươi bốn Sơn Hướng trên Bát Quái Đồ được hợp thành bởi tám thiên can, mười hai địa chi và Kiền, Khôn, Cấn, Tốn.

Hai mươi bốn là số thành của Trời Đất Thiên số 25 trừ 1, Địa số 30 trừ 6, đều là số 24. Số này, trên thì ứng với Thiên thời 24 Tiết Khí, dưới thì hành ở Địa trung 24 Sơn hướng.

Thứ tự của 24 vị là :

- CHÁNH BẮC KHẨM NHÂN TÝ QUÝ
- ĐÔNG BẮC CẤN SỬU, CẤN DẦN
- CHÁNH ĐÔNG CHẤN GIÁP MỆO ẤT
- ĐÔNG NAM TỐN THÌN TỐN TỶ
- CHÁNH NAM LY BÍNH NGỌ TỶ
- CHÁNH NAM MÙI KHÔN THÂN

## Bát Trạch

- CHÁNH TÂY ĐOÀI CANH TÂN DẬU
- TÂY NAM ĐOÀI CANH DẬU TÂN
- TÂY BẮC KIỀN TUẤT KIỀN HỢI

Công dụng của 24 phương vị là định hướng núi (Sơn hướng), nhận hướng sông (Biện thủy hướng). Cả 24 sơn trên thuộc vào Bát Trạch tóm lại.

### *BÁT TRẠCH ĐÔNG TÂY:*

Kiền, Khôn, Cấn, Đoài, là Tây tứ trạch. Tồn, Khảm, Ly, Chấn là Đông tứ trạch.

### *BÁT QUÁI SỞ THUỘC:*

Kiền là Phụ thuộc kim.

Khảm là Trung nam thuộc thủy.

Cấn là Thiếu nam thuộc thổ.

Chấn là Trưởng nam thuộc mộc, đều là Dương.

Tồn là Trưởng nữ thuộc Mộc.

Ly là Trung nữ thuộc hỏa.

Khôn là Mậu thuộc thổ.

Đoài là Thiếu nữ thuộc kim, đều là Âm.

# **ĐỊNH VỊ**

## **PHƯƠNG HƯỚNG TU TẠO**

**(Cất nhà - trở cửa - đặt bếp lò)**

Đây là những phương hướng tốt xấu để xem mà chọn khi mua nhà, cất nhà, hay đặt bếp, ráp giường và đặt bàn viết.

Tám bát quái này biết được nhà trạch nào hợp tuổi nào. Vòng trong là 8 tượng Bát quái. Vòng 2 là 8 phương. Vòng 3 là để bếp. Vòng ngoài 24 cung để cửa. Nếu nhà để cửa chánh Đông, thì sau hè là chánh Tây.

Lấy cây thước gạch gát lên giữa Bát quái, đầu này nhằm chữ Tý đầu nọ chữ Ngọ. Hay đầu này nhằm chữ Kiền, thì đầu kia Tốn, bởi 24 cung đối nhau: Tý - Ngọ, Sửu - Mùi, Dần - Thân, Mẹo - Dậu, Thìn - Tuất, Tỵ - Hợi, v.v.. Muốn rõ cát hung họa phúc, phải biết chủ nhà ấy cung gì ? Sẽ đặt La Bàn (địa bàn, boussole) chính giữa nhà, cây kim La Bàn luôn luôn chỉ hướng Chánh Bắc, chúng ta biết ngôi nhà ấy trạch gì.

Ví dụ: Như nhà ấy day cửa hướng Nam là nhà trạch Ly (hướng Nam là hướng Ly) hoặc day cửa hướng Đông Bắc là hướng Cấn là nhà ấy trạch Cấn.

Trường hợp chủ nhà mạng Khảm nhà trạch Ly tức là Khảm phối Ly dạng Diên niên Phước Đức là đại cát.

### Bát Trạch

Còn đặt La Bàn lên giữa hình Bát quái đặt ngay giữa nhà, từ từ xoay tròn HÌNH BÁT QUÁI lữa khi kim La Bàn chỉ đúng giữa Chánh Bắc của Bát quái thì dừng lại. Vòng trong có 8 tượng Bát quái: Kiền, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài.

Vòng kế ghi 24 sơn: Tuất, Kiền, Hợi, Nhâm, Tý, Quý, Sửu, Cấn, Dần, Giáp, Meo, Ất, Thìn. Tốn, Ty, Bính, Ngọ, Đinh, Mùi, Khôn, Thân, Canh, Dậu, Tân. Xem lò bếp nhà ấy ngay nhằm sơn nào của 24 sơn này? Sơn nào có để vòng trắng (o) là cát, bằng gập điểm đen (•) là hung. (Xem toàn bộ 8 hình Bát Quái Đồ có vẽ kèm theo sau bài này).

Nhưng cung Khảm thuộc về Đông tứ trạch phải để lò bếp bên hướng Tây tứ trạch là để bên hướng Khôn, Cấn, Kiền, Đoài, mới yểm trấn chừ hung được. Day miệng lò bếp, Ống Táo phải ngó về hướng Đông tứ trạch là ngó 4 hướng: Khâm, Ly, Chấn, Tốn, mới đúng.

Vòng ngoài của Bát Quái Đồ cũng 24 sơn:

- |                 |                |
|-----------------|----------------|
| 1. Phúc Đức     | 2. Ôn Hoàng    |
| 3. Tấn Tài      | 4. Trường bình |
| 5. Tổ Tụng      | 6. Quan Tước   |
| 7. Quan Quý     | 8. Tự Ai       |
| 9. Vượng Trang  | 10. Hưng Phước |
| 11. Pháp Trường | 12. Điền cường |
| 13. Khẩu thiết  | 14. Vượng Tâm  |
| 15. Tấn Điền    | 16. Khấp Khốc  |

### Bát Trạch

- |                |               |
|----------------|---------------|
| 17. Cô Quả     | 18. Vinh Phú  |
| 19. Thiếu Vong | 20. Xương Dâm |
| 21. Thân Hôn   | 22. Hoan Lạc  |
| 23. Bại Tuyết  | 24. Vượng Tài |

Là để xem đường ra vào ngay sơn nào, cứ coi sơn nào có hoành trắng (o) là cát, chấm đen (•) là Hung.

24 cung sơn hướng trên đây thấy rằng 12 cung thuộc Thập nhị địa chi không phạm Huỳnh Tuyền là gồm có Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi, còn 12 cung nọ là Kiền, Khôn, Cấn, Tốn, và Giáp, Ất, Bính, Đinh, Canh, Tân, Nhâm, Quý thường phạm Huỳnh Tuyền, vậy khai môn cung Phước Đức mà phạm Huỳnh Tuyền vẫn là Hung phạm lắm dữ đến Đổ Thiên ắt gặp tai họa.

**CANH ĐÌNH:** (Khôn) Thương thị Huỳnh Tuyền (hướng Canh Đình kỵ Khôn Sơn) Khôn hướng "Canh Đình bất khả ngôn" (hướng Khôn kỵ Canh Sơn, Đình Sơn).

**ẤT BÍNH:** Tu phòng (Tốn) Thủy Tiên (hướng Ất và Bính kỵ Tốn Sơn) Tốn hướng Ất Bính họa việc nhiên (hướng Tốn kỵ Ất Sơn và Bính Sơn).

**GIÁP QUÝ:** (Cấn) hướng trung hữu kiến (hướng Giáp và Quý kỵ Cấn Sơn, Cấn Kiền Giáp Quý) hung Bá Niên (hướng Cấn kỵ Giáp Sơn, Quý Sơn).

**TÂN NHÂM:** (Kiền) Thủy lộ phạ đương (hướng Tân và hướng Nhâm kỵ Kiền Sơn) Kiền hướng "Tân Nhâm" Họa thâm Thiên (hướng Kiền kỵ Tân Sơn, và Nhâm Sơn).

### *Bát Trạch*

Ví dụ: Nhà day cửa hướng thuộc Canh Sơn hay Đinh Sơn thì kỵ Khôn Sơn vì đó là Huỳnh Tuyền chẳng nên đào giếng hay làm đường đi, hoặc ngay hướng Khôn thì là Canh Sơn và Đinh Sơn là Huỳnh Tuyền.

### **KỶ ĐÔ THIÊN**

---

|                 |                |                  |
|-----------------|----------------|------------------|
| Giáp Kỷ niên    | - Đô Thiên tại | - Thìn - Tý Sơn  |
| Ất, Canh niên   | - Đô Thiên tại | - Dần - Mão Sơn  |
| Bính, Tân niên  | - Đô Thiên tại | - Tuất - Hợi Sơn |
| Đinh, Nhâm niên | - Đô Thiên tại | - Thân - Dậu Sơn |
| Mậu, Quý niên   | - Đô Thiên tại | - Ngọ - Mùi Sơn  |

Dương niên kỵ nặng Mậu Đô

Âm niên kỵ nặng Kỷ Đô

Tuổi vợ chồng cung Phi cũng có những may rủi cát hung như trên.

PHỤ LỤC

# BÁT QUÁI ĐỒ

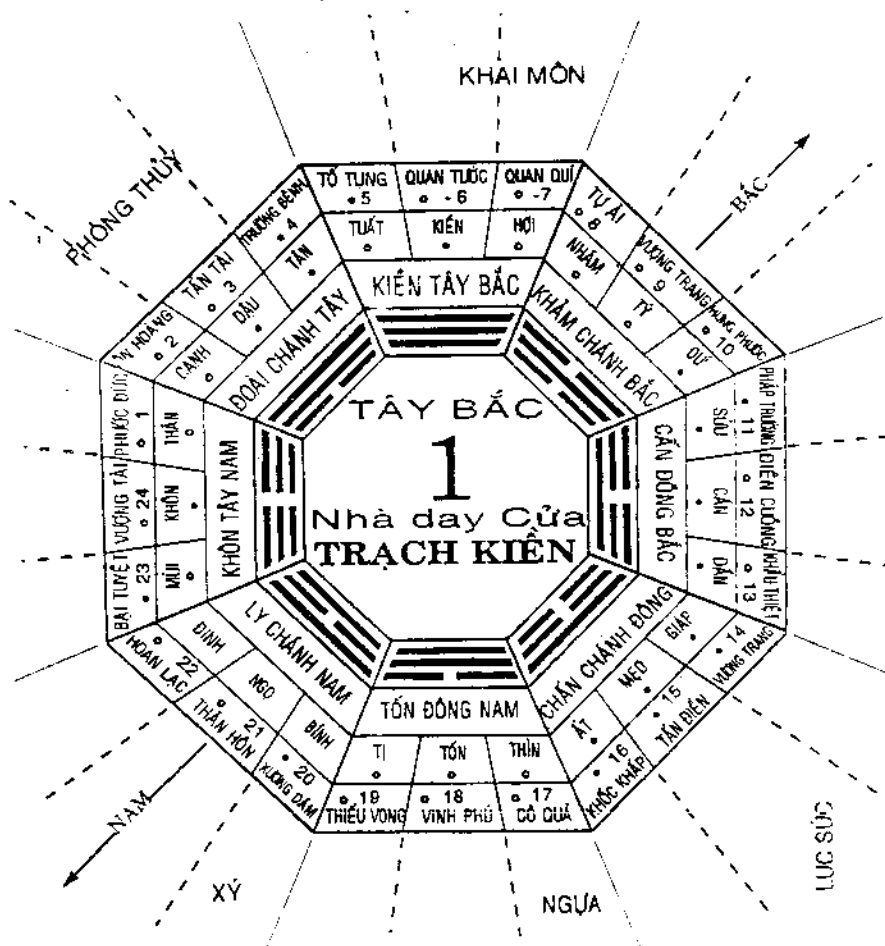
VỚI 24 SƠN HƯỚNG

NỘI DUNG GỒM CÓ

1. Nhà day cửa Trạch Kiến
2. Nhà day cửa Trạch Khảm
3. Nhà day cửa Trạch Cấn
4. Nhà day cửa Trạch Chấn
5. Nhà day cửa Trạch Tốn
6. Nhà day cửa Trạch Ly
7. Nhà day cửa Trạch Khôn
8. Nhà day cửa Trạch Đoài

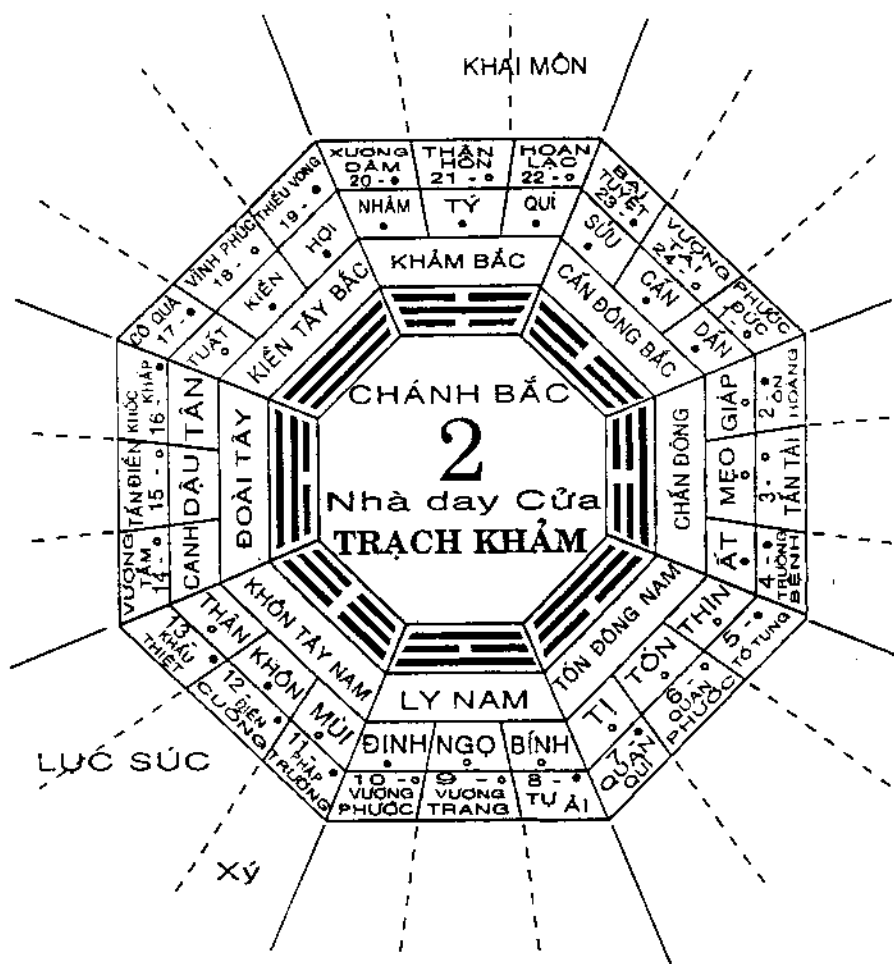
# BÁT QUÁI ĐỒ SỐ 1

## TRẠCH KIỀN



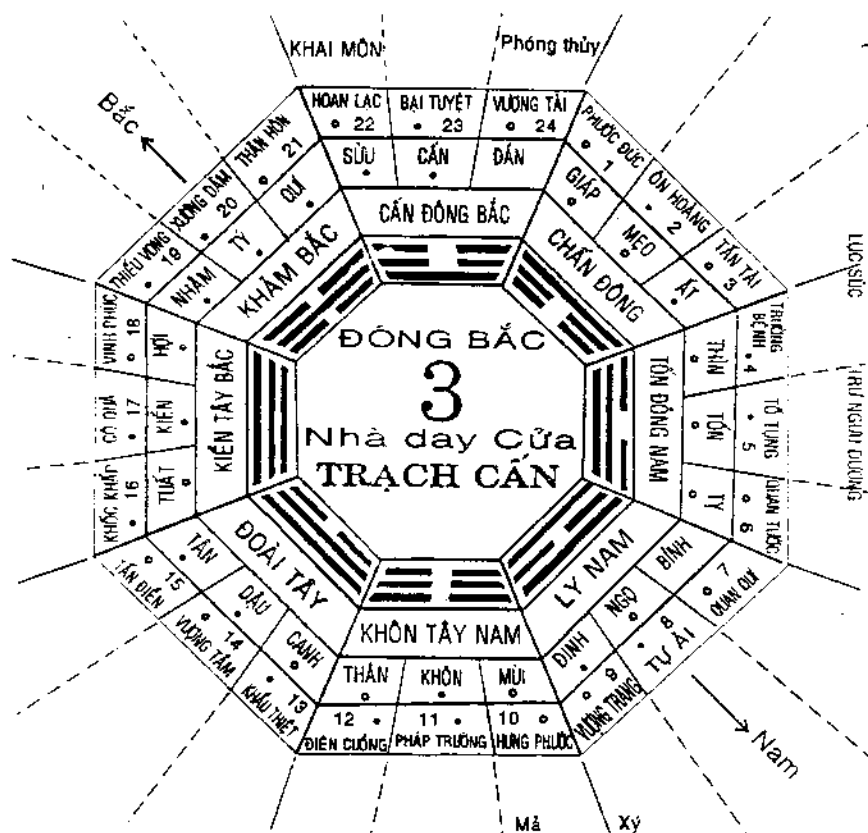


## BÁT QUÁI ĐỒ SỐ 2 TRẠCH KHẨM



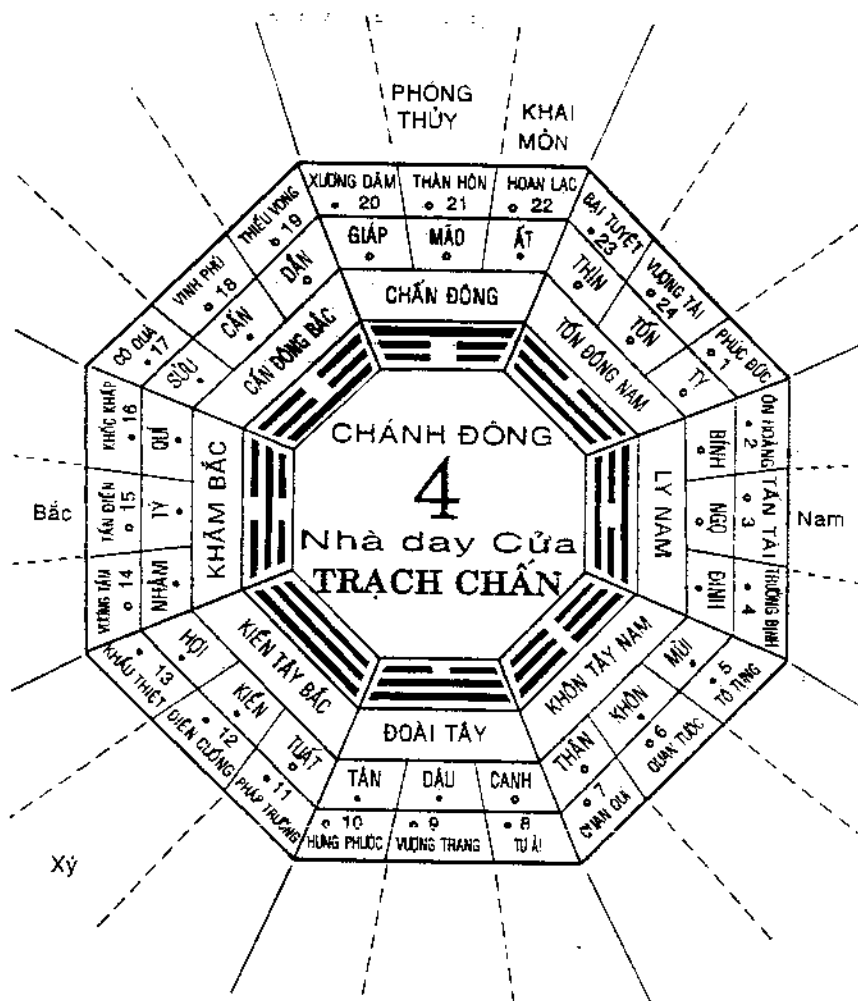
# BÁT QUÁI ĐỒ SỐ 3

## TRẠCH CẦN

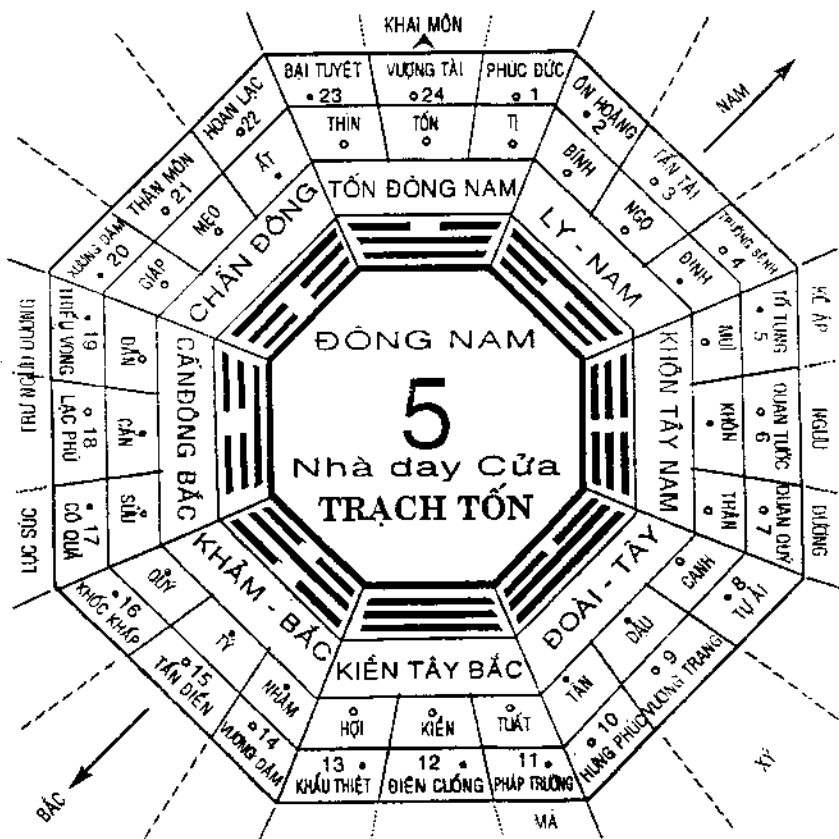


# BÁT QUÁI ĐỒ SỐ 4

## TRẠCH CHẤN

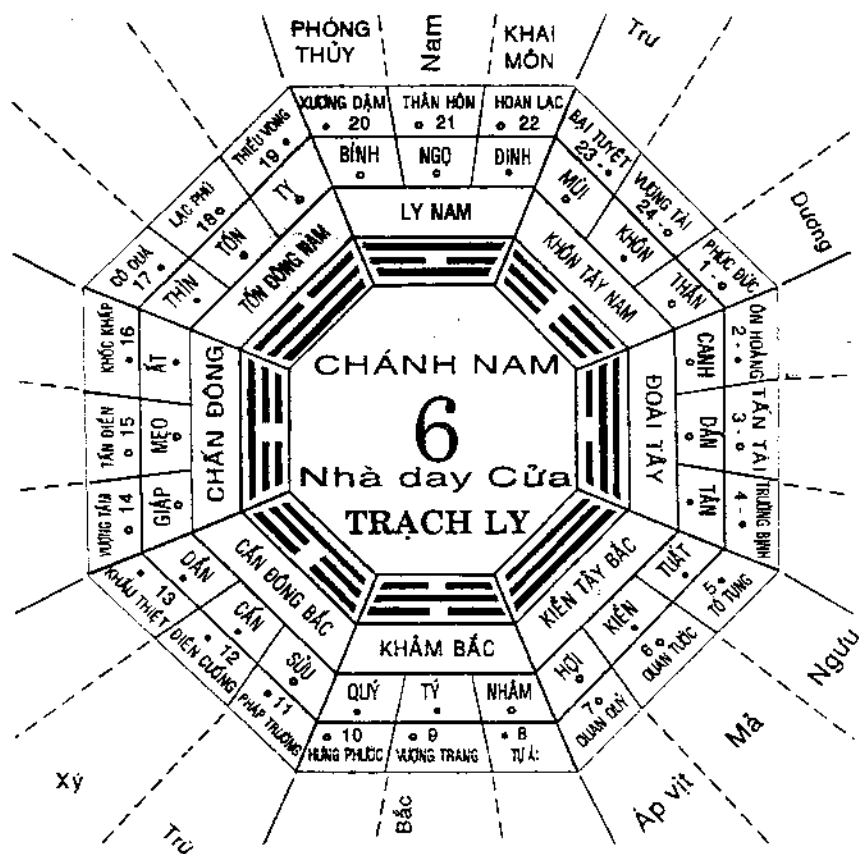


## TRÁCH TỐN



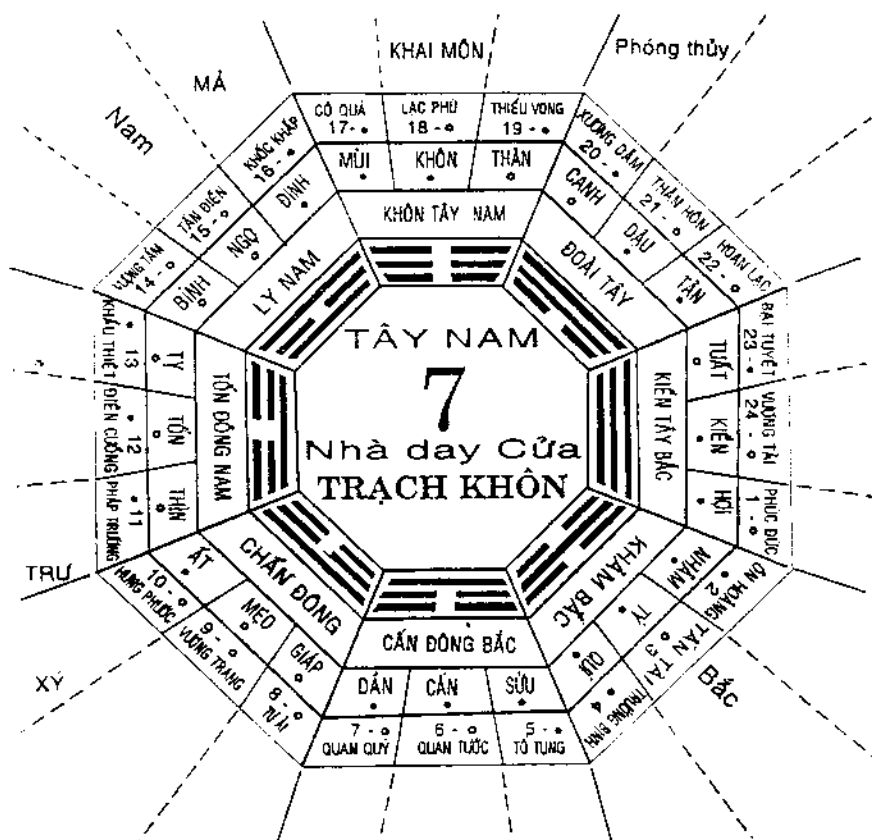
# BÁT QUÁI ĐỒ SỐ 6

## TRẠCH LY



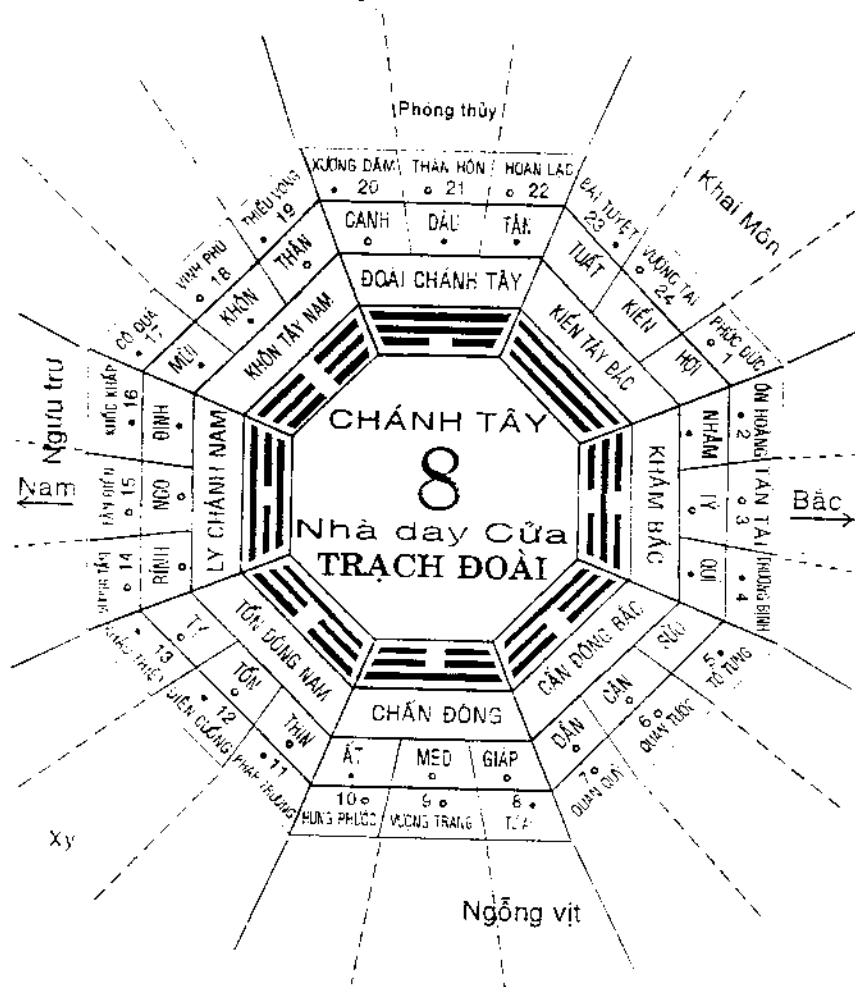
# BÁT QUÁI ĐỒ SỐ 7

## TRẠCH KHÔN



# BÁT QUÁI ĐỒ SỐ 8

## TRẠCH ĐOÀI



Bát Trách

## PHẦN 2

# DẪN GIẢI Ý NGHĨA

## 24 SƠN HƯỚNG TRÊN BÁT QUÁI ĐỒ

Để tiện trong việc tra tìm, chúng tôi sắp xếp 24 sơn hướng trên 1 bát quái đồ theo mẫu tự như Từ Điển.

### 1. BẠI TUYỆT

---

*Bại Tuyệt chi phương bất khả tu,*

*Tu chi lĩnh lạc bất khâm sầu.*

*Nhân đình tổn việc vô tông tích.*

*Phụ tử đông, tây các tự cầu.*

Nghĩa là: Phương vị Tuyệt bại không nên tu tạo, nếu tu tạo ở đó thì bị lênh đênh, phiêu lưu không chịu nổi cảnh khổ sầu, tổn người tiêu diệt mất tông tích. Cha đi đông, con đi tây đều mất xác.

Tóm lại: phương này trở cửa ngõ, hoặc kiên tạo phòng ốc, cửa ra vào trong nhà v.v... đều bất lợi, còn gặp bọn giặc cướp phá hại, bệnh tật, đau buồn, tự tử v.v...

### 2. CÔ QUẢ

---

*Cô quả chi phương, tai đại hung,*

*Tu chi quả phụ, tọa đường trung.*



### *Bát Trạch*

*Lục súc điền tàn, cụ tổn bại,  
Cánh liêm nhọn tẩn, tàu tây đông.*

Nghĩa là: Vị cô quả này, tai họa lớn lắm, tu tạo ở phương đó, thì có quả phụ ngồi trong nhà, tức chồng chết non, lục súc nghề nghiệp đều tổn hại, người cũng tẩu tán, mỗi người 1 phương, ly hương bại hoại.

### **3. ĐIÊN CUỒNG**

---

*Điên cuồng chí vị, bất khả khoa.*

*Sinh ly, tử biệt, cặp điên tà.*

*Điên địa tiêu hao nhân khẩu bại.*

*Thủy hỏa ôn hoàng tuyệt diệt gia.*

Nghĩa là: Vị điên cuồng này, mà đặt cửa vào đó thì không nói hết cái hung, sống lìa nhà, chết mất xác, vì điên rồ, sinh ra đủ chứng bệnh, tuyệt giống.

### **4. HOAN LẠC**

---

*Hoan lạc, môn tu cánh tẩn tài,*

*Thượng hữu huy âm, nhân tông lai.*

*Điền tâm lục súc, giai hưng vượng.*

*Phát phúc thanh danh thọ tự lời.*

Nghĩa là: Vị hoan lạc mà tu tạo hay trở cửa ở đó thì được tiền tài, thường có người phúc đức to đưa cửa lại. Điền viên chăn nuôi đều hưng vượng, phát phúc tiếng tăm vang lừng như sấm

*Bát Trạch*

động, chiêu được của cải lụa là ở mọi người phương nam đưa đến. Người thủy mạng thì phát đạt.

### **5. HUNG PHƯỚC**

---

*Hung phước an môn thọ mạng trường,*

*Niên niên tứ quý, thiếu tai ương.*

*Sĩ nhân tấn chúc, gia quan lộc.*

*Thứ nhân phát phước tấn điền trang.*

Nghĩa là: Ở vị hung phúc này, trở cửa đi thì thọ và Khang, quanh năm ít tai ương, người làm quan thì tiến chúc, thăng quan, tăng bổng lộc. Người thường dân thì phát phước tiến điền trang, sinh người hiếu nghĩa, trung hậu v.v...

### **6. KHẤP KHỐC**

---

*Khấp Khốc chi ngoại, bất khả khai.*

*Niên niên tai họa, đáo gia lai.*

*Uống tử, thiếu vong, nam tổn nữ.*

*Bí để lưu lệ, nhứt doanh tài.*

Nghĩa là: Vị trí khấp khốc này, để trở cửa ngõ luôn luôn có tai họa đến, gia đình cả nam nữ cùng bị chết non, chết uống, hằng ngày than khóc, nước mắt không ngưng, vì bệnh tật đau yếu, phải là đàn bà bị tai ách, hao tiền tổn lực lắm.

## 7. KHẨU THIẾT

---

*Khẩu thiết an môn tối bất tường.*

*Thường chiêu vô hành bị tai ương.*

*Phu thê tương tiến nhứt trục hữu.*

*Vô đoan huỳnh đệ tranh đấu cường.*

Nghĩa là: Vì khẩu thiết này mà trở cửa vào đó rất là hung, thường không có chuyện gì ở mình, mà bị tai bay, họa gió đưa đến vợ chồng cãi lộn nhau suốt tháng ngày, chẳng có đầu nổi gì, mà anh em tranh đấu nhau, rất hùng cường, sinh ra nhiều sự bất lợi cho cả gia đình.

## 8. ÔN HOÀNG

---

*Ôn hoàng chi vị mạc khai môn,*

*Tam niên ngũ tái, nhiễm thời ôn.*

*Cánh hữu ngoại nhân lai tự ái.*

*Nữ nhân sinh sản mạng nan tồn.*

Nghĩa là: Vì cửa ôn hoàng này, trở cửa đi, thì bệnh nhiễm ác khí sinh bệnh đau tả lỵ, người lớn con trẻ bạo bệnh, hoặc uống nước chết, hoặc bệnh tai, rắn cắn, tai ách. v.v... có người ở ngoài đến tự tử, đàn bà khó sinh đẻ mọi sự bất lợi, hao tài, bại sản v.v...

Bát Trạch

## 9. PHÁP TRƯỜNG

*Pháp trường vị thượng đại hung ương*

*Nhược an thử vị, thọ thương trường.*

*Phi tai lao nhục, phi đa sảo*

*Lưu đồ phát phối xuất tha hương.*

Nghĩa là: Vị pháp trường này là đại hung, nếu đặt cửa vào đó thì chịu tội hình thương nặng, gông cùm tù ngục xiềng xích đầy đi phương xa.

## 10. PHƯỚC ĐỨC

*Phước đức khai môn đại cát xương,*

*Niên niên tiến bảo đắc điền trang.*

*Chủ tăng điền địa, kim ngân khí (đồ bằng kim loại)*

*Hữu sinh quý tử, bất tâm thương.*

Giải nghĩa: Vị trí của phước đức này, trở cửa ngõ là điền đại cát xương. thì tăng điền về Lục súc, như trâu, bò, lừa, ngựa, nuôi tằm, cây lúa v.v... Lại tiến về phương Đông: Giáp ấn như người, đồ vật thuộc về loại kim ngân, sắt đồng hoạnh tài, ứng nghiệm trong 3 năm thì tiến thêm người và Sinh quý tử, gia quan thăng chức, tiến triển sản nghiệp thịnh vượng.

## 11. QUAN QUÝ

*Quan quý vị thượng bảo, an môn,*

*Định chủ danh vang vị tước tôn.*

*Thiếu vong chi vị; bất khả đoàn Điền địa tự tài nhân khẩu  
vượng,*

*Kim ngân tài vật, bất tu luân.*

Nghĩa là: Vị quan quý này trở cửa ở trong khoản đó rất tốt, sinh quý tử, sau làm nên tước vị tôn quý lòng danh, tài sản tự có, người nhiều thịnh vượng, vàng ngọc, tiền của không phải làm cũng có dư.

## 12. QUAN TƯỚC

*Quan tước, tối cao cường.*

*Sĩ nhân cao trác nhập đề hương,*

*Thứ nhân điền địa, tiền tài vượng,*

*Thiên ban cát khánh, tổng tương đương.*

Nghĩa là: Vị an môn này, là ngôi quan tước rất cao mạnh, bậc sĩ nhân thì được đề nghị, càng lên tới gần vua. Người thường dân thì vượng tài, nhà cửa, ruộng nương đầy đủ được hưởng thọ lâu dài, nên trở cửa ở vị đó.

## 13. TÁN ĐIỀN

*Tán điền vị thượng phúc miên miên,*

*Thường chiêu tài bửu tử tôn hiền*

*Cánh hữu ngoại nhân lai ký vật*

*Kim ngân tài bạch phú điền viên*

### *Bát Trạch*

Nghĩa là: Vị tiền điền này phúc tài lắm, chiêu nhiều của báu, con hiền cháu quý, có người ngoài đem tài vật đến gởi, giàu có tiền bạc, ngọc ngà, điền viên, lục súc bội phần, nếu trở cửa ở vị đó thì đời đời được hưởng như vậy.

### 14. TẤN TÀI

*Tấn tài chi vị, thị tài tinh*

*Tại thử an môn, bá sự thành*

*Lục súc diên niên, nhân khẩu vượng.*

*Gia quan tấn tước, hữu thanh danh.*

Nghĩa là: Ngôi tiền tài này, trở cửa đi, thì tiền tài lộc thóc lúa, số người thêm ra, lợi về phương Tây, mọi sự cát xương, thăng quan tiến chức. v.v...

### 15. THÂN HÔN

*Thân hôn vị thượng hảo tu phương,*

*Tu chi thân thích chúng hiền lương,*

*Thường thời vãng lai đa cát khánh.*

*Kim ngân tài bảo mĩng dinh thương.*

Nghĩa là: Vị thân nhân này tu tạo ở đó rất tốt, hoặc là trở cửa ngõ đi thì họ hàng thân thích có nhiều người hiền lương danh giá, thường thường đi lại thì được nhiều hạnh phúc, vàng ngọc tiền của đầy kho. Người mạng hỏa thì được phát đạt lắm.

#### 16. THIẾU VONG

---

*Nhứt niên chi nội, khốc thịnh hoa.*

*Hiếu tửu âm nhơn, tự ái tử,*

*Lời môn thương tử tử thiên khê.*

Nghĩa là: Vị thiếu vong này không thể nói dóc được, trong 1 năm tiếng khóc vang âm. Đàn ông tham sắc đàn bà rượu trà, du dương, rồi tự tử mất xác, sét đánh chết con ở chân trời xa vắng, nếu tu tạo hoặc trở cửa vào vị trí đó, thì ứng hung như vậy.

#### 17. TỔ TỤNG

---

*Tổ tụng chi phương, đại bất tường.*

*An môn chiêu họa, nhạ phi ương.*

*Diễn viên, tài vật, âm nhân hoại.*

*Thời tạo khẩu thiệt, não nhân trường.*

Nghĩa là: Vị tổ tụng này, mà trở cửa đi vào đó thì hung họa lớn, tài sản, nhà, ruộng, đàn bà đều hao tán, vận bí gặp nạn, thì sầu não lắm, thua kiện bị kẻ tiểu nhân phản lại rất đau lòng.

#### 18. TRƯỜNG BỊNH

---

*Trường bệnh chi vị, tật bệnh trùng,*

*Thử vị an môn, lập kiên hung.*

Bát Trạch

*Gia trưởng hộ, đình, mục tật hoạn.*

*Thiếu niên bạo tử lao ngục trung.*

Nghĩa là: Vị trưởng bình này là tật bình luôn luôn, sẽ hết bệnh nọ lại đến bệnh khác, nếu trở cửa đi vào đó thì thấy hung ngay. Người gia trưởng và anh em thân nhân trong nhà đều bị tai nạn. Như: đau bụng, đau mắt, người sinh bất nhân, bất nghĩa, bạo ngược, bị tù đầy chết ở trong ngục, người ngoại xâm nhiều, nhiều sự phi lý, bại tuyệt.

#### 19. TỰ ẨM

---

*Tự ải vị thương, bất tương đương,*

*An môn lập kiến hữu tai ương.*

*Đao binh ôn hỏa, tào hoành sự*

*Ly hương tự ải, nữ nhân thương.*

Nghĩa là: Vị tự ải này không nên phạm vào, nếu đặt cửa đi ở vị đó, thì thấy tai họa ngay trước mắt, hoặc bị đao binh tử trận hoặc bị chết vì hỏa tai, hoặc bị rơi xuống nước còn bị nhiều sự ngang tắt xảy đến, như tự tử, hoặc bỏ làng đi đàn bà bị tang thương lắm.

#### 20. VINH PHÚ

---

*Vinh phú vị thượng, tới kham tu,*

*An môn đoan đích, vượng nhân trừ.*

*Phát tích gia đình vô ách họa.*

*Phú quý vinh hoa sự nghiệp thâu.*



### *Bát trạch*

Nghĩa là: Vị vinh phú này, cần nên tu tạo, trở cửa ở đó, đích thực là Vương, người nhiều, phát tài, gia đình không tai họa, giàu sang thành sự nghiệp, mọi việc hanh thông bội hậu.

### 21. VƯỢNG TÀI

*Vượng tài môn thượng yếu quân tri.*

*Phú quý lũng thương nhiệm phát uy.*

*Hiếu đạo nhưn đình, gia nghiệp thẳng.*

*Nhứt sinh phong hậu thọ tề mi.*

Nghĩa là: Phương vị Vương tài này, người nên biết rằng: đời đổi tới chỗ đó mà tu tạo, nhất là trở cửa ngõ được phát đạt thăng tiến người được hiển đạt, gia nghiệp thành công, đời sống thịnh vượng phong lưu, sung túc, thọ khang, hòa vui, thanh thú, thương nghề phát tài v.v... Người hỏa mạng tốt.

### 22. VƯỢNG TÂM

*Vượng tâm vị thượng hảo tu phương,*

*Thử vị an lai gia đạo xương.*

*Lục súc tâm ti, giai đại lợi,*

*Tọa thu mễ cốc mễ tướng thương.*

Nghĩa là: Vị Vương tâm này, tu tạo vào nhưng rất tốt, nhà nên phúc lộc, lại thịnh vượng, chăn nuôi súc vật, tâm tư được đại lợi. Ngồi thu lúa gạo đầy kho. Người hỏa mạng khỏi gia nghiệp, thêm con cháu, bội vượng về nông nghiệp.

*Bát Trạch*

### 23. VƯỢNG TRẠNG

*Vượng trang an môn toi cát lợi*

*Tấn tài, tấn bảo, cập điền trang.*

*Bắc phương thủy âm, nhân tấn khiết,*

*Đại hoạch tâm ti, lợi thắng thường.*

Nghĩa là: Vị vượng trang này trở cửa ở đó thì rất tốt, như phát tài, phát lộc, bảo vật và ruộng nương tăng tiến, người của phát đại thịnh vượng, người nào bốn mạng hợp với cung vị đó được thắng lợi phi thường.

### 24. XƯƠNG DÂM

*Xương dâm chư vị, bất kham tu,*

*Tu chi dâm loạn, sự vô hưu.*

*Thất nữ, hoài thai, tùy nhập định,*

*Nhứt gia đại tiểu, bất hảo nhơn.*

Nghĩa là: Vị trí của Xương dâm này (con hát diêm dâm) không nên tu tạo ở đó, nếu tu tạo thì sinh ra điên loạn, không thể thoát qua được, con gái ở nhà, bị chửa hoang, đi theo trai toàn gia lớn, nhỏ đều không biết hổ thẹn, cả trai, gái đều ham mê tử sắc, dâm ô, gian loạn vô sỉ, bại hoại gia phong.

## HUỲNH TUYỀN

Là danh từ Hán Việt Huỳnh: Vàng, Tuyền, Suối, có nghĩa là suối vàng, chỉ cõi Âm. Theo thuật Phong Thủy Huỳnh Tuyền là nơi đất chết, không còn một chút nào may mắn cho con người. Trên 24 cung sơn hướng thì 12 cung địa chỉ không phạm Huỳnh Tuyền là:

Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Còn 12 cung nọ là: Kiền, Khôn, Kiền, Tốn, và Giáp, Ất, Bính, Đinh, Canh, Tân, Nhâm, Quý thường phạm Huỳnh Tuyền, khai môn cung Phước đức mà phạm Huỳnh Tuyền vẫn hung. Phạm lầm chỉ đến Đồ thiên ất lâm tai họa. Canh Đinh (Khôn) thương thị Huỳnh Tuyền (hướng Canh, Đinh kỵ Khôn sơn). Khôn hướng "Canh Đinh" bất khả ngôn. (Hướng Khôn kỵ Canh sơn, Đinh sơn).

Ất Bính tu phòng "Tốn" Thủy tiên.

(Hướng Ất và Bính kỵ Tốn sơn).

Tốn hướng Ất, Bính họa việc nhiên.

(Hướng Tốn kỵ Ất sơn và Bính sơn).

Giáp, Quý hướng trung hưu kiên "Cấn".

(Hướng Giáp và Quý kỵ Cấn sơn).

Cấn kiến "Giáp, Quý" hung bá niên.

(Hướng Cấn kỵ Giáp sơn và Quý sơn).

## Bát Trạch

Tân, Nhâm thủy lộ phạm đương "Kiến".

(Hướng Tân và hướng Nhâm kỵ Kiến sơn).

Kiến hướng "Tân, Nhâm" họa thâm thiên.

(Hướng Kiến kỵ Tân sơn và Nhâm sơn).

Ví dụ: Như nhà ngay hướng Canh sơn và Đinh sơn thì kỵ cung Khôn sơn là Huỳnh Tuyền chẳng nên đào giếng hay đường đi, hoặc ngay hướng Khôn thì là Canh sơn và Đinh sơn là Huỳnh Tuyền.

Xem thủy Huỳnh Tuyền, bắt luận là mấy lần nóc nhà, đều ở chỗ giọt nước đổ xuống, lấy La Bàn xem cửa Huỳnh Tuyền ở giữa nền nhà chính, để đặt La Bàn biết phương nào nên trở Đại Môn (cửa cái) còn các phòng kế cận cứ giữa gian chính mà xem. Xét Huỳnh Tuyền Lộ Thiên thì đặt La Bàn ở giữa cửa cái như hướng Kiến, Tồn đặt La Bàn ở dưới chỗ giọt nước mái nhà rơi xuống, chiếu xem ở phương Ất Thìn có đường cái là Huỳnh Tuyền, thì tuyệt nhất phòng. Cửa phạm Huỳnh Tuyền dù có trở cửa lớn làm phúc đức cũng bị hung.

### PHẦN 3

# LUẬN GIẢI

## VỀ MỘT SỐ CÔNG TÁC TU TẠO

(Theo Bát Trạch với 24 Sơn Hướng)

## A - MẠNG TRẠCH

Tức là cung phi của chủ nhà nó nằm ở trung tâm (chính giữa) các BÁT QUÁI ĐỒ.

Luận mạng thường phải luận Tọa sơn, luận mạng Trạch không xét đến Tọa sơn vẫn có hung mà Tiểu hung, nếu luận Tọa sơn không xét đến mạng Trạch là đại hung, dưới đây là 1 ví dụ: Trên 24 sơn hướng để bếp có cung Cát cũng có cung hung không thay đổi. Như Bính sơn, Đinh sơn và Ngọ sơn thuộc cung Ly thì Đinh sơn hung, còn Bính sơn và Ngọ sơn thì Cát là tốt, nhưng tốt cho những người mạng Tây tứ Trạch, còn những người tuổi Đông tứ Trạch, đặt bếp lên đó không cần luận mạng Trạch là đại hung. (Luận sơn hướng thì bắt luận mạng giả đại hung).

Nếu người mạng Tây tứ Trạch đặt bếp lên đó là hợp Trạch là tốt mà không để đúng vào Bính sơn và Ngọ sơn Cát lại lầm để lên Đinh sơn cũng lầm tiểu hung, đó là: "Luận mạng thì bắt luận sơn hướng giả tiểu hung"

### *Bát Trạch*

Đại để thấy cung Phước đức hoặc Tấn tài để cửa ngõ tốt, nhưng phải xem nó thuộc sơn hướng nào, có hợp mạng Trạch, chủ nhân mới tốt, không hợp mạng vẫn hung.

## **B - HƯỚNG NHÀ Ở**

### **TÂY BẮC**

---

Nhà day của Tây Bắc thì đường ra vào gặp ngay cung Sơn Tấn Tài, Quan Tước và Quan Quý, như vậy là hướng tốt, phải tránh Sơn Cung Tổ Tụng, Tử Ai, Pháp Trường, Điền Cường đó là hướng xấu.

### **CHÁNH BẮC**

---

Nhà day của hướng Chánh Bắc, thì đường ra vào có một cung Phương Xương Dâm, vậy nên tránh khỏi Xương Dâm mà xiêng về Đông Bắc một tý là gặp được Thân Hôn, Hoan Lạc và tại Quý Sơn nhằm Hoan Lạc rất tốt.

### **ĐÔNG BẮC**

---

Nếu mà day của hướng Đông Bắc, nên tránh Cấn Sơn tức hướng Bại Tuyệt mà khai đúng về Sửu gặp Hoan Lạc Sơn.

### **CHÁNH ĐÔNG**

---

Nhà day của hướng Chánh Đông, là đường ra vào Ất là Hoan Lạc, nếu Thìn Sơn là tuyệt bại.

### ĐÔNG NAM

Nhà day cửa hướng Đông Nam, phải đặt đường ra vào Tốn Sơn thì được Vượng Tài, hoặc là Ty sơn thì gặp Phước Đức, bằng phạm vào Thìn Sơn là tuyệt bại, Bính sơn thì phạm Ôn Hoàng.

### CHÁNH NAM

Nhà day cửa hướng Chánh Nam, thì đường ra vào phải đặt cho đúng hướng Ngọ Sơn được Thân hôn hay đặt tại Đinh Sơn được Hoan Lạc, tránh Bính Sơn phạm Xương đâm xấu.

### TÂY NAM

Nhà day cửa Tây Nam, lối ra vào phải đặt hướng Khôn Sơn thì tốt được Lạc Phú, không nên đặt lối ra vào nơi Mùi Sơn thì gặp Cô Quả, Thân Sơn và Đinh Sơn đều xấu.

### CHÁNH TÂY

Nhà day cửa về Chánh Tây, phải đặt đường ra vào nơi cung phương Vinh Phú, Thân Hôn, Hoan Lạc tránh Cô Quả, Thiếu Vong, Xương Đâm và Tuyệt Bại.

# C - ĐẤT CẨM NỀN

## (ĐỊNH CƠ)

Muốn kiến tạo nhà cửa, trước hết phải định chỗ đặt nền nhà. Thuật phong thủy gọi là định cơ, điều quan trọng nhất là hình dáng căn nhà, do kiến trúc sư am hiểu về hình thức tốt xấu, thứ hai là lựa chiều hướng con đường đi ở gần và phòng hỏa hoạn. Đầu tiên là đặt la bàn (la kinh) ở chỗ mạch nhỏ dẫn vào nền nhà (tức long nhập thủ) để lấy khí thanh thuận, rồi lấy sợi dây kéo thẳng từ chỗ đó đến chỗ đặt la bàn là chỗ giữa nền, đặt làm phòng chính của tòa nhà, sau đó lấy thước để đo, cắm hướng vào phần kim, rồi mỗi cạnh kéo 1 sợi dây để qui định ranh giới của ngôi nhà. Dùng chân bước hoặc đo thước đứng ở khoảng trung tâm sống một cây cọc, rồi kéo sợi dây dài, chia ra 24 phương vị, dùng những cọc nhỏ ghi rõ từng phương vị 1 cho cẩn thận, để cho tiện việc phân định các căn phòng cùng mọi chỗ, định đặt làm gì, như là: đào giếng, đặt ống cống tiêu nước đi nơi đặt nhà xí (cầu tiêu), trở cửa ngõ lớn v.v. Sau khi đã chuẩn định, rồi mới chọn ngày lành tháng tốt để khởi công.

Nếu chỉ là sửa sang lại căn nhà cũ thì chỉ cần đặt la bàn để biết trung cung và các phương vị, xem hướng và các phương trong phạm vi của ngôi nhà, chỗ nào tốt, chỗ nào xấu, để lựa chọn, nếu muốn thay đổi. Trường hợp này không cần phải dùng cọc, mà chỉ biến vào giấy dán vào những chỗ ấy mà trông cũng được.



## CHỌN PHƯƠNG HƯỚNG

# TRỞ CỬA CHO CHỦ NHÀ MẠNG KIỀN

Kiền Trạch gồm có 3 sơn: Tuất, Kiền, Hợi.

Kiền sơn đối Tốn hướng, Hợi sơn đối Tỵ, Tuất sơn đối (chiếu phối) Thìn, tương ứng tại Trạch đó. Bốn Trạch ở phương Đoài, hết thấy những vị ấy là thuộc Cát tinh. Cấn phương thì có tiểu tì (vết hung nhỏ) không bằng Dậu phương là tốt thứ nhất. Nếu Khảm phương bị Lục sát, Chấn phương phạm Ngũ quỷ, Tốn phương là họa hại, Ly là tuyệt mạng, tức phá quân đều là phương bất lợi.

Kiền Trạch là chính Tốn hướng, không nên trở cửa chính giữa gian, lại hợp Tây tứ Trạch, nên trở cửa bên Bạch hổ là thượng hạng cát. Kiền Kim, Tỵ là cửa cái, lại trở cửa bên Tỵ phương, trở cửa bên Đoài phương ở cạnh vị lại không phạm Tốn hướng là Sát diệu, là đệ nhất hạng! hoặc cửa cái tại Khôn, lấy Lão âm, Lão dương phối hợp, lại hợp Diên niên, Vũ khúc, Kim tinh là tỷ hỏa, tinh trợ bốn cung. Vậy hợp cục Thiên Địa định vị. Lại thấy sách Diễn văn có 1 chỗ nói: "Bất định khôn môn" nghĩa là:

### *Bát Trạch*

không trở cửa ở phương Khôn, đó là lấy lí có Tam bích tại Khôn, nó hợp khí lại thì có tì ờ nhỏ vậy. Bát sợ hợp với Tứ bạch. Kiền là Lục bạch Kim tinh hợp với Thất xích tinh đến bốn cung là tọa vượng, Bát bạch thổ tại Đoài là sinh khí được thượng hạng cát. Nếu trở cửa ở Cấn phương là Thiên y Cự môn thể tinh. Thổ sinh kiền Kim là tinh sinh cung cũng ở thượng hạng cát Trạch. Lấy 3 cái đó để so sánh thì Khôn kỹ nên trở cửa cái, ở Đoài nên trở cửa thứ 2, ở Cấn trở tiểu môn (cửa nhỏ) là đủ cả tam cát môn.

## CHỦ NHÀ MẠNG KHẨM

Tý sơn, Nhâm sơn, Quý sơn.

Trạch này lợi ở vào năm, tháng Thân, Tý hợp với Mộ ở Thìn, tương ứng với Thân Tý là bốn Trạch tọa cung được toàn mỹ, ở hai bên có thể trở cửa nhỏ, cửa sau ở Nhâm, ở Quý 2 phương không lia phương cát của bốn cung. Không nên lấn vào phương Hợi, phương Sửu.

Tra xem cái Khảm Trạch phối với Tốn là Sinh khí, Chấn là Thiên y, Ly là Diên niên, nên trở cửa lộ (cửa ngõ đi ra đường). Nhưng 3 phương này hợp với Tam bạch, cũng có chỗ không được tân cát (tốt hết cả) như Kiền thì Lục sát, Khôn thì Tuyệt mạng, Cấn thì Ngũ quỷ mà Đoài là họa hại, càng thêm là bất

### Bát Trạch

cát, đến hợp Tử, Bạch thì Khảm là Nhật bạch Thủy tinh, hợp được Lục bạch kim đáo bốn cung, là Tọa sinh khí. Nhị hắc đáo Kiền, Bát bạch đáo, Chấn đều có sát khí. Nhưng Chấn là Thiên y Cự môn, có thể trở tiểu môn (cửa nhỏ tiện đi trong nhà) để trợ lực sự cát tường cho cửa chính. Như Địa hình có thể trở cửa lớn, lại hợp với Đông tứ Trạch, thì nên trở cửa phương Đông rất tốt. Tam bích tại Đoài là Lộc tồn, Tứ lục tại Cấn là Liêm trinh Ngũ quỷ, đều là thoái khí. Thất xích đáo Khôn là sinh khí. Cửu tử đáo Tốn cũng là đáo khí (khí chết).

Tốn cung lấy Tam lang hợp với tử khí, cũng có thể trở cửa nhỏ mà giúp cho cửa lớn, thêm tốt. Cửa ở phương Tốn thì Mộc vào phương Khảm, phương tri thân quý, đã thấy Khảm Trạch trở Tốn môn được cát tường nhiều lắm rồi. Khôn cung lấy Phá quân mà hợp Sinh khí, cho nên Quý sơn, Đinh hướng có trở cửa ở Khôn, Thân vì ở Khảm là Thủy, tức là Sinh phương mà có Sinh tinh chiếu, hay kiêm cả nghinh, hợp thủy lại ở bên phải. Đây chẳng qua là còn đó để đợi bên trái, chứ không thể trở cửa ở Ngũ quỷ được. Ly phương là Hỏa hại, Chấn là Lục sát, Tốn là tuyệt mạng là không tương phối, đến sự phối hợp của Tứ bạch, thì Cấn là Bát bạch Thổ tinh, phối hợp được Nhị hắc là Thổ đáo Bốn cung, cũng là tọa vượng. Cửu tử đáo Kiền đó là Sinh khí, nên lấy là Cửa thứ nhất, khai bạch tại Đoài, tuy là khí chưa có thuần, nhưng có thể trở cửa, đào giếng được, Tam bích ở Ly, tứ lục ở Khảm đều là Sát khí, mà Khảm càng hung hơn! Ngũ hoàng ở Khôn, tuy là Tham lang, mà Tham lang thuộc Mộc lại cùng với Cấn thổ là hiểm nghi, lấy Khôn để trở cửa thứ hai, Kiền là Cửa cái thứ nhất, Canh, Dậu, Tân 3 phương trở cửa cái thứ nhì được cát tường.

Bát Trạch

## CHỦ NHÀ MẠNG CẦN

Cần sơn, Khôn hướng... Sửu sơn, Mùi hướng... Dần sơn, Thân hướng. Trạch này lợi vào năm tháng Thân, Dậu, Tuất nhập Mộ ở Thìn, trung ứng vào con thứ 3,4. Phối với Kiền kim là Thiên y, Khôn là Sinh khí, Đoài là Diên Niên, đều nên trở cửa ở các nơi đó. Nếu trở Môn Lộ ở Khảm là Kim khắc Mộc. Cửa thứ 2 Canh hợp nạp giáp cũng được.

## CHỦ NHÀ MẠNG CHẤN

Mẹo sơn, Dậu...Giáp sơn, Canh...Ất sơn, Tân...

Trạch này lợi ở Hợi, Dần, Mẹo năm, tháng hợp vào mộ vị của Mùi, trung ứng vào con trai trưởng. Bồn Trạch tọa cung là Phục vi thì Cát phối Tốn là Diên niên, Ly là Sinh khí, Khảm là Thiên y đến nên trở cửa, tác Táo hướng. Nếu ở Kiền là Ngũ quý, ở Khôn thì Họa hại, Chấn thì Lục sát, Đoài thì Tuyệt mạng đều là bất cát

### Bát Trạch

(không tốt).Như hợp với Tử, Bạch, thì chấn là Tam Bích Mộc Tinh, phối hợp được Nhất bạch tinh đáo Bồn cung, là tọa sinh khí, Nhị hắc, Bát bạch đáo Khảm, Thất xích đáo Ly, tuy là khí tính chưa thuần đều có thể trở cửa được. Tứ lục đáo Kiền thực là vượng khí có thể đào giếng, làm bếp ở phương đó được. Nếu Ngũ hoàng ở Đoài thì đại bất lợi! Xét trong Bát Trạch đều là hung, đến cả tiểu môn cũng không nên trở ở chỗ đó. tuy là phục vị trung cung ai tán hữu trụ, có thể trở cửa lộ đi ra ở phía sau là tiểu môn, cũng phải xét là cát phương mới mở được ! Chấn Trạch, Tốn Trạch đều không nên trở cửa ở thẳng chính giữa khoảng nhà, đó là ngũ hoàng tại Ly thuộc Vũ khúc Diên niên, Địa lý thiên văn cho là bất lợi, đó là trục xung! Trừ Kha môn, Hỷ môn, cửa chánh, ngoài ra hết thấy mọi nhà bá tánh, không thấy nhà định hướng nào trở cửa chánh ở Ngọ vị, vì sợ Lộc phá cả cửa cái và Nhị môn, khai thẳng ở phương Bính là được thuần cát. Tý sơn, Ngọ hướng cũng là Nhị môn Trục khai, cửa cái ở Bính lại càng là cát tường, đều mừng ở Vị xá Văn tinh.

Nếu Nhâm sơn, Bính hướng, có nhiều tả thủy, đảo hữu mới hợp thủy pháp. Cửa cái ở phương Tốn thu cát khí của phương Tốn là ngôi Lâm quan của hỏa cục, đều có Tham lang tinh đại vị, rất là cát lợi, không được câu nệ một cái Sách của Nguyên Chính mà nói là không nên Khai Tốn môn, Bính hướng, hai cửa trở đối nhau là cát, lợi. Cửa lớn, cửa nhỏ không nên trở ở phương Ty, nếu trở thì phá Lộc của Bính hướng. Nên biết là: Đinh, Ngọ hướng, mà cửa cái trở cửa ở Bính là đệ nhất hạng! Nếu Bính hướng trở cửa cái trở ở Tốn là đệ nhất hạng ! Nếu Bính chỉ có 1 cửa mà tiến thì lấy đối với chính hướng là cát lợi ! Nếu Ngọ hướng trở cửa ở Ất, Mẹo là Đông-phương Thiên môn Lộ, cũng cát tường. Nếu định hướng, Bính môn, ngoài lại trở cửa ở phương Khôn để đón nước lại cũng cát lợi! cùng 1 thứ Trạch

*Bát Trạch*

mà tác dụng có phân biệt, là do người nhận Địa hình, phương tiện mà định.

# CHỦ NHÀ MẠNG TỐN

Tốn sơn, Kiền hướng, Tỵ sơn, Hợi hướng, Thìn sơn, Tuất hướng. Trạch này lợi ở năm tháng Hợi, Tý, Sửu, Dần, Mão, nhập mộ ở Mùi, trung ứng vào Trưởng nữ. Đối với Chấn là Diên niên, Khảm là Sinh khí, Ly là thiên y, đều là cát lợi. Trổ cửa ở Đông phương là Giáp, Mão, Ất. Trổ cửa ở phương Bắc là Nhân, Tý, Quý đều được cát lợi. Không nên trổ cửa chính thẳng Tốn môn. Nếu mở Kiền là họa hại, ở Khôn là Ngũ Quỷ, ở Cấn là Tuyệt mạng, ở Đoài là Lục sát đều là bất cát! Đến sự phối hợp Tử, Bạch thì Tốn là Tứ lục Mộc tinh, hợp được Tam bích Mộc đáo Bồn cung là tọa vượng. Nhị hắc Thổ tại Chấn, tuy khí chưa được thuần, cũng hợp Tài, Quan cho nên là Diên niên phương, có thể trổ cửa ở đó được. Ngũ huỳnh ở Kiền, Nhất bạch là bất lợi! Lục bạch đáo hoài cũng là sát khí! Thất xích ở Cấn với Đoài phương hợp đồng. Bát bạch tại y, tuy là phương tử khí mà không sát. Cửu tử tại Khảm có thể đào giếng được.

Bát Trạch

# CHỦ NHÀ MẠNG LY

Ngọ sơn, Tý hướng, Đinh sơn, Quý hướng, Bính sơn, Nhâm hướng. Trạch này lợi về năm, tháng Dần, Tỵ, Ngọ, nhập mộ là Tuất phương trung ứng vào trung nữ (con gái thứ 2) Bồn cung là phục vị cát. Phối Tốn là Thiên y, Chấn là sinh khí, Khảm là Diên niên, đều là chính phối, nhưng trong đó Khảm có bệnh xung khắc. Nếu Kiền là tuyệt mạng, Khôn là Lục sát, Đoài là Ngũ quỷ, Cấn là họa hại, không phải phối cát. Dần sự hợp với Tuất, Bạch thì Ly là Cửu tử Hỏa tình, hợp được Tứ lục Mộc tình đáo Bồn cung là tọa Sinh phương, Tam bích tại Cấn cũng là Sinh khí, Thất xích tại Chấn, tuy khí chưa có thuần, nhưng thực là sinh phương, Lục bạch tại Khôn, nhị hắc tại Đoài, mọi sự đều là cát, Bát bạch tại Tốn, giếng nước, bếp lửa đều dùng được, tiểu môn, cửa cái đều có thể trở được. Chỉ có Giáp Ất là Mộc phương được cát lợi. Nếu dùng nhị môn cũng không nên mở rai chính diện, thẳng đối với nhau, nên lệch về bên trái làm nhâm vị, chuyển đến Chấn mà ra thì tốt lành! Nếu Tý hướng không nên trở cửa ở đó, trở ở Quý thì cung cát lợi. Tóm lại là: ở thẳng vị đó không nên 2 cửa làm đối diện, đưa 2 vị là Nhâm hoặc Quý trở cũng tốt lành.

Bát Trạch

# CHỦ NHÀ MẠNG KHÔN

Khôn sơn, Cấn hướng, Thân sơn, Dần hướng, Mùi sơn, Sửu hướng. Trạch này lợi về năm, tháng Thân, Dậu, Tuất, Hợi Tý nhập mộ ở Thìn, trung ứng vào Trạch môn. Phối Kiền là Diên niên, Cấn là Sinh khí, Đoài là Thiên y. Nếu Khảm thì tuyệt mạng, Ly thì Lục sát, Chấn thì họa hại, Tốn thì Ngũ quỷ, đến sự hợp với Tử, Bạch thì Khôn là nhị hắc thổ tính, hợp với Bát bạch là đích thổ đáo bốn cung là giúp vượng cung khác đều chưa thuần túy. Theo như Nguyên Chính nhất thư, thì Sửu, Cấn, Dần đều có thể trở cửa chánh lộ, Kiền, Đoài thì trở tiểu môn để giúp thêm cát lợi. Luận về hợp với Tử, Bạch, về việc cửa cái ở tam cát phương mà được thuần cát thì ít, vậy bắt tất câu nệ, chỉ cần biết là Tây tứ Trạch: Kiền, Khôn, Cấn, Đoài nên trở cửa ngõ đi ra đường ở phía Bạch hổ (phía tay phải) Đông tứ Trạch: Chấn, Tốn, Khảm, Ly nên trở cửa ngõ đi ra phía Thanh Long (bên tay trái) thì tốt. Ở 3 phương cát được Lai thủy, án, hướng đẹp, tốt, hướng của Chính Trạch có thể lập hướng được, thì chẳng cần tìm hướng Bạch ở phương cát khác, để hương ở cát phương đó, đều tự lập hướng, được là Đích lợi, không nên theo thủy khí xuất khẩu lập hướng nữa.



Bát Trạch

# CHỦ NHÀ MẠNG ĐOÀI

Dậu sơn, Mẹo hướng, Canh sơn, Giáp hướng, Tân sơn, Ất hướng. Trạch này lợi ở năm tháng: Tỵ, Mùi, Thân, Dậu, nhập mộ ở sinh trung ứng vào Thiếu nữ (con gái út) Phối với Kiền là Sinh khí, Khôn là Thiên y đều là phối cát, mà Kiền liên trùng trùng sinh khí còn tốt hơn nữa! Nếu Khảm thì họa hại, Chấn thì tuyệt mạng, Tốn tuy là Lục sát, Ly tuy là Ngũ quỷ

Bát Trạch

## PHẦN 5

### CHỌN HƯỚNG

# ĐẶT CÔNG RÃNH ĐỂ THOÁT NƯỚC

(Cửa 24 Sơn Hướng)

Nhà ở rất cần tìm ra hướng nước chảy mới có thể biết được phương tốt. Còn việc mở cửa, đắp nền đều có tiêu chuẩn để theo. Dưới đây sẽ nói về 24 hướng nước chảy tốt xấu:

#### 1. NHÂM SƠN BÌNH HƯỚNG:

Gồm 2 phần của Tý, Ngọ (khi phân kim chỉ có thể kiếm 2 phần, không thể kiếm 3 phần), là hướng của cục Dần, Ngọ, Tuất (tam hợp) phải thu nạp được thủy ở Bính hỏa, sinh ở Dần, lộc ở Tý, vượng ở Bính ngọ. Nước ở các giếng (do Thiên tạo) ở trong khu nhà, đều nên quay về phía bên phải, chiếu ra ở phương Khôn, Đinh Hợi Canh, Tân thì tốt. Nếu quay về phía bên trái là phần lại tốt của thủy thì không lợi. Nếu phóng thủy ra ở hướng Tốn tị phạm Huỳnh Tuyền, sẽ hại nhân khẩu, cửa chính nên mở ở phương Bính, các thứ hướng khác ở các cục đại khái cũng như thế mà suy ra.

**2. TỶ SƠN, NGỌ HƯỚNG: LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:**

Dần, Ngọ, Tuất (tam hợp), phải thu nạp thủy ở Bính hỏa; sinh ở Dần, Lộc ở Tỵ, Vượng ở Ngọ. Nước ở các vũng giếng thuộc trong khu nhà, đều quay về bên phải, chảy ra ở phương Đinh, Khôn, Canh, Tân sẽ tốt. Nếu quay về bên trái sẽ tương phản với hướng và thủy thì bất lợi. Phương Bính Tỵ phạm Huỳnh Tuyền bị sát thủy, sẽ hại nhân khẩu. Cửa chính nên trở ở phương Bính.

**3. QUÝ SƠN ĐÌNH HƯỚNG: LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:**

Thân, Tỵ, Thìn (tam hợp), phải nạp thủy ở Tân kim; sinh ở Tỵ, Vượng ở Thân, suy ở Đinh. Nước cống rãnh trong nhà, nên quay về bên trái, chảy ra ở Tốn, Tỵ, Giáp, Bính thì tốt. Nếu chảy ra bên phải là phản với hướng thủy, hướng tương phản sẽ bất lợi. Phương Khôn, Thân sẽ phạm Huỳnh Tuyền, hại nhân khẩu. Cửa chính nên hướng về Đinh.

**4. SỬU SƠN MÙI HƯỚNG: LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:**

Dần, Ngọ, Tuất (tam hợp) phải nạp thủy ở Bính hỏa; Sinh ở Dần, vượng ở Ngọ, suy ở Mùi. Nước vũng giếng rãnh trong nhà, nên quay về bên phải, chảy ra ở Canh, Tân hoặc Khôn Kiến thì tốt. Nếu quay bên trái thì nghịch với hướng là Thủy phá cục, bất lợi phương Tốn, Tỵ sẽ phạm Huỳnh Tuyền, hại nhân khẩu. Cửa chính nên ở Đinh.

**5. CÁN SƠN KHÔN HƯỚNG:**

Là hướng của cục: Tỵ, Thân, Thìn (tam hợp) phải thu nạp thủy ở Tân kim; Sinh ở Tỵ, lộc ở Dậu, vượng ở Khôn. Các nước ở

### *Bát Trạch*

giếng rãnh nên quay về bên trái, chảy ra ở Ất, Tốn hay Bính, Đinh thì tốt. Nếu về bên phải là phản hướng, thủy phá cục, bất lợi. Phạm Huỳnh Tuyền ở Dậu thì tổn hại Nhân khẩu. Cửa chính nên trở ở Khôn.

### 6. DẦN SƠN THÂN HƯỚNG LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:

Tý, Thân, Thìn (tam hợp) phải thu nạp thủy ở Tân kim; sinh ở Tý, Lộc ở Dậu, vượng ở Thân. Các nước giếng rãnh nên quay về bên trái, tiêu ra phương Tốn hay Bính, Đinh thì tốt, còn quay bên phải thì phản hướng, thủy phá cục, bất lợi. Phạm Huỳnh Tuyền ở Dậu thì tổn hại nhân khẩu. Cửa chính nên trở ở Khôn.

### 7. GIÁP SƠN CANH HƯỚNG BAO GỒM KIM DẦN, THÂN LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:

Tý, Thân, Thìn (tam hợp) phải thu nạp thủy Tân kim; sinh ở Tý, Lộc ở Dậu, vượng ở Thân. Các nước giếng rãnh nên quay về bên trái, mà chảy ra ở Đinh, Bính, Tốn thì tốt. Nếu quay về bên phải là phản hướng, thủy phá cục, bất lợi. Phạm Lâm quan ở Dậu, phá Quan đới ở Tuất, sẽ bị chết con. Cửa chính nên trở ở Canh hay Khôn.

### 8. GIÁP SƠN CANH HƯỚNG BAO GỒM KIM MEO, DẬU LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:

Tị, Dậu, Sửu (tam hợp) phải thu nạp thủy Canh kim; sinh ở Tý, Lộc ở Thân, vượng ở Canh. Các nước vũng, giếng nên quay về bên phải, rồi chảy ra ở Quý, Nhâm hay Tân, Kiền thì tốt. Nếu quay bên trái thì nghịch hướng, thủy phá cục, sẽ bất lợi. Phạm Huỳnh Tuyền ở Thân, tổn hại nhân khẩu. Cửa chính nên trở ở Canh

**9. MỆO SƠN DẬU HƯỚNG LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:**

Ty, Dậu, Sửu (tam hợp) phải nạp thủy Canh kim; Sinh ở Ty, lộc ở Thân, vượng ở Dậu. Các thứ nước giếng quay về bên phải, chảy ra ở Quý, Cấn hay Kiền, Nhâm thì tốt. Nếu quay sang bên trái thì trái hướng, thủy phá cục sẽ bất lợi. Phạm Huỳnh Tuyền ở Thân thì tổn hại nhân khẩu. Cửa chính nên trở ở canh phương.

**10. ẤT SƠN TÂN HƯỚNG LÀ HƯỚNG CỦA CỤC HỢI, MỆO, MÙI (TAM HỢP):**

Phải nạp Quý thủy; Sinh ở Mẹo, vượng ở Hợi, Suy ở Tân. Các nước vũng giếng nên quay sang bên trái ra ở Đinh, Khôn hay Canh thì tốt. Nếu quay sang bên phải sẽ phản hướng, thủy phá cục, sẽ bất lợi. Phạm Huỳnh Tuyền ở Kiền Hợi, sẽ tổn hại nhân khẩu. Cửa chính nên trở ở Tân phương.

**11. THÌN SƠN TUẤT HƯỚNG LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:**

Ty, Dậu, Sửu (tam hợp) phải thu nạp thủy Canh kim; Sinh ở Ty, vượng ở Dậu, suy ở Tuất. Các thứ nước vũng giếng nên quay sang bên phải, ra ở Quý hay Cấn, Nhâm thì tốt. Nếu quay sang bên phải là phản hướng, thủy phá cục sẽ bất lợi. Phạm Huỳnh Tuyền ở Thân thì tổn hại nhân khẩu. Cửa chính nên trở ở Kiền phương.

**12. TÔN SƠN KIỀN HƯỚNG LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:**

Mẹo, Hợi, Mùi (tam hợp) phải thu nạp Quý thủy; Sinh ở Mẹo, Lộc ở Tý, vượng ở Kiền. Các nước vũng giếng nên quay về bên trái ra ở Đinh, Khôn hay Canh, Tân sẽ tốt. Nếu quay sang bên phải nghịch với hướng, thủy phá hướng sẽ bất lợi. Phạm Huỳnh

*Bát Trạch*

Tuyền ở Tý thì tổn hại Nhân khẩu. Cửa chính nên trở ở Kiền phương.

#### 13. TỶ SƠN HỘI HƯỚNG LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:

Mẹo, Hợi, Mùi (tam hợp) phải thu nạp Quý thủy; Sinh ở Mẹo, Lộc ở Tý, vượng ở Hợi. Các thứ nước vũng giếng nên quay về bên trái, tiêu ra ở Đinh, Khôn hay Canh, Tân là tốt. Nếu quay sang bên phải là nghịch với hướng, vì thủy phá cục thì bất lợi. Phạm Huỳnh Tuyền ở Tý thì tổn hại Nhân khẩu, Đinh. Cửa chính nên trở ở Kiền phương.

#### 14. BÌNH SƠN NHÂM HƯỚNG BAO GỒM TỶ, HỘI LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:

Mẹo, Hợi, Mùi (tam hợp) phải thu nạp Quý thủy; Sinh ở Mẹo, Lộc ở Tý, vượng ở Hợi. Các nước vũng giếng nên quay về trái, tiêu ra ở Tân hay Canh, Khôn thì tốt. Nếu quay sang bên phải là phản hướng, thủy phá cục. Phạm Sát và phá Lộc ở Tý, Sửu sẽ không con. Cửa chính nên trở ở Kiền hay Nhâm.

#### 15. BÌNH SƠN NHÂM HƯỚNG BAO GỒM NGỌ, TÝ LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:

Thân, Tý, Thìn (tam hợp) phải thu nạp Quý thủy; Sinh ở Thân, Lộc ở Hợi, vượng ở Nhâm. Các nước vũng giếng nên quay đổ sang bên phải, tiêu ra ở Ất hay Giáp, Quý, Cấn sẽ tốt. Nếu quay sang bên trái là nghịch hướng, thủy phá hướng cục, bất lợi. Phạm Sát ở Hợi thì sẽ tổn Nhân đinh. Cửa chính nên trở ở Nhâm.

**16. NGỌ SƠN TÝ HƯỚNG LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:**

---

Thân, Tý, Thìn (tam hợp) phải thu nạp Nhâm thủy; sinh ở Thân, Lộc ở Hợi, vượng ở Tý. Các nước rãnh giếng nên quay sang bên phải, chảy ra ở Ất, Tồn hay Cấn, Giáp. Nếu đổ sang bên trái là phản hướng, tức thủy phá cục sẽ bất lợi. Phạm sát ở Hợi thì sẽ tổn đình. Cửa chính nên trở ở Nhâm, Quý.

**17. ĐÌNH SƠN QUÝ HƯỚNG LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:**

---

Ngọ, Dần, Tuất (tam hợp) phải thu nạp thủy ở Ất mộc; sinh ở Ngọ, vượng ở Dần, suy ở Quý. Nước mưa và nước rãnh giếng nên quay về bên trái, ra ở Kiền, Tân hay Nhâm thì tốt. Nếu sang bên phải thì nghịch hướng, thủy phản phá cục sẽ bất lợi. Phạm Huỳnh Tuyền ở Cấn thì sẽ tổn đình. Cửa chính nên trở ở Quý phương.

**18. MÙI SƠN SỬU HƯỚNG LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:**

---

Thân, Tý, Thìn (tam hợp) phải thu nạp Nhâm thủy; sinh ở Thân, vượng ở Tý, suy ở Sửu. Nước mưa và nước rãnh giếng nên đổ về bên phải, ra ở Ất, Tồn hay Giáp thì tốt. Nếu quay về bên trái là phản hướng, thủy phản sẽ bất lợi. Phạm Huỳnh Tuyền ở Tý sẽ tổn Nhân đình. Cửa chính nên trở ở Cấn phương.

**19. KHÔN SƠN CẤN HƯỚNG HAY THÂN SƠN DẦN HƯỚNG ĐỀU LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:**

---

Ngọ, Dần, Tuất (tam hợp) phải thu nạp thủy Ất mộc; sinh ở Tý, Lộc ở Mão, chỉ có Khôn sơn là vượng ở Cấn, Thân sơn thì vượng ở Dần. Các nước rãnh giếng nên quay về bên trái, ra ở Tân, Kiền hay Nhâm, Quý thì tốt. Nếu quay về bên phải là phản

### *Bát Trạch*

hướng, thủy phản bất lợi, đều phạm Huỳnh Tuyền ở Mão sẽ hao tổn Nhân đinh. Cửa chính nên trở ở Cấn phương.

#### 20. CANH SƠN GIÁP HƯỚNG BAO GỒM THÂN, DẦN 2 PHẦN LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:

Ngọ, Dần, Tuất (tam hợp) phải thu nạp thủy Ất mộc; sinh ở Ngọ, Lộc ở Mão, vượng ở Dần. Nước cống rãnh giếng nên đổ sang bên trái, ra ở Kiền hay Tân, Nhâm, Quý thì tốt. Nếu đổ sang bên phải thì nghịch hướng, là thủy phản cục thì bất lợi. Phạm Huỳnh Tuyền ở Mão sẽ tổn Nhân đinh. Cửa chính nên trở ở Giáp hay Cấn phương.

#### 21. CANH SƠN GIÁP HƯỚNG BAO GỒM DẬU, MẸO 2 PHẦN LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:

Hợi, Mão, Mùi (tam hợp) phải thu nạp thủy của Giáp mộc; sinh ở Hợi, Lộc ở Dần, vượng ở Giáp. Nước cống rãnh giếng nên quay sang bên phải, chảy ra ở Đinh, Bính hay Ất, Tồn thì tốt. Nếu đổ sang bên trái là nghịch hướng, thủy phản thì bất lợi. Phạm Huỳnh Tuyền ở Dần tổn Nhân đinh. Cửa chính nên trở ở Giáp phương.

#### 22. DẬU SƠN MẸO HƯỚNG LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:

Hợi, Mão, Mùi (tam hợp) phải thu nạp thủy của Giáp mộc; sinh ở Hợi, Lộc ở Dần, vượng ở Mão. Nước cống rãnh giếng nên đổ sang bên phải, chảy ra ở Đinh Khôn hay Tồn Bính thì tốt. Nếu đổ sang bên trái là nghịch hướng, thủy phá sẽ thì bất lợi. Phạm Huỳnh Tuyền ở Dần sẽ tổn Nhân đinh. Cửa chính nên trở ở Giáp phương.



**23. TÂN SƠN ẤT HƯỚNG LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:**

---

Dậu, Tỵ, Sửu (tam hợp) phải thu nạp thủy của Đinh hỏa; sinh ở Dậu, vượng ở Tỵ, suy ở Ất. Nước rãnh giếng nên quay sang bên trái, chảy ra ở Tỵ, Cấn hay Giáp thì tốt. Nếu sang bên phải là nghịch hướng vì thủy phản cục thì bất lợi. Phạm Huỳnh Tuyền ở Tỵ, sẽ tổn nhân đinh. Cửa chính nên trở ở Ất phương.

**24. TUẤT SƠN THÌN HƯỚNG LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:**

---

Hợi, Mão, Mùi (tam hợp) phải thu nạp thủy của Giáp mộc; sinh ở Hợi, vượng ở Mão, suy ở Thìn. Nước rãnh giếng phải quay sang bên phải, rồi chảy ra Đinh, Khôn hay Bính, Tốn. Nếu đổ sang bên trái là nghịch hướng vì thủy phản cục thì bất lợi. Phạm Huỳnh Tuyền ở Dần sẽ tổn Nhân đinh. Chính môn nên trở ở Tốn phương.

**25. KIÊN SƠN TỐN HƯỚNG LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:**

---

Tỵ, Dậu, Sửu (tam hợp) phải thu nạp thủy của Đinh hỏa; sinh ở Dậu, lộc ở Ngọ, vượng ở Tốn. Nước cống rãnh giếng phải quay sang bên trái, rồi tiêu ra Quý, Cấn hay Giáp, Ất thì tốt. Nếu đổ sang bên phải là phản hướng, thủy phá sẽ bất lợi. Phạm Huỳnh Tuyền ở Đinh, sẽ tổn nhân đinh. Cửa chính nên trở ở Tốn phương.

**26. HỢI SƠN TỴ HƯỚNG LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:**

---

Dậu, Tỵ, Sửu (tam hợp) phải thu nạp thủy của Đinh hỏa; sinh ở Dậu, lộc ở Ngọ, Vượng ở Tỵ. Nước cống rãnh giếng phải quay sang bên trái rồi chảy ra ở Cấn, Quý hay Giáp, Ất sẽ tốt, nếu đổ sang bên phải, thì nghịch hướng, thủy phá cục, bất lợi.

## Bát Trạch

Phạm Huỳnh Tuyên ở Ngọ sẽ tổn hại Nhân đinh. Cửa cái nên trở ở Tốn phương.

### 27. NHÂM SƠN BÌNH HƯỚNG BAO GỒM HỢI, TỶ 2 PHẦN LÀ HƯỚNG CỦA CỤC:

Ty, Dậu, Sửu (tam hợp) phải thu nạp thủy của Đinh hỏa; sinh ở Dậu, Lộc ở Ngọ, vượng ở Ty. Nước cống rãnh giếng phải quay sang bên trái rồi chảy ra ở Ất, Giáp, Quý, Cấn sẽ tốt. Nếu đổ sang bên phải là nghịch hướng vì thủy phản cục thì bất lợi, phạm Huỳnh Tuyên ở Ngọ, thì tổn nhân đinh, cửa chính nên trở ở Bình phương.

- Thật ra theo Bát Quái Đồ chỉ có 24 Sơn hướng nhưng chỉ còn có 3 hướng Kiên thêm thành ra 27 Sơn hướng.

Phương pháp coi thì dùng la bàn, để định hướng, sơn rồi xem 9 cung ở trên địa bàn, để chia ra các cung Sinh, Vượng, Tử, Suy. Dùng địa bàn để thực nghiệm trên mặt đất, sự tốt xấu của căn nhà sẽ thấy rõ. Đó là luật định công cộng đã tác dụng cho ngôi Dương Trạch, tức là thể lệ chung cho mọi ngôi nhà, ngôi nhà nào làm được hợp :

Để kết luận chúng ta cần lưu ý một vài điểm quan trọng :

Nhâm hướng: Kiên thủy lại cát,  
Kiên thủy khứ là hung.

Tân hướng: Kiên thủy khứ thì cát,

~~Kiên thủy lại hung.~~

Nước phương Mùi chảy ra, phương Kiên chảy đến thì cát, còn thủy phương Tân chảy đi, hướng Kiên chảy lại là hung.

## PHẦN 6

# KHAI MÔN PHÓNG THỦY

Những thể lệ về Khai môn, Phóng thủy, lớn nhỏ khác nhau, tức là, không nhất định! có người lấy Ngũ âm để luận, có người lấy bát quái để bàn, có người lấy sinh khí các tinh Tham lang mà đoán, có người lấy sơn hướng Phong thủy Bát long suy ra, có người lấy Lai lộ tương hòa, biến mạng cát tính thuộc Thổ. Bát bạch cửu tinh mà định xét, phép dụng bất đồng hợp lại thành những thông dụng Tục đồ đem mở bày ở sau:

Ví dụ: Tọa Tây bắc, hướng Đông nam: Tuất kiên; Hợi 3 sơn hướng : Khai môn, phóng thủy, Lục súc, cối xay, cối giã, nhà xí, thùng, hồ, phân tro, đủ hình thức, luật lệ để cùng xem.

### 1. TUẤT KIỀN HỢI SƠN HƯỚNG ĐỒ

Tuất sơn, Thìn hướng, Nhâm, Tý và Khôn, Thân gọi là Tham lang toàn Vũ khúc, 2 cung đặt huyết tự nhiên hưng vượng. Đông nam thủy khứ thì hợp đồ cục, đoán: Ngọc vàng chứa trữ đầy rương, sinh ra người giàu sang, tài giỏi, trường thọ. Kiền sơn cung, Tốn tự thủy lai trường, canh Dậu là vượng phương chảy đi cũng đến bất lợi, có sóng lớn, triều vào, là không phải thủy tầm thường hợp vào phương Đinh, phương Giáp thì phát xuất đại quý

Nhân đinh. Nếu phá hại phương Đoài tân thì Cô quả ở phòng không! Thủy ở Thìn, Tốn chảy đi ngay trước mặt con trưởng nên Quan phòng, không chắc được vui tươi sáng sủa! Hợi sơn là đầu nãi, Tốn ty là Tham lang tốt đẹp, phương Thân, Canh, Tân. Tuất thủy từ phương Nam chảy lại thì phát Hoạch tài, có vàng chôn, ngọc chứa, thủy chảy ra phương Đinh phóng đi, sẽ mặc áo gấm về làng! Nhưng vì thủy phá Canh, Tân gồm cả Thìn, Tốn thì 3 năm 2 lần gào khóc đau thương. Thủy Ngọ, Mùi chảy lại thì con cái hoang thai, gia nghiệp hóa ra tro tàn.

## **2. NHÂM QUÝ SƠN HƯỚNG ĐỒ**

---

Cách kỳ quý của Nhâm sơn là: Tham lang tinh ở Dần, Thân là: Ty, Hợi sơn triều về rất tốt, thủy chảy về Thìn, Tốn là chính hợp rất quý, Gia trung phú túc, sinh ra con hiền cháu quý! phương Ty, Bính nước chảy đi, con trưởng bị cô độc, nhưng đi qua mà triều lại, thì phát thượng dương, nếu Lưu phá Dần, Giáp thì chịu khổ cực, vợ con phân ly 2 ngã.

Đất ở Tý sơn, mà phương Canh, Thân, Khôn đến Mùi: 4 vị thủy triều lại thì nhiều người giàu sang, ở Dậu, Tân, Tuất, Kiền thì đàn bà dâm ô! Long tửu khứ thì định: bị trọng hình! Nên lưu phá Sinh, Vượng thì chớ nên dùng. Văn khúc thủy triều lại thì ôn hòa động, như thủy phương Bính, Tốn chảy lại thì sẽ xuất phát Công khanh; thủy lại, thủy khứ phải rõ ràng.

Quý sơn Định hướng, huyết ở giữa Cấn được sơn thủy ở cung Thân triều vào, nên quan phòng thủy ở Thìn, Tốn chảy phản lại. Thủy ở cung Bính tai họa, thủy ở Dậu, Tân trực xạ thì độc. Nghe thấy tiếng nước chảy xuống, hoặc tiếng gió thổi vi vu, thì 3 năm 2 lần ai thanh than khóc! giặc cướp tổn tài.

### **3. SỬU CẦN DẪN THÂN HƯỚNG ĐỒ**

---

Sửu sơn cao, Mùi, Khôn thủy thao thao vạn phái triều lại, tọa Đỉnh, thủy sơn Hợi, Nhâm triều cũng nhập huyết bến vũng, vong hồn yên ổn, tơ tía đỏ quân bọc xương hài. Bính, Tốn chảy đi thì xuất phát anh hào, Thìn, Ngọ cuốn vùn đi thì gia nghiệp thoái bại!

Sinh ra người bình hoạn: phong, lao, ngỗ nghịch, trộm cướp v.v... Cần sơn là cao phong, long ở dẫn, Mẹo, Thìn phương lại mạch. Xem ở ngôi Kiền từ phương Tuất chuyển đến phương Hợi là tả nhập, vậy nên Tiên thấy Tiên tông (vết chân của Tiên) của Mẹo, Dậu, thủy xuất khứ Canh, Đỉnh thì phát Tam công (quan tước cổ triều), Bính, Tân thủy khứ cũng không hung, chỉ sợ phương Ngọ và Mùi thủy lại, cũng như tương xung, tức là bị bắn cùng! Dẫn sơn trường, Giáp, Canh thủy quá đường, Hợi, Nhâm, Tý, Quý thủy hoành lai tất cát, chảy về phương Tân, Tuất là hợp cách chính, nên dùng. Ty, Ngọ, Dậu phương tội bất lương! mấy phương này nên chảy đi, không nên chảy ngang, hoặc như tên bắn triều lại thì bại giá! Vợ và con dâu giữ phòng không, tức quẻ phụ.

### **4. GIÁP MẸO ẤT SƠN HƯỚNG ĐỒ**

---

Giáp sơn canh hướng thì phương Nhâm, Tý và Canh, Thân: 2 thủy đó gọi là Tham, Vũ vị chảy lại, triều vào thì tiên phúc vinh sương, thịnh vượng lâu dài, gia tộc an ninh. Phương Tân, Dậu thủy phóng đi sẽ được Nhân đình vượng, nếu mình đường ở gần mà nước phóng qua thì bị chết non! âm phần hay dương Trạch cũng đều thọ cổ bản, tai họa.

## Bát Trạch

Mẹo sơn mà phương Dậu cao cường thì tội bất lương! phương Tuất, Kiền, Hợi đều là cát tường, thủy ở Canh, Dậu ở triều lại sẽ rất độc! thủy ở Mùi Khôn cũng xấu, những phương nếu kị sát mà ở trước huyết thấy nước chảy lại, hoặc triều hoặc phản lại đều hung ác, như sinh bệnh tật, chết yểu, cô quả, bại tuyệt!

Ất sơn, Tân hướng bên trái là Tỵ Ngọ triều nghinh, bên phải là Sửu, Dần cũng tiến áp (châu phục) cả 2 bên hợp hội thì thêm vinh quang, thủy lưu ở Kiền, Nhâm thì hợp cục này, gia tư phú hậu hơn Mạnh thường Quân! chớ nên phạm vào phương Thân, phương Tý, phải quan phòng thủy lại, thủy khứ ở phương Tuất, nếu phạm thì trọng tội, tà ngục, nhà cửa bị người xâm lấn .v.v....

## 5. THÌN HƯỚNG TỊ SƠN HƯỚNG ĐỒ

---

Thìn sơn kị: Dậu và Tuất không nên gặp thấy nhau, chỉ mừng là cát phương: Giáp, Canh, Nhâm, Tý, Quý triều vào huyết mộ là tối quý, tối hung Dậu Tân phương thì chảy đi, là phát xuất người mặc áo đỏ (tức làm quan cao, đại chức) Canh thìn thủy lưu phá thì hung, vợ đắm đầu xuống sông chết. Chỉ cần được chân chính huyết thì Thiên môn, Vạn hộ đều vinh quang (con cháu giàu sang, sáng sủa) Tốn sơn Kiền hướng thì phương Thân Khảm đều nên triều vào mộ phần, thủy này chảy vào minh đường là tốt đệ nhất hạng, phương Dậu, Tân, Nhâm, Giáp không nên triều nhập, thủy lại đường sẽ bị tật bệnh, phương Thân và Tý thủy chảy đi thì tính mạng khó còn sống!

Nhân đình đại tiết tuyệt đại gia môn! Ông Nhan Hồi đời xưa nhân vì gặp cách đất này! Đời đời vang truyền tên đến ngày nay! Thuật lại cẩn thận mà suy tầm. Tỵ sơn, Hợi hướng, Kiền, Nhâm, Tuất thủy lại, Dần, Mẹo Dẫn long, Đông lâm nhập, Thế gia phú

quý vĩnh vô tai! Canh Quý thủy khứ vượng diễn tài. Phương Tý Ngọ không nên chảy ngược về phương Khôn, Thân, Mùi. Sau là cung bất lợi! Nếu phạm các phương đó thì bùn nước, mọt kiến, nuôi dưỡng thì hại.

## **6. BÍNH NGỌ ĐÌNH SƠN HƯỚNG ĐỒ**

---

Bính sơn Nhâm hướng, thủy sa từ phương Dần, Sửu qua phương bắc, theo Nhâm đi tới Tây bắc thủy khứ, thì các phương vị đều vượng diễn trang, thọ trường như Bành tổ, Ty Bính cũng bảo, được vĩnh cát sùng. 350 năm không phá bại. Nếu chảy về phương Thất, thì bại tai ương! hình phạt biệt ly hương.

Ngọ sơn, Tý hướng, sa thủy chẳng nên tương khuynh (đi niên rốc đi) phương Sửu, Cấn, Dần, Giáp thủy lừ đừ chảy theo sông về phương Kiển, Nhâm thì đời đời giàu mạnh, hào hùng. Thủy phương Mùi hồi đầu về phương Tý tràn qua Dần, con nhà đầu quân làm giặc bại tổ tông!

Khuyên người Mộ nên dời hướng về cung Tốn, thì con cháu làm Tể tướng, thượng công, cự phú gia.

Đình sơn hướng thì phương Canh, Dậu nên chảy ngar qua đi; Cấn phải Long chấn và huyết chính, thủy phục; Giáp, Ất nên tìm đủ được cự phú có vạn khoảnh điền viên. Phương Thìn, Ty, Thân sơn thủy triều nhập thì vượng diễn ngư, hai cùng đều phát phú quý hơn tiểu Dương Châu.

## **7. MÙI KHÔN THÂN SƠN HƯỚNG ĐỒ**

---

Mùi sơn long, rất sợ phương Mão, Ất cùng gặp nhau, thủy phương Tý triều lại thì nên làm, ở sau Khôn, Thân, là về kim

## Bát Trạch

cùng bạn, thì phúc bền lâu vô cùng. Thủy ở hai phương Thìn, Tốn thì tối hung. Lại tối kỵ là thủy hồi đầu xâm nhập Khảm nên chảy Lưu phương Giáp Ất tài lợi thịnh vượng, thắng Thạch Sùng ông. Khôn sơn thì thủy ở phương Hợi, Nhâm, Tý, Quý nên châu lại, chảy qua phương Ất, Bính đi ra thì vô phương tai họa. An phần, lập Trạch tức tiền tài, Long biến vượt đi, bên Hồ hồi đầu thì gia sản hóa ra tro! hung họa thấy liền ngay trước mắt! không thấy tin vui mừng, chỉ nghe tiếng khóc than thương tiếc, con gái lại hoang thai, dâm loạn!

Thân sơn: Thủy phương Hợi, Tý, Sửu 3 phương châu vào, thì phát con cháu xuất được phong hầu, phú quý tài tha châu, thủy đi phương Bính phóng khứ thì lâu bền không ngại gì cả. Có thêm sơn sa Quý cách chứng ứng ở xung quanh, thì con cháu trong dòng họ đều có nhà lầu, vinh hiển ở hương châu.

## 8. CANH DẬU TÂN SƠN HƯỚNG ĐỒ

---

Canh sơn: sa thủy triều lại Hợi, Nhâm đều là đại vượng. Nếu được chỗ thủy ngũ khúc loan đặng và một cái sơn loan bảo, thì được vinh sương, Long an tĩnh, hổ phục tông, thì khuê trung xuất thực nữ, hiền lang; rất sợ phương Dần, Mẹo là tứ thủy nghịch chuyển sẽ thoái bại điền trang, 5 năm bệnh tật, động ôn hoàng! Dậu sơn là kim được đại hội hợp, tổng quát triều nghinh, tứ quý lưu lại thêm tiên bảo, Cấn phương thủy nghịch triều phát công khanh, đời đời sinh người được chuyên nhiệm đại thành danh. Canh, Tân phương lập Trạch, hoặc an phần, tứ cá lộc tồn lưu tận xuất. Nhi tôn xá mã nhập triều trung, cá cá tận siêu quần. Nghĩa là con cháu người nào cũng tài giỏi, siêu quần, xuất chúng. Tân sơn Tốn hướng, thủy ở Khôn, Thân nên lưu lại, 2 bên trái phải có đại thủy chảy ngang huyết, nên chảy ra



phương Bình, kỵ ra phương Thìn. Nên cẩn thận nhận xét đoán lấy thủy lại là vượng phương. Thủy nghịch Lưu, Khôn, Cấn thì bị bệnh ôn hoàng, yếu tử tuyệt tự.

## PHỤ LỤC 1

# GIẾNG NƯỚC

Giếng dùng để lấy nước, đào giếng phải chọn hướng đẹp, hướng lành đào giếng sẽ sinh con thông minh. Trên vị trí Thiên can là lành, trên vị trí địa chi là dữ.

Giếng ở cung Kiền: bị đầu nhọt lở, chân tê liệt, quan quã, thất cổ, diêm ứng gãy nát đùi.

Giếng ở phương Hợi: con cháu thông minh, thịnh vượng.

Giếng ở phương Nhâm: phát tài vượng đinh, thường cố quái tật, nếu có suối sâu ở gần giếng, bếp, tất cả nam nữ dâm loạn.

Giếng ở phương Khảm: bị trộm cướp, nhiều bệnh tật.

Giếng ở phương Quý: giàu có, tủ chứa đầy vàng bạc tiền của.

Giếng ở phương Tý: sẽ sinh ra người điên cuồng.

Giếng ở phương Sửu: trong gia đình, anh em không hòa thuận, có người bị cầm điếc, đui mù.

### *Bát Trạch*

Giếng ở cung Cấn: chủ nhà vượng tài nhưng không con.

Giếng ở phương Dần: sẽ bị tai họa, bệnh hoạn...

Giếng ở phương Mẹo : giống như ở phương Dần, đều là bắt cát.

Giếng ở phương Giáp: sẽ được nhiều của, nhưng nhiều bệnh tật, nếu ở gần giếng có suối sâu, tất cả nam nữ trong nhà đều dâm loạn.

Giếng ở phương Thìn: đều xảy ra bắt cát, phòng trường bị hại trước, nhảy xuống sông tự tử.

Giếng ở cung Tốn: tài lộc đại phát.

Giếng ở phương Tỵ: công danh nho nhỏ.

Giếng ở phương Bính: làm quan cao, nếu ở gần giếng có suối sâu tất cả nam nữ trong nhà đều dâm loạn.

Giếng ở cung Ly: chủ nhà mắt không sáng.

Giếng ở phương Đinh: vượng về lộc và con trai.

Giếng ở phương Mùi: chủ nhà có công danh, giàu sang.

Giếng ở cung Khôn: chủ nhà sẽ giàu có thịnh vượng.

Giếng ở cung Đoài: vì là đầm nước, là thiếu nữ, phương đại loạn dâm, không con.

Giếng ở phương Thân: bị trộm cướp, khó sinh đẻ.

Giếng ở phương Dậu: thì trước hung sau cát.

Giếng ở phương Canh: sẽ giàu có, nếu ở gần giếng có suối sâu tất cả nam nữ đảm loạn.

Giếng ở phương Tân: trai gái trong sạch, có đạo đức.

Giếng ở phương Ngọ: mọi việc trong nhà đều bất lợi.

Giếng ở phương Tuất: chủ nhà có con nhỏ chết, con lớn bệnh, mọi việc đều bất lợi.

## PHỤ LỤC 2

# CÂY CỐI CHUNG QUANH NHÀ

Cây cối rất ảnh hưởng đến đời sống con người.

Thuật Phong thủy có hẳn 1 hệ thống quan điểm hoàn chỉnh cho rằng các nhà ở cửa hàng buôn bán trong thành phố, không cầu nệ lắm. Nhà ở nông thôn thì cây cối như cái áo khoác choàng ngoài che thân. Vùng sơn cốc cây cối tác dụng che khí lạnh. Vùng dân dã, nếu cây cối tốt tươi, nhà sẽ thịnh, cây cối lụn bại nhà tất bại theo. Cây cỏ xanh tươi, sinh khí thịnh vượng, sẽ che chở địa mạch.

### Bát Trạch

Cây nên trồng theo các hướng sau đây sẽ được giàu có, phước lộc lâu dài: Cây Dâu ở phương Nhâm Tý, Quý Sửu, cây tòng bách ở phương Dần giáp, Mão ất, cây dương liễu ở phương Bính Ngọ, Đinh Mùi, cây Thạch Lựu ở phương Thân canh, Dậu Tân. Rừng lớn nên ở phương Thìn, Tốn, Ty, rừng trung bình ở phương Tuất Kiền, Hợi, cây liễu ở phương Đông, cây táo ở phương Nam, cây hoa đào ở phương Bắc, cây dâu ở phương Tây Nam. Đại khái cây cối trồng theo trên đã kể thì được vinh hoa.

## PHỤ LỤC 3

# A - CHỌN HƯỚNG XÂY BẾP LÒ

Táo đóng cung Kiền triêu diệt môn

Nhâm, Hợi hai chi tổn như Tốn

Giáp, Dần tài vượng Thìn, Mão phú

Trạch cát) Cấn, Ất lửa hồng tức Táo ôn  
nhà khôn khổ

• Kỵ Trạch Ly

• Kỵ Trạch Khôn

☆ (Khảm Ly

• Tý, Quý khôn phương

• Kỵ Khôn Trạch

### Bát Trạch

|  |                    |
|--|--------------------|
| , Sửu thượng lục súc nhà họa ương      | • Kỵ Cấn Trạch Tị, |
| Bính hao tài canh đại phú              | ☆ Chấn Trạch hỷ    |
| cát Ngọ phương vượng vị phú quý tôn    | ☆ Tân, Dậu, Đinh   |
| phương nhiều bệnh tật                  | • Kỵ Khảm Trạch    |
| Thân, Tốn, Mùi, Tuất Trạch hanh thông. |                    |

Táo Táo thiết kỵ, dụng phân phổ, Tán nghiên cận thủy thiết an ninh (tránh) việc đắp Táo hay xây lò bếp đất dư bản, nên dùng đất mới, gần nước thì nên. Táo đóng cung Kiền là hiệu diệt môn, kỵ Ly Trạch; nhà nào xây cửa hướng Bính thuộc Ly, tảo ở tại cung Kiền thì tổn Trạch chủ, hoặc cửa hướng Đinh thì cũng thuộc Ly Trạch, để tảo tại cung Kiền con trai lớn bị trọng bệnh. Nếu Trạch Đoài tảo tại Kiền cũng là hại trưởng nữ.

Phòng hậu tảo tiền gia đạo phá, tảo hậu phòng tiền tử tôn bất hiển. Phòng tiền hữu tảo tại cung Mùi, Khôn, Sửu, Cấn thượng, thì sinh tà quái và có họa. Phòng tiền hữu tảo thì tâm thống khuyết tật. Đóng hạ hữu tảo chủ Âm sao kiếp.

Khai môn đốt tảo thì tiền tài, súc vật đại hao

Táo hậu phòng tiền thì gặp tai họa liên miên

Táo hậu phòng khánh (hang sâu) thì phải tuyệt tự, cô quả

Táo gần giếng, mẹ chồng nàng dâu xung đột

Táo tại phương Mẹo mạng phụ yếu vong

Táo tại hậu đầu thì an môn xung đột

Táo tại Cấn liên gia đạo bất yên.

## B - MIỆNG LÒ

HỎA MÔN là cửa miệng lò đốt củi than, để đốt lửa của cái nồi đáy lò, được hướng vào phương cát, sẽ phát phúc rất nhanh! khoảng độ 1 tháng là ứng nghiệm! về đường tử tức, hoặc giàu, nghèo, hoặc tai họa, thọ yếu là lấy ý sự ăn uống, cần dùng hàng ngày đó là căn bản!

Như người Đông mạng, nếu cửa bếp triều vào Đông quái, sẽ được cát, nếu hướng vào Tây quái sẽ hung! Người là Tây mạng, cửa bếp hướng vào Tây quái sẽ tốt lành, nếu hướng vào Đông quái sẽ hung họa! Người Tây mạng, Hỏa môn trái với Tây hướng, đốt lửa về phương Đông thì phải.

Nói rằng: đem về nhà để đo lường trượng thước rất là hữu lý! Như Nhân sơn, Bính hướng ; giữa là Nhâm, bên phải là Hợi, lại là Kiền, bên phải lại còn là Tuất, giữa nơi bên trái là Tý, lại bên tả là Quý, thì bên trái lại Sửu, mà Cấn ở bên ngoài tường là chỗ không xứ, và là ở phía Bắc cả Đông, Tây.

Như Quý sơn, Đinh hướng. Giữa là Quý, bên trái là Sửu, lại bên trái là Cấn, thì bên trái là Dần; giữa, bên phải là Tý, lại bên phải là Nhâm, thì bên phải là Hợi mà Kiền ở bên ngoài tường nơi Không xứ, và là phía Bắc của Tây nam. Suy xét như đây thì phương vị của hướng Đông, Tây chỉ có Quý, Đinh, Nhâm, Bính là " bất tận phong trung" tức: làm giữa phòng không hết chỗ, vậy mà thiên trái, thiên phải đương lấy chỗ thiên đó làm cung giữa.

# **CHƯƠNG IV**

## **ĐỒ NGHỀ CHUYÊN DÙNG**

## **CỦA NHÀ PHONG THỦY**

## **VÀ CẨM XẠ HỌC**

*NỘI DUNG GỒM CÓ:*

- 1 - Kim Chỉ Nam
- 2 - La Bàn (La kính)
- 3 - Nhâm Bàn
- 4 - Thổ Khuê
- 5 - Con Lắc Thần Bí
- 6- Đũa Thần
- 7- Thước Dò Tìm
- 8- Thước Thiên Xích
- 8 - Thước Lỗ Ban

# KIM CHỈ NAM

Ngay từ thời Chiến quốc, các triết gia cổ đã phát minh ra kim nam chỉ nam, đương thời gọi là từ nam. Từ nam gồm một cái môi bằng từ thiết (sắt từ) và một cái thi. Môi giống cái môi múc canh, đáy tròn, có thể tự do xoay tròn trên mặt bàn trơn. Khi môi dừng, cán môi chỉ hướng nam. Là cái bàn hình vuông, làm bằng đồng hoặc bằng gỗ, xung quanh khắc Thiên can, Địa chi, Bát quái, Bát can là Giáp Ất Bính Đinh Canh Tân Nhâm Quý : Thập nhị chi là Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất Hợi, thêm tứ dung Kiến Khôn Tốn Cấn, cộng là hai mươi bốn hướng là địa hướng của từ nam. Ở giữa là thiên bàn hình tròn, mặt bàn trơn bóng, giống như thiên trì của la bàn sau này, môi có thể chuyển động trên đó. Mô hình này vào những năm 40 của thế kỷ này, học giả Vương Chấn Đạt của nước ta đã phục chế được.

Lần giờ thư tịch cổ, thế kỷ thứ ba trước công nguyên đã ghi chép vào từ nam. "Hàn Phi Tử-Hữu Độ" viết : "Đặt từ nam để đoán sáng tối" "Quỷ Cốc tử mưu", viết : "Người Trịnh đi lấy ngọc, đem theo xe từ nam, không nhầm lẫn". Đến đời Đông Hán, Vương Sung trong "Luận hành - Lý Ứng Thiên", viết : "Cái môi của từ nam, đặt xuống đất, cái môi chỉ hướng nam" Trương Hoàn viết "Đông kinh phú", đổi tên từ nam thành chỉ nam.

Người xưa đã biết lợi dụng nguyên lý kim chỉ nam để



làm ra xe chỉ nam. "Thái Bình ngự lãm" quyển 15, dẫn Chí Lâm", viết : "Hoàng đế đánh nhau với Xuy Vưu ở cánh đồng thỉ Lộc. Xuy Vưu hóa phép xương mù mờ mịt liền ba ngày, ai cũng không tìm ra lối đi. Hoàng đế sai Phong hậu đấu pháp, chế ra xe chỉ nam để nhận rõ bốn phương, sau đó bắt được Suy Vưu". Lại đồn rằng cách đây ba ngàn năm, thời Chu Thành Vương, Việt Thường Thị ở phương nam đến kinh đô triều bái. Chu Thành Vương ban cho xe chỉ nam làm công cụ phân biệt phương hướng.

Sử chép Trương Hoành chế ra xe chỉ nam và xe tự báo độ dài từng dặm của đường đã đi, tiếc rằng nay đã thất truyền. Trương Hoành là nha khoa học trắc việt, thông minh tài trí, ông từng phát minh ra máy đo địa chấn và hỗn thiên nghi, phức tạp hơn nhiều xe chỉ nam, những loại xe này đều liên quan đến phương vị. Có thể suy ra, chế tạo xe chỉ nam không phải là chuyện khó đối với Trương Hoành.

Đời Tào Ngụy (Tam quốc), Tán kỵ, Thường Thị Cao Đường Long và Phiêu Kỵ Tướng Quân Tấn Lương cho rằng, thời cổ không có xe chỉ nam, sách nói không đủ tin. Cấp sự Trung Mã Quân tranh luận với hai người đã chế thử được một xe chỉ nam, tiếc rằng lại thất truyền.

Đời Tống, Yên Túc và Ngô Đức Nhân lại chế thử được xe chỉ nam, "Tống sử - Dữ phục chí" ghi lại phương pháp chế tác và kết cấu nội dung của xe chỉ nam ; do đó kỹ thuật chế tác này mới được lưu lại. Nhưng xe chỉ nam vẫn không thông dụng, rất hạn chế.

## Bát Trạch

Đời Tống, dùng nhiều nhất vẫn là xe chỉ nam và có ghi chép nhiều. Chu Húc năm 1119 được trông thấy Châu sư trên một hải thuyền Trung Quốc. Châu sư này "biết địa lý, đêm nhìn sao, ngày trông mặt trời, nếu trời đất u ám thì nhìn kim chỉ nam". Ông chép những điều này trong "Bình Châu khá đàm". Đây là ghi chép sớm nhất thế giới về kim chỉ nam. Ngô Tự Mục, Nam Tống, trong "Mộng lương lục" cũng ghi chép về việc sử dụng kim chỉ nam để đi biển, khi gió mưa mù mịt, chỉ nhờ vào trâm bàn (la bàn có kim chỉ nam) mà đi, phải kiên trì theo dõi không dám để sai sót mấy may, vì can hệ đến tính mạng mọi người trên thuyền.

Các học giả đời Tống lần lượt giới thiệu mấy loại kim chỉ nam thời bấy giờ. Tác phẩm quân sự "Vũ kinh tổng yếu" do Tăng Công Lượng chủ biên, đã giới thiệu chỉ nam ngư (cá chỉ nam). Chỉ nam ngư là dùng thép lá làm thành con cá, sau đó dùng phương pháp từ hóa cho nhiễm từ, khi thả nổi trên mặt nước, nó tự động chỉ hướng nam. Thẩm quát trong "Mộng Khê bút đàm" giới thiệu kim chỉ nam, viết : "Phương gia (chuyên gia) mài từ thạch thành kim là có thể chỉ hướng nam". Nam Tống Trần Nguyên Thanh trong "Sự lâm quảng kí" giới thiệu cá chỉ nam và rùa chỉ nam bằng gỗ trong bụng chứa từ thạch, dùng để chỉ nam.

Cách thức bố trí kim chỉ nam đời Tống đại để có 4 hình thức ; Một là, đặt kim chỉ nam trên móng tay ; hai là đặt kim chỉ nam lên sườn bát ; ba là đặt kim nằm ngang trên sợi bắc đèn đặt nổi trên mặt nước ; bốn là dùng sợi tơ tằm buộc (dán) giữa thân kim rồi treo ở chỗ kim gió. Sau này, kết cấu kim chỉ nam có nhiều cái mới qui nạp lại, có hai loại: la bàn nước và la bàn khô. La bàn khô có giá đỡ kim cố định, đầu

nhọn của đinh trên giá đỡ ở điểm trọng tâm giữ kim, kim sẽ chuyển động tự do, tính ổn định rất cao. La bàn nước nổi trên mặt nước, hay lắc lư, dần bị đào thải.

Kim chỉ nam từng có tác dụng to lớn trong nghề hàng hải. "Hải đạo kinh" và "Nguyên đại hải vận ký" triều Nguyên đều ghi chép đường hàng hải do kim chỉ nam chỉ dẫn. Trịnh Hòa đời Minh "bảy lần đi Tây dương" đều dựa vào kim chỉ nam mới đi biển được thuận lợi.

So với ta, phương Tây lạc hậu hơn. Thế kỷ 13, Anh, Hà Lan, Ý mới lần lượt dùng la bàn để đi biển. Năm 1492, Colombo khi vượt ngang Đại Tây Dương mới phát hiện góc từ thiên. Người phương Tây dùng la bàn đã mở ra con đường thông với thế giới, tạo điều kiện thuận lợi cho tích lũy nguyên thủy của chủ nghĩa tư bản.

Kim chỉ nam là một trong bốn phát minh lớn của Trung quốc đối với nhân loại.

# LA BÀN

La bàn còn gọi là La Kinh, có nghĩa là bao la vạn vật, dọc ngang trời đất. Nói chung la bàn có thiên bàn và địa bàn hợp thành. Trên bàn có chia ra chính trâm, phùng trâm, trung trâm; chia ra kim bàn, ngân bàn; chia ra nội bàn và ngoại bàn; chia ra tam bàn : thiên, địa, nhâm. Có thấy phong thủy dùng chính trâm để cách long; có người dùng phùng trâm đo đất, có người dùng phùng trâm lấy hướng.

Địa bàn có hình vuông còn gọi là thác bàn, trên mặt khắc hai đường hình chữ thập, ở giữa đục lõm thành một hình tròn. Thiên bàn hình tròn, mặt dưới hơi lồi, đặt lên hình tròn lõm của địa bàn để có thể xoay tròn. Giữa thiên bàn đặt một chỉ nam châm (kim chỉ nam) hoặc gọi là từ trâm (kim từ), kim trâm (kim vàng), để chỉ phương hướng.

Thiên bàn và Địa bàn tượng trưng trời đất vuông tròn.

Kim chỉ nam thiên bàn nhà phong thủy gọi là chính trâm . Hướng mà chính trâm chỉ , trên thực tế không phải là chính Nam, phải đặt thêm phùng trâm, khoảng giữa chính trâm và phùng trâm hình thành góc từ thiên.

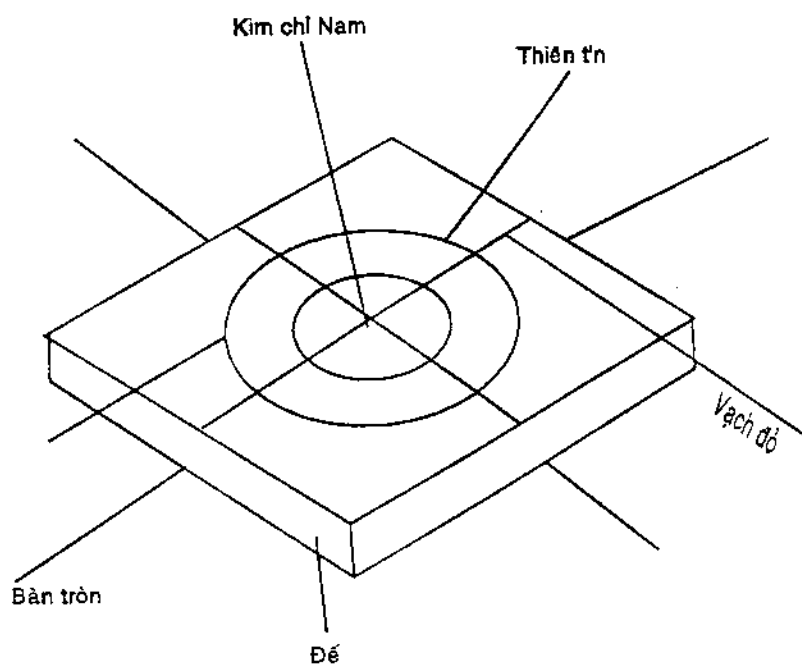
Vấn đề mấu chốt trong việc sử dụng la bàn là kim chỉ nam. Nếu muốn biết hướng mộ hoặc hướng nhà, thì đặt la bàn lên bia đá trên mộ, nếu là hướng nhà thì đặt ở giữa ngưỡng cửa hoặc đặt giữa thiên đỉnh. Khi đặt la bàn, trước hết rải gạo dày 3 tấc, đặt la bàn lên rồi ấn xuống để có một mặt phẳng nằm ngang, thu dọn xung quanh, không để kim

### Bát Trạch

loại gấn la bàn, sau đó dùng nước sạch lau thiên bàn, gạt kim hai hai ba lần để xem kim đều chỉ đúng một hướng - đường Tý Ngọ. Giống như thấy thuốc bắt mạch, nhà phong thủy gọi sự dao động của kim chỉ nam là "bát kỳ". Một là đường, nghĩa là sợ, kim dểnh lên mà không ổn định, không quay về trung tuyến, chứng tỏ dưới đất có cổ bản cổ khí : hai là Đoài, kim xoay ngang, không về Tý Ngọ, chứng tỏ dưới đất có kim loại : ba là Khí nghĩa là không thật, kim quay mà không chịu đứng yên : năm là một, chứng tỏ dưới đất có dụng cụ bằng đồng : sáu là Toại, không thuận, kim dểnh lên và lắc liên tục : bảy là trắc, nghĩa là không đúng vị trí cân có, lệch về Đông hoặc Tây : tám là chính, nằm đúng trung tuyến. Bảy hiện tượng đầu đều không tốt, chỉ hiện tượng 8 là tốt. nhà phong thủy muốn lấy hướng thủy thì xoay vạch đỏ (có khi là vạch trắng) ở chính giữa la bàn (thác bàn) chiếu thẳng vào nơi giao nhau thủy khẩu, rồi xoay bàn tròn sao cho kim trùng với đường (vạch) thiên trì, rồi xem kim chỉ vào chữ gì trên bàn tròn, rồi căn cứ vào lý luận phong thủy mà đoán lành dữ.

Bát Trạch

## Sơ đồ La Bàn



### *Bát Trạch*

Nếu phương hướng không thích hợp, thì điều chỉnh la bàn cho đến vị trí cát lợi. Lấy (cách) Long sa, huyết vị, dựng nhà cửa đều áp dụng phương thức trên.

Các vòng tròn trên bàn tròn có khi đơn giản, có khi phức tạp. Đơn giản nhất là ba tầng, phức tạp là hơn bốn mươi tầng. Mỗi tầng đều có chữ hoặc ký hiệu, đều mang một nghĩa riêng.

Vậy thuật Phong thủy cho rằng, nắm vững la bàn thì trên có thể đo dọc trời, dưới có thể đo ngang đất, bao la vạn tượng, cực kỳ tinh vi, có thể thông hiểu âm dương, đoán giải lành dữ, tất biết phúc biết họa, không có quỷ thần nào mà không bỏ chạy.

## **NHÂM BÀN**

Nhâm bàn, còn có tên lục nhâm thức bàn, trong di chỉ Hán đã đào được hiện vật. Như ở mộ Vũ uy ma chủ tử, có trấn mộ thú (thú đá gác mộ) đặt kế cửa mộ, nhâm bàn thì để trong quan tài.

Lục nhâm là phương pháp cổ đại dùng âm dương ngũ hành bói lành dữ. Vì trong một lục thập Giáp Tô có sáu

## Bát Trạch

Nhâm (Nhâm Thân, Nhâm Ngọ, Nhâm Thìn, Nhâm Dần, Nhâm Tý, Nhâm Tuất), nên có tên lục nhâm. Cách xem là chia thành 64 khóa, dùng thiên bàn, địa bàn có khắc can chi (thiên bàn chống lên địa bàn, xoay quanh một trục đồng tâm), xoay thiên bàn, được bộ vị khớp với can chi và thời khắc, để đoán được cát hung. Lục Nhâm hợp với Tuất Giáp, Thái Ất, gọi là tam thức, là thuật số mà cổ đại thường dùng. Trong "Tứ khố toàn thư" có "Lục nhâm tâm kinh yếu", viết: "Lục nhâm từ cổ truyền lại, hoặc nói từ Hoàng Đế, Huyền nữ đặt ra, cụ thể là ai thì không xác minh được về kỹ thuật chế tạo, phải là nhà thống thái đời sau mới làm được. Lại để tính toán căn cứ vào ngũ hành mà ngũ hành bắt đầu từ thủy, lấy khởi dương để cử âm, do đó gọi là Nhâm. Lấy sinh Hợi để cử thành, do đó dùng lục. Có thiên địa bàn lại thêm thần tượng, tuy gần với thức kỳ tuần, lục cung, do can chi mà có tứ khóa, tất lưỡng nghi tứ tượng. Do phát dụng mà có tam truyền, tất một sinh ba, ba sinh vạn vật. Sáu mươi tư khóa, không khóa nào xa với nghĩa gốc của hào, chi lưu của dịch tượng do đó mà suy ra."

Bàn kiểu lục nhâm do hai bàn đồng tâm chống lên nhau, bàn tròn gọi thiên bàn, bàn vuông gọi địa bàn, tượng trưng trời tròn đất vuông. Giữa thiên bàn vẽ chùm sao Bắc đẩu hai vòng chữ lệ xung quanh, thì vòng ngoài là 28 sao, vòng trong là 12 chữ số. Các chữ số này biểu thị nguyệt tượng hoặc nguyệt thần. Địa bàn có ba tầng, tầng trong là bát can tứ duy, tầng giữa là thập nhị chi, tầng ngoài là 28 sao.

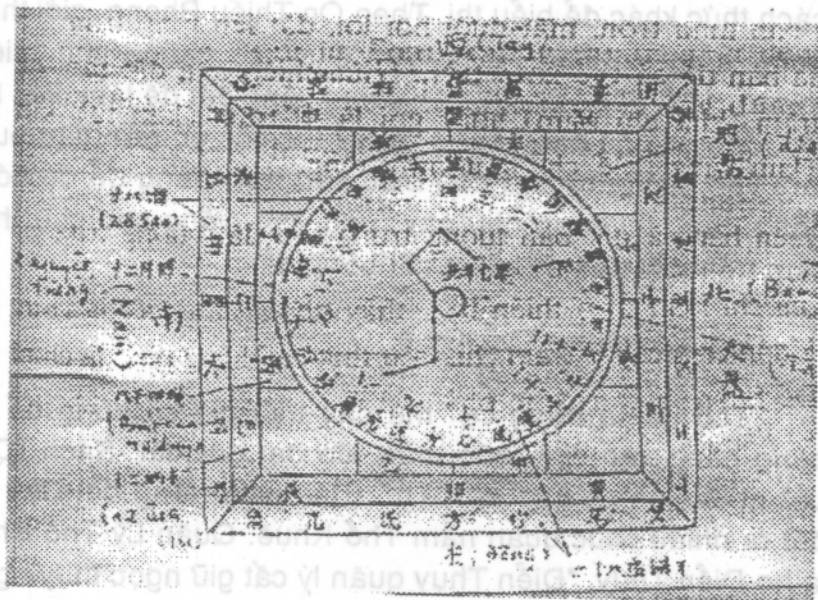
Cách sử dụng nhâm bàn như sau : Xoay thiên bàn, lấy can chi thời khắc đối với vị thiên bàn và địa bàn để phán



đoán cát hung. So với từ nam thời Hán thì nhâm bàn thiếu kim từ, không thể xác định phương hướng.

Dù vậy, nó vẫn là công cụ để tướng địa, "Đường lục điển", quyển 14, chép thuật lục nhâm có 9 cách dùng, cách thứ tư là cho nhà cửa, thứ 9 là cho chôn cất người chết. Lưu Khởi Mông đời Tống trong "Lục nhâm quân tướng phú" chép "Đêm tối lạc đường, phải dùng thiên bàn". Chúc Mật trong "Lục nhâm đại chiên" chép : "Hội hợp với chỗ ở của đại tướng", đều nói về nhâm bàn định phương vị.

## 5 : Thức đời Hán Thục nhâm thức bàn



# THỔ KHUÊ

Quách Phác trong "Táng Kinh" viết : "Thổ Khuê xác định phương vị, ngọc xích đo xa gần". Qua đó có thể thấy các nhà phong thủy dùng xen kẽ các công cụ trên.

Công cụ lấy hướng, sớm nhất phải kể tới "biểu".

Đời Ân Thương, dùng "biểu" xác định phương hướng, căn cứ vào bóng nắng mặt trời có thể xác định phương hướng. Văn Giáp cốt chưa thấy có chữ "biểu", nhưng dùng cách thức khác để biểu thị. Theo Ôn Thiệu Phong giới thiệu trong : Âm Hư Bốc Từ Nghiên Cứu" có những chữ "niết", "giáp", "sĩ" "Niết" là cây sậy cắm xuống đất để làm đích bắt tên, dùng để đo bóng nắng "giáp" tức cọc gỗ trên đầu buộc tấm ván, tương tự như hoa biểu sau này, dùng để đo bóng nắng. Biểu thị đúng như cây rừng, "sĩ" giống cọc chữ thập cắm trên mặt đất, để quan sát bóng nắng.

Đời Chu dùng Thổ Khuê

Thổ quỷ là dụng cụ mà các triết gia cổ dùng để đo bóng nắng xác định bốn mùa, đo đạt đất đai. Sách "Chu Lễ" nhiều lần đề cập đến Thổ Khuê, cho rằng đời Chu đã đặt ra nhiều chức quan nắm Thổ Khuê. Quản Lý Thổ Khuê là họ Điển Thụ, "Điển Thụ quản lý cất giữ ngọc thụ ngọc

### Bát Trạch

khuê, đặt tên từng loại và cách sử dụng... Thổ quỷ dĩ chí xác định bốn mùa, mặt trời, mặt trăng, phong quốc thì dùng thổ khuê để cấp đất. "Việc sử dụng Thổ Khuê, phân biệt hai loại : Thổ phương thị và vượng nhân. "Thổ phương thị nắm phép tắc đo đạc, đo bóng nắng, đo đất khi tướng trạch mà xây dựng bang quốc". "Tượng nhân (kỹ thuật viên) san bằng một chỗ đất, cắm cọc gỗ, quan sát bóng của cây cọc rồi vẽ một viên qui đo bóng nắng mặt trời khi lặn và khi mọc. Ban ngày dựa vào trăng sao để định phương vị".

Công dụng Thổ Khuê, "Chu Lễ" có chép : "Dùng cách đo đạc của thổ khuê mà đo độ sâu của đất, xác định giờ giấc qua bóng nắng, để xử lý lòng đất". Thổ Khuê dài một thước năm tấc, đo bóng nắng, đo đất đai".

Cách sử dụng Thổ Khuê như thế nào ?

Người đời Đường, Tống chú thích : "Chu Lễ", cũng đã thuyết minh cách sử dụng thổ khuê. Ngày Hạ Chí đặt nằm thổ khuê đặt đúng hướng Nam Bắc, dựng một biểu dài năm thước. Nếu bóng của biểu ở đầu Bắc là một thước năm tấc đúng với độ dài của thổ khuê, thì đã tìm trúng đất, có thể xây dựng đô thành. Cũng có thể dùng thổ khuê đo nhật chí, thí dụ ngày hạ chí, bóng của biểu là một thước năm tấc; ngày đông chí bóng của biểu là một trượng ba thước.

Như trên ta thấy, phép thổ khuê là dựng một cọc gỗ trên mặt đất có mặt phẳng nằm ngang, dùng dây dọi để cọc thẳng góc với mặt đất, đánh dấu bóng của cây cọc thẳng góc với mặt đất, rồi đánh dấu bóng của cây cọc lúc

## Bát Trạch

mặt trời mọc và lúc mặt trời lặn., kẻ một đường nối qua tám (tức điểm cắm cọc), ta được hướng chính đông và chính tây. Mùa khác nhau thì phép Thổ Khuê cũng khác nhau, và phải tham chiếu với vị trí các sao trên trời, để xác định phương vị.

Phép Thổ Khuê có ít nhất cũng vào thời Chu. Trong Giáp cốt bốc tử có những chữ "lập trung". "Trung" giống như một cây gậy cắm xuống đất ở điểm giữa. Tôn Trị Nhượng trong "Mặc Từ Nhân Cổ", viết "dựng ở một điểm giữa, kẻ bốn bên dài bằng nhau thì đó là hình tròn". Học giả Nhật Bản Bối Trùng Mậu Thụ cho rằng, "lập trung" là một cách đo đạc, dựng một vật có thể điều chỉnh độ dài ngắn (thước pan-me) trên mặt đất phẳng, vật có hình dạng, mặt đất dựng vật là mặt phẳng nằm ngang, điểm cắm vào đất của vật là điểm giữa (trung tâm), công dụng của nó giống như "biểu" của Thổ Khuê. Đây là loại dụng cụ (nghĩ khi) đơn giản nhất, nguyên thủy nhất, dùng nó để đo thời gian, tính phương vị, xác định đường Tý Ngọ.

Thổ Khuê rất thông dụng ở đời Chu. "Thi - Định chi phương trung": "Đo đạc bóng nắng, xây cất cung sở", nghĩa là dùng cọc gỗ trắc định phương hướng.

Hiện nay ở Huyện Đằng Phong tỉnh Hà Nam có một đài quan tượng (thiên văn), truyền rằng Chu Công từng đo bóng mặt trời xác định điểm giữa của đất tại đây. Trên đài có một bia đá, gọi là thạch biểu của đất, dùng để đo bóng nắng. Người xưa cho rằng đây là tâm điểm của đất, nên gọi nơi này là "nơi hội hợp giữa trời và đất, nơi giao lưu của bốn phương, nơi gặp gỡ của gió và mưa, nơi hòa hợp giữa âm và dương.

# CON LẮC

## (THẦN BÍ)

### CỦA NHÀ PHONG THỦY VÀ CẢM XẠ HỌC

Người ta có thể tin hoặc không tin khoa học cảm xạ (radiesthésie). Đây không phải là một môn khoa học chính xác như toán hay vật lý, nhưng nó có nhiều ứng dụng kỳ lạ đến độ khó tin. Một trong những minh chứng rõ nét nhất là con lắc.

Con lắc có khả năng phát hiện những mạch nước ngầm, những kho báu nằm sâu trong lòng đất hay một số mỏ. Con lắc cũng có thể giúp con người giải quyết những phút bực mình do sơ ý hay đặng trí, chẳng hạn khi đánh rơi chiếc chìa khóa ở đâu đó, trong nhà hay ngoài vườn. Ông Joseph Mollard - một trong những chuyên gia hàng đầu thế giới về con lắc - đã có lần tìm ra chiếc máy bay đổ chơi (điều khiển bằng vô tuyến) bay lạc trên một đỉnh đồi cách xa ...20km. Như thế, những ai cho rằng con lắc chỉ có thể tìm ra vật ở vùng đất thấp buộc phải suy nghĩ lại. Cảnh sát và các thám tử - tất nhiên - không bỏ qua khả năng kỳ diệu này của con lắc trong việc truy tìm thủ phạm hay xác nạn nhân, đặc biệt trong những vụ mất tích.

## *Bát Trạch*

Càng ngày khả năng kỳ diệu của con lắc càng được phổ biến, nên hàng năm, tại California (Mỹ), người ta lại tổ chức một hội nghị đặc biệt, với sự có mặt của các nhà khoa học cảm xạ khắp năm châu. Tại đây, bên cạnh những buổi hội thảo là những buổi thực nghiệm để so sánh khả năng của nhiều loại con lắc. Điều thú vị là bên cạnh các nhà cảm xạ da trắng, còn có cả các pháp sư da đỏ hay da đen. Không ai phủ nhận những loại con lắc cổ truyền của họ. Mỗi người có một loại con lắc riêng, cách sử dụng riêng, nhưng công dụng thì gần giống nhau. Tuy nhiên, về khả năng phát hiện mạch nước ngầm thì chỉ có một "siêu sao" : giáo sư Harold Mac Coy của Mỹ. Đặc biệt, có nhiều bác sĩ của Pháp đang nghiên cứu việc dùng con lắc để chẩn đoán. Thay vì siêu âm !

Trong tương lai, có lẽ con lắc còn trình bày nhiều "chiêu" ngoạn mục hơn nữa. Đối với nhà "Cảm xạ học" con lắc là một công cụ thiết yếu không thể thiếu được.

Chúng ta nên tìm hiểu con lắc qua các chủ đề sau đây:

### 1. NGUỒN GỐC CON LẮC

Con lắc đã được linh mục Schott sử dụng để tìm vàng lần đầu tiên vào năm 1662. Đến năm 1749, người ta bắt đầu dùng nó để tìm những kho tàng nói chung. Cũng vào thời gian này giáo sĩ Guinebault từ Trung Quốc và giáo sĩ Gerboin từ Ấn Độ đã mang về châu Âu những con lắc dùng để tìm mạch nước. Đến thế kỷ 20, phương pháp cảm xạ (radiesthésie) được phổ biến ở Pháp.

### *Bất Trạch*

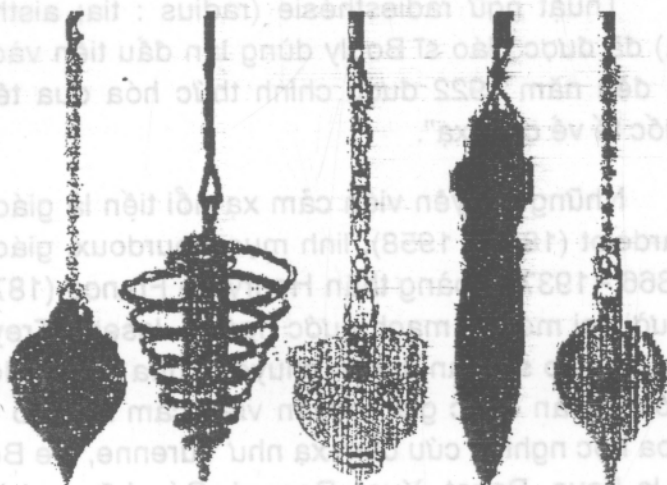
Thuật ngữ radiesthésie (radius : tia; aisthesis : cảm xạ) đã được giáo sĩ Bouly dùng lần đầu tiên vào năm 1890 và đến năm 1922 được chính thức hóa qua tên của "Hội quốc tế về cảm xạ".

Những chuyên viên cảm xạ nổi tiến là giáo sĩ Bouly ở Hardelot (1865 - 1958), linh mục Bourdoux, giáo sĩ Mermet (1866 - 1937), hoàng thân Henry de France (1872 - 1937) - người sai mê tìm mạch nước ngầm; Joseph Treyve (1877 - 1946), giáo sĩ Jean Jurion chuyên chữa bệnh. Họ thành lập "Công đoàn quốc gia chuyên viên cảm xạ" Có những nhà khoa học nghiên cứu cảm xạ như Turenne, De Belizal, Jean de la Foye, Pagot, Yves Rocard. Có những nhà văn lưu ý tới cảm xạ như Luzu, Michel Moine, Christopher Bird.

Theo Dominique và Michèle Frémy, chủ biên bộ từ điển Bách Khoa Quid (1986), chưa có một giải thích khoa học chính xác nào cho hiện tượng này. Chỉ có thể nói đây là một dạng nhạy cảm mà người nào cũng có nhưng ở những mức độ khác nhau. Con lắc là một loại máy khuếch đại cho người làm thí nghiệm có được một câu trả lời về một câu hỏi, tùy theo chiều quay của con lắc.

Con lắc có thể dẫn đường cho thấy thuốc trong công việc chẩn đoán bệnh, cho biết nguyên nhân và bộ phận phải chữa. Môi trường hoạt động khác của con lắc là thủy học, địa chất, nông nghiệp, v.v...

Con lắc quay dưới tác dụng của nhiệt trường, của thân nhiệt đối tượng.



Hình dạng của con lắc tùy thuộc vào óc thẩm mỹ và sở thích của người sử dụng. Do vậy, con lắc có thể có dạng hình cầu, hình chóp nhọn, hình xoắn ốc lò xo. Chất liệu cũng vậy, có người thích dùng gỗ, người chuộng sắt thép, thủy tinh, đá quý, thạch anh, mã não... Sợi dây treo cũng không có chất liệu cố định - có thể bằng chỉ, vải lụa, vàng, bạc, thậm chí sợi tóc, (tuyệt đối không dùng sợi len).

Chỉ có điều rõ rệt là dây càng dài thì con lắc chuyển động càng chậm. Theo các chuyên gia, độ dài lý tưởng của dây treo nên ở khoảng 10 - 20cm.

Cách điều khiển con lắc - Nắm sợi dây thông nơi đầu ngón tay cái và ngón tay trở mặt, để tay thẳng ra, cườm tay và cùi chỏ thông thả không dựa nơi nào.



### *Bát Trạch*

Để con lắc ngay trên bàn tay trái lật ngửa ra, trong một thời gian rất ngắn, chừng 3 phút, thì lắc cử động.

Để trên một ly nước hay một đồng bạc thì con lắc cũng cử động xây vòng tròn.

Nếu bên tay trái nắm một các bạc và bên tay mặt thông con lắc trên một đồng bạc thì con lắc sẽ lắc qua lắc lại.

Bây giờ ta thử xem qua "ngôn ngữ" của con lắc. Đa phần các nhà Cảm xạ đều đồng ý rằng con lắc có thể trả lời theo kiểu : "có", "không" và "có lẽ". Nếu nó xoay theo chiều kim đồng hồ, nghĩa là "có"; theo chiều ngược lại là "không" và đu đưa là "có thể".

### 3. NGUYÊN DO CHUYỂN ĐỘNG CON LẮC

Đến giờ, người ta vẫn còn tranh luận về nguyên do chuyển động của con lắc. Một số người cho rằng não bộ của người sử dụng sẽ phát ra một lực làm chuyển động con lắc. Giáo sư Bernard Condé (Pháp) lưu ý : "Đừng quên rằng đôi khi vô thức tỏ ra mạnh hơn cả ý thức. Khi sử dụng con lắc, người ta chỉ chú tâm đến việc khi nào nó xoay tròn, chứ không hề nghĩ đến việc điều khiển nó. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng từ trường của Trái đất đã bị thay đổi khi có vật lạ. Con lắc "cảm" được điều đó nhờ sự giao động từ trường". Một số nhà vật lý cho rằng mọi vật đều có khả năng phát sóng, nên con lắc chuyển động chẵn qua là do chịu ảnh hưởng của sóng đến từ những vật lạ ấy. Một số người kết luận rằng chính giác quan thứ sáu của con người đã làm con lắc chuyển động.

điều này, họ dẫn ra xác suất thành công khi dùng con lắc. Cụ thể, có người không tìm được gì, nhưng người khác - cũng với con lắc ấy - lại thành công. Tại sao ? Bởi vì không phải ai cũng có giác quan thứ sáu như nhau ! Tất nhiên, cách giải thích này khó được chấp nhận. Đáng chú ý hơn cả là giả thuyết sau đây : cơ thể con người có một số điểm có thể tạo ra từ trường khá mạnh, lại thay đổi tùy theo từ trường của đất. Tất cả gồm 7 điểm : Phần cơ gần lồng mày - cho phép đổi mắt chuyển động mà con người không cần quay cổ; phần cơ sau gáy - có nhiệm vụ giữ cho cổ thẳng đứng; phần nếp gấp giữa bắp tay và cánh tay; vùng gần thắt lưng; đầu gối; đầu các ngón chân (tính từ mặt đất lên khoảng 1cm) và cuối cùng là phần giữa của hai ngón chân cái. Chính 7 điểm này sẽ tạo ra từ trường thay đổi, làm con lắc xoay tròn. Một số nhà nghiên cứu cho rằng khi ta nhìn về phía trước mà vẫn cảm thấy có ai đó đứng phía sau, là do phần cơ gáy "phát hiện". Theo họ, sự chuyển động của con lắc tùy thuộc khá nhiều vào vùng này. Bên cạnh giả thuyết "7 điểm" này, còn có thuyết về các tinh thể. Năm 1983 giáo sư Robin Baker - thuộc Đại học Manchester (Anh) - khi giải phẫu một số tử thi rồi soi kính hiển vi điện tử, đã phát hiện nhiều tinh thể có từ tính. Cũng từ 30 năm nay, giới khoa học Mỹ đã biết rằng trong cơ thể nhiều loài động vật như cá voi, cá heo, một số loài cá lớn và chim di trú có một số tinh thể đặc biệt. Họ cũng đồng ý rằng phần bàn chân là một trong những nơi có từ trường mạnh. Giáo sư Patrick Bellon đã thử ếp hai miếng kim loại nhỏ vào dưới hai gót chân thì thấy con lắc xoay ngay !

#### 4. CÁCH THAO TÁC CON LẮC

---

Một phương pháp cầm con lắc để học Cẩm xạ học giản dị và hữu hiệu theo chiều hướng mũi tên trên mỗi hình. 1.- Con lắc : Càng giản dị càng tốt. Bất cứ vật gì nặng từ 5 đến 40 grammes treo vào một sợi dây không xoắn. Đừng quá nhẹ vì nó sẽ nhảy lổng trên tay những người nóng tính, mà cũng đừng quá nặng vì nó sẽ chậm phản ứng.

2.- Cầm đầu dây dài bao nhiêu ? Bạn hãy tự thí nghiệm một lần để tìm một chiều dài dây cho vừa tay. Khoảng từ 3 đến 7 phân là cùng. Nên nhớ rằng dây càng dài thì con lắc quay càng chậm.

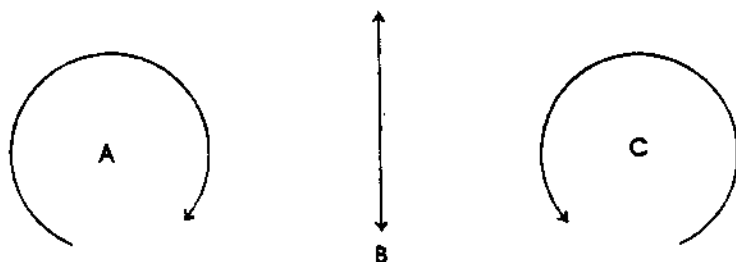
Có thể gắn thêm một vòng sắt hay một cây chặn ngang để cầm cho dễ và để khỏi bóp chặt những đầu ngón tay.

Cầm đầu dây, vòng sắt hay cây chặn vào giữa ngón cái và ngón tay chỗ, không bóp chặt quá.

3.- Tập dợt : Trước khi bắt đầu thật sự công việc tìm kiếm của nhà Cẩm xạ học, thì phải tập dợt mỗi ngày vài phút trong ba tuần liên tục, để tạo cho được những phản ứng quy mô, rất cần thiết trong công tác Cẩm xạ học :

### *Bát Trạch*

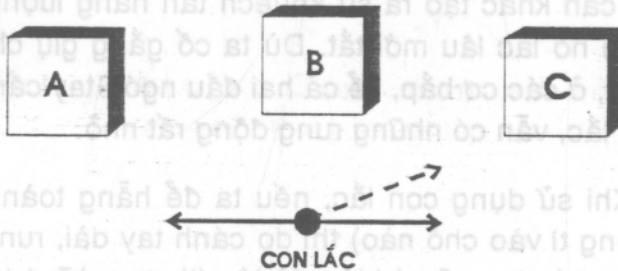
Trên ba cái hình dưới đây bạn cầm con lắc đưa lên mỗi hình trong vài giây đồng hồ, và ước vọng như sau qua lời nói thầm : “Con lắc sẽ quay



Bạn sẽ thấy con lắc “quay thuận” theo chiều kim đồng hồ trên hình A, “quay nghịch” chiều kim đồng hồ trên hình C và “lắc” dọc từ trên xuống dưới hình B.

Sau khoảng ba tuần tập dợt hằng ngày bạn sẽ thấy con lắc bạn “quay” hay “lắc” một cách máy móc và rất nhanh chóng, dễ dàng trên mỗi hình của bài tập này. Như vậy là bạn đã tạo những phản ứng qui mô của Cảm xạ học.

- 4.- Quy ước tâm linh : Bạn hãy chọn một lần để dùng mãi mãi, và quyết định rằng “vòng quay theo chiều kim đồng hồ” là một câu trả lời “có” hay là “phải” hay là “dương” “vòng quay nghịch kim đồng hồ” có nghĩa



câu trả lời “không” hay là “âm” Chuyển động “lắc” có nghĩa là không trả lời dứt khoát.

Sử dụng con lắc có vẻ đơn giản, nhưng không phải không có điều kiện nhất định vì theo các chuyên gia, không nên dùng con lắc khi ta đang bị stress, chán chường, buồn giận; nói chung là tâm trạng bất ổn. Riêng môi trường đang là vấn đề được bàn luận nhiều nhất, vì xác suất thành công của con lắc tại những nơi kín gió luôn cao hơn những nơi có gió. Sự chuyển động của không khí có ảnh hưởng đến hoạt động của con lắc ?

#### 5/. TẦN SỐ DAO ĐỘNG CỦA CON LẮC

Khi một vật thể dao động được (ở đây là con lắc) bị kích thích thường xuyên bởi một nguyên nhân nào đó, với một tần số bằng tần số riêng của nó thì dù sự kích thích rất nhỏ, vật cũng dao động dần dần mạnh lên, biên độ ngày càng lớn. Hiện tượng đó gọi là sự cộng hưởng. Con lắc đơn, với dây chỉ mềm có khối lượng rất nhỏ so với khối lượng của con lắc, trong quá trình dao động lực ma sát trong cũng như

## Bát Trạch

các lực cản khác tạo ra sự khuếch tán năng lượng đều rất nhỏ, nên nó lắc lâu mới tắt. Dù ta cố gắng giữ cho cơ thể bất động, ở các cơ bắp, kể cả hai đầu ngón tay cầm dây chỉ của con lắc, vẫn có những rung động rất nhỏ.

Khi sử dụng con lắc, nếu ta để hăng toàn bộ cánh tay (không tì vào chỗ nào) thì do cánh tay dài, rung động ở các đầu ngón tay sẽ có biên độ lớn (theo nghĩa tương đối) - lúc này người ta nói cánh tay, tức là "hệ treo con lắc". có "độ mềm" cao. Nếu ta tựa khuỷu tay lên bàn thì hệ treo con lắc "cứng" hơn, biên độ ở các đầu ngón tay nếu có cũng nhỏ hơn. Nếu lại tì cổ tay hay tựa hai đầu ngón tay lên mép bàn thì hệ treo con lắc quá cứng, bằng cách này, điểm cầm đầu dây rất khó rung động được. Vì vậy, khi sử dụng để dễ quan sát hiện tượng (có biên độ lớn), ta nên để hăng cả cánh tay hoặc cùng lắm chỉ nên tì khuỷu tay.

Khi thực hiện, vì ta chăm chú theo dõi con lắc nên chỉ sau một thời gian ngắn, mắt đã có thể truyền lên não những tín hiệu lặp lại theo một tần số bằng tần số riêng của con lắc. Dần dần, trong não hình thành một tần số ổn định hơn các tần số khác mà não vẫn truyền cho các cơ bắp. Tần số này sẽ tham gia vào hệ thống các tần số dao động điều hòa cơ học của bắp và là tần số ổn định nhất ở hai đầu ngón tay cầm con lắc. Khi đó sẽ phát sinh hiện tượng cộng hưởng và con lắc sẽ dao động mạnh hơn. Hiện tượng cứ thế lặp lại : tần số dao động riêng của con lắc (chiếc nhẫn) do mắt cảm nhận được đưa lên não, não truyền đến đầu ngón tay, đầu ngón tay kích thích con lắc dao động mạnh hơn theo tần số đó, mắt lại cảm nhận được... và hiện tượng cộng hưởng mỗi lúc một rõ (xem hình vẽ).

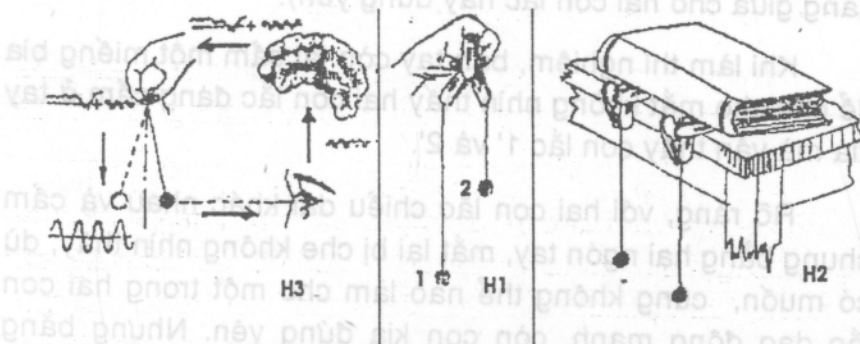
Để chứng minh lập luận này, mời các bạn hay cùng chúng tôi thực hiện hai thí nghiệm mà vật liệu gồm 4 viên bi ve bọc vải mỏng hoặc giấy màu, treo dưới 4 sợi dây chỉ mềm dài chừng 40cm làm thành 4 con lắc, 7 cái cặp nhựa, 4 vòng thun, vài vật nặng để chặn.

## THÍ NGHIỆM 1

Nếu trong khi làm mắt bạn lơ đãng nhìn đi nơi khác, hoặc che để không khi nào nhìn thấy viên bi, thì sau 5, 10 phút con lắc cũng không thể lắc mạnh được. Sau đó, bạn làm lại nhưng chăm chú nhìn theo viên bi. Chỉ sau ít giây, con lắc đã bắt đầu lắc rõ ràng và sau đó tiếp tục lắc mạnh.

## THÍ NGHIỆM 2

Chế tạo hai cặp con lắc đơn có cùng tần số riêng. Dùng cặp nhựa cặp vào đầu dây của các con lắc : 2 dây dài khoảng 30cm, 2 dây dài khoảng 15cm. Về lý thuyết nếu chiều dài hai dây bằng nhau thì tần số riêng của hai con lắc bằng nhau, nhưng thực tế thì không được như vậy.



## Bát Trạch

Điều chỉnh cho từng cặp 2 con lắc có cùng tần số riêng thực hiện như sau : dùng cặp nhựa cặp vào đuôi của 2 con lắc cùng loại, đặt chúng lên mép bàn, rồi đè vật nặng cho vững chắc (hình 2). Kéo 2 viên bi ra khỏi vị trí thẳng đứng rồi đồng thời thả ra. Nếu sau 50 lần lắc, 2 con lắc vẫn cùng pha (có cùng vị trí khi ở cùng thời điểm) thì chúng coi như có cùng tần số riêng.

Nếu không cần điều chỉnh : hoặc kéo dây chỉ của con lắc nào lắc chậm, hoặc thả dài dây chỉ của con lắc nào lắc nhanh. Sau khi đã đảm bảo 2 con lắc có cùng tần số riêng, dùng dây thun quấn chặt hàm cặp để cố định chiều dài dây chỉ. Vậy là ta đã có 2 cặp con lắc, mỗi cặp có một tần số riêng. Ta tạm gọi con lắc có dây dài là 1 và 1', con lắc có dây ngắn là 2 và 2'.

Thí nghiệm : Ở mép bàn đặt và đè chặn hai con lắc 1' và 2' tương tự như ở hình 1 (phía sau các viên bi nên có một phong nền để dễ ghi nhận sự chuyển động); cầm bằng hai ngón tay con lắc 1 và 2 đã được cặp chặt với nhau như ở hình 3 (toàn cánh tay để hẫng, lúc bắt đầu thí nghiệm cố gắng giữ cho hai con lắc này đứng yên).

Khi làm thí nghiệm, bàn tay còn lại cầm một miếng bìa để che cho mắt không nhìn thấy hai con lắc đang cầm ở tay kia mà vẫn thấy con lắc 1' và 2'.

Rõ ràng, với hai con lắc chiều dài khác nhau và cầm chung bằng hai ngón tay, mắt lại bị che không nhìn thấy, dù có muốn, cũng không thể nào làm cho một trong hai con lắc dao động mạnh, còn con kia đứng yên. Nhưng bằng cách dưới đây, bạn lại có thể làm được điều đó.



### Bát Trạch

Lần thứ nhất, bạn cất con lắc 2' lên mặt bàn rồi lắc nhẹ con lắc 1'. Sau đó, chăm chú nhìn theo sự chuyển động của viên bi 1'. Sau khoảng 30 lần dao động của con lắc 1' sẽ thấy con lắc 1' ở tay bạn dao động khá mạnh tức là đã cộng hưởng với con lắc 1' thông qua sự tiếp nhận bằng mắt tần số của con lắc 1', trong đó, con lắc 2 vẫn đứng yên.

Lần thứ 2, bạn cất con lắc 1' để sử dụng con lắc 2' và lặp lại việc thử như trên thì trên tay bạn con lắc 2 được cộng hưởng, còn con lắc 1 lại đứng yên.

Để yên tâm theo dõi dao động của 2 viên bi 1' và 2', có thể nhờ người khác theo dõi phản ứng của những con lắc mà bạn đang cầm trên tay.

Vậy với con lắc, khi chăm chú theo dõi chuyển động của viên bi, mắt đã đưa tần số riêng của con lắc lên não để não truyền cho tay một thành phần dao động kích thích cùng tần số với con lắc và như vậy, tạo ra hiện tượng cộng hưởng.

Bàn tay để sát dưới chiếc nhẫn chỉ là vật chuẩn để ta dễ ghi nhận dao động của nó, đặc biệt là khi dao động còn rất nhỏ. Có thể thay bàn tay bằng tờ giấy màu kẻ ô để chiếc nhẫn nổi bật trên nền giấy và mắt dễ thấy dao động. Còn con lắc dao động các dạng khác nhau là do sự phối hợp ngẫu nhiên của các điều kiện đầu của dao động.

Chiều quay của dao động tròn phụ thuộc vào bàn tay ngửa hay úp, nam hay nữ...

## 6/ ĐO LỰC HÚT ĐỊA CẦU BẰNG CON LẮC

Nó được các nhà Cảm xạ dùng để tiên đoán tương lai hoặc tìm đồ vật bị mất. Nhưng đó cũng là một dụng cụ khoa học có thể đo lực hút địa cầu tại chỗ cực kỳ chính xác.

Khi cầm đầu dây và để cho phần dưới dao động tự do, luôn luôn nó sẽ lắc theo một mặt phẳng cố định. Điều này có thể giải thích được. Hãy cột con lắc vào một giá đỡ có thể di động tròn. Để con lắc dao động và từ từ cho giá đỡ quay. Mặt phẳng dao động của nó vẫn không thay đổi như chẳng hề có điều gì xảy ra. Ngược lại nếu tạo cho con lắc vận tốc đầu thẳng góc với mặt phẳng dao động, nó sẽ tạo ra một hình bầu dục.

Năm 1950, nhà vật lý Foucault đã dùng nó để chứng minh trái đất quay tròn trên trục của chính mình. Ông chế tạo một con lắc nặng và dây dài đến 67 mét treo ở máy vòm của điện Panthéon. Mặt phẳng dao động cố định của nó từ từ di chuyển ngược chiều với chiều quay của địa cầu. Thí nghiệm này được lặp lại nhiều lần ở Viện bảo tàng bảo tồn kỹ thuật quốc gia cho khách tham quan.

Thực ra việc giải thích mặt phẳng cố định này không được rõ ràng, ít nhất là ở Paris. Ngược lại, sẽ hoàn toàn chính xác nếu con lắc được treo ở Bắc cực hay Nam cực. Mặt phẳng sẽ hoàn toàn cố định và trái đất quay bên dưới nó trong 24 giờ.

Nếu con lắc được cầm ở các nơi khác trên trái đất, mặt phẳng dao động sẽ quay theo. Điều này làm cho sự việc trở nên rắc rối. Thay vì lắc theo một mặt phẳng, nó sẽ tạo ra

### *Bát Trạch*

một hình bầu dục rất đẹp, tùy thuộc vào chu kỳ của con lắc so với 24 giờ quay của trái đất. Thế mà người ta lại có cảm tưởng như nó dao động trên một mặt phẳng cố định và điểm khác biệt với ở Bắc cực là mặt phẳng này không quay trong 24 giờ (xem hình). Đặc biệt ở xích đạo, con lắc dao động rất chậm và mặt phẳng không thay đổi. Tại Paris phải mất 32 giờ cho mặt phẳng quay trọn một vòng. Tùy theo vĩ độ của địa phương và vận tốc quay này thay đổi. Nói rõ hơn, tỉ lệ nghịch với sin của góc vĩ độ : tối đa ở hai cực và tối thiểu ở xích đạo.

#### 71. NGÓN NGŨ BIỂU TƯỢNG CỦA CON LẮC

Nhà Cảm xạ học cầm đầu sợi chỉ bằng ngón tay trỏ và ngón tay cái nâng nhẹ con lắc lên, ba ngón tay còn lại xòe ra, giữ cho tay không động đậy và theo dõi con lắc sẽ thấy:

- Con lắc có thể đu đưa sang hai phía, trên một mặt phẳng.
- Con lắc có thể xoay tròn theo chiều kim đồng hồ hoặc ngược lại.

Những chuyển động của con lắc đều theo một quy luật nhất định tùy theo tia sóng điện từ thấu được, nhờ đó mà nhà Cảm xạ học có thể giải thích được các chi tiết đang cần biết.

Nếu chúng ta luyện tập trở thành một nhà Cảm xạ học sự làm thí nghiệm với con lắc chúng ta sẽ thấy như sau :

### Bát Trạch

xa độ vài phần, con lắc từ từ chuyển động, xoay tròn quanh ngọn đèn.

2/. Để con lắc trên lòng bàn tay trái mình, cách xa vài phần con lắc sẽ đu đưa như con lắc đồng hồ.

3/. Vẽ một hình tròn, một nửa để trắng, một nửa bôi đỏ. Để con lắc trên hình cách xa vài phần : trên nửa hình trắng con lắc xoay tròn, trên nửa hình đỏ con lắc đu đưa qua lại.

4/. Đặt con lắc trên một la bàn, trên đầu kim chỉ về phía Nam con lắc đu đưa qua lại, trên đầu kia con lắc xoay tròn ngược chiều kim đồng hồ.

5/. Đối với đàn ông :

+ Trên bàn tay mặt úp sấp và trên bàn tay trái úp ngửa con lắc xoay tròn.

+ Trên bàn tay trái úp sấp và trên bàn tay mặt ngửa con lắc đu đưa qua lại.

6/. Đối với đàn bà thì ngược lại :

+ Trên bàn tay mặt úp sấp và trên bàn tay trái ngửa con lắc đu đưa qua lại.

+ Trên bàn tay trái úp sấp và trên bàn tay mặt ngửa con lắc xoay tròn.

Những biểu tượng ngôn ngữ của con lắc còn rất nhiều điều thú vị, tùy theo yêu cầu đối tượng, để nghị tham khảo qua các đề tài trong bộ sách này đã được sắp xếp rất phân minh như một bộ tự điển.

# ĐŨA THẦN

- Từ xưa, hơn 4 ngàn năm về trước ở miền Cận-đông người Chaldéens, Do Thái, Ai cập đều có dùng đến thuật Cầm xạ học bằng đối đũa để tìm mạch nước, (Ông Moise dùng gậy đập vào núi Horeb tìm mạch nước cho dân Do Thái uống ở ngoài đồng cát trong thời kỳ phản Ai Cập).

Ở Trung Quốc, vào đời nhà Hạ, hơn 2000 năm trước Chúa Cứu thế vua Vũ Đế cũng dùng đũa để tìm mạch nước .

Xét về phương diện cấu trúc, của Đũa thần, có hai thứ:

1. Thứ làm bằng xương cá Ong
2. Thứ làm bằng cành cây liễu tươi.

## A. ĐŨA THẦN BẰNG XƯƠNG CÁ ONG

Lấy hai khúc xương cá ong đẹp hoặc tròn lối 4, 5 li trực **kính** và dài khoảng 3 tấc, nhập hai chiếc đũa lại và quấn bằng **chỉ vải xung** quanh một đầu, từ đầu chạy dài xuống 3 phần.

Cách dùng đũa. - Nắm mỗi chiếc đũa trong bàn tay, ngón cái kẹp đũa vào ngón trỏ, để cho đầu đũa cột nhập đứng lên trên. Đến chừng nào có mạch nước hay có lằng sóng vô hình thì đầu đũa lai động.

Muốn thử xem đũa có nhạy hay không thì cầm đũa,

## Bát Trạch

đầu đũa chỉ gần ngọn đèn cây, tức thì đầu đũa hơi lai động và nếu hai tay đẩy đôi đũa ngang qua trên ngọn đèn, đầu đũa sẽ chỗi dựng lên.

Nếu một lần tập không kết quả, phải tập đi tập lại nhiều lần, hoặc trên món đồ kim khí như đồng bạc, hay trên một ly nước.

## B. ĐŨA THẦN BẰNG CÀNH CÂY LIỄU TƯƠI

Chỉ là một cành liễu nhỏ, có hai "chiếc sừng" tách ra hai bên, sao cho chỗ tay cầm cách xa nhau chừng 40 đến 70 phân. Cành cây phải mảnh (độ vài phân đường kính), và quan trọng là phải còn tươi - chỉ hữu hiệu trong ba, bốn ngày đầu, còn sau thì chẳng khác gì... Cây củi khô.

Cũng có thứ "đồ nghề" vĩnh cửu làm bằng sợi kim loại, thường là bằng đồng, đường kính chừng vài ly và uốn con hình chữ U và làm sao cho tay cầm cách nhau khoảng 70 phân.

- Khi thao tác, hai tay cầm cây chạc ba ngang vùng thắt lưng, song song với mặt đất bàn tay phải để ngửa. Khi dò tìm nên đi chậm rãi. Nếu gặp "mục tiêu", thì tự dừng cây Đũa Thần.. khẽ chuyển động, có thể quay ngang có thể dâng lên hạ xuống tùy theo từng trường hợp cụ thể. Có khi, cây Đũa thần quay tới vài vòng.

Về sau, một số nhà Cẩm xạ học được hiện đại hóa "cây Đũa thần" của mình bằng cách gán thêm lên một

bên tay cầm... một bạc đạn, để nhàn cây dễ chuyển dịch. Tốt nhất nên cầm "Đũa thần" bằng tay trần, đôi khi cũng có thể mang găng tay, nhưng găng da là thức tối kỵ.

Kinh nghiệm còn cho thấy : các vĩ quảng tác động lên cây "Đũa thần" mạnh hơn, so với các "công cụ" khác như mạch nước, ống nước ngầm...

Sự chuyển động của "Đũa thần" ở mỗi người một khác. Nhưng thông thường có thể chia làm ba loại : Ở phụ nữ, "Đũa thần" thường bị "hút" vào; ở nam giới, với nhóm này thì "Đũa thần" bị hút ở vùng bụng và thắt lưng, nhưng bị "đẩy" ở vùng vai; nhóm kia thì ngược lại.

Ngày nay các chuyên gia Định vị sinh học tức là thầy "Địa lý Phong thủy" tiến bộ cũng sử dụng Đũa Thần để phối hợp với máy vi tính định hướng cát hung cho ngôi nhà như sau :

Trước khu đất xây nhà. Một người ngồi sau máy vi tính ở trong xe, những người còn lại mang các túi xách nhỏ và cầm trên tay.

Đôi Đũa Thần đi quanh khu đất dưới sự kiểm tra của máy vi tính. Đũa Thần trong tay họ rung động. Người ngồi sau máy vi tính theo dõi cuộc khảo sát cẩn thận để máy vi tính ghi nhận các dữ kiện chính xác. Khảo sát xong khu đất, các dụng cụ được tập trung lại. Lát sau, người chủ xây dựng sẽ nhận được một phần mềm rồi đưa nó vào chiếc máy vi tính khác. Và trong màn ảnh hiện ra những lời chú thích về địa điểm, vị trí của ngôi nhà tương lai trên khu đất. Vị trí này

so với các dự án thiết kế khác bảo đảm được cho người ở trong đó ít bị bệnh ung thư, viêm khớp, bạch cầu và các căn bệnh hiểm nghèo khác.





# THƯỚC DÒ TÌM

Thuật Phong Thủy thường xuyên dùng thước khi tướng địa. "Hồ Hải Tân Văn" chép: Đời Nguyên có nhà sư ở An Phúc, khi chưa xuất gia đi tu, thấy ở bụng con rùa đá thường có dây tơ thảo, bèn nói : " Nhà ngươi đừng có làm chuyện quái gở, để ta kiếm lửa đến đốt rụi nhà ngươi" .

Đêm ấy nằm mơ thấy rùa đá đến bảo: " Đắm sâu trước viện có Long Vương. Tôi chỉ là chức quan nhỏ dưới quyền Long vương, trên bàn Long vương có hám long kinh và hám long xích, ngày mai tôi lấy trộm đem cho ông mượn, ông chép cho nhanh rồi trả ngay lại cho tôi. Cũng coi như tôi đền ơn ông". Hôm sau quả nhiên lấy được kinh và xích (thước) dưới bụng của rùa đá. Vậy là học được phép Phong Thủy, xem cho người ta, lần nào cũng trúng.

Lại theo La Tu viết trong sách "Trú Trạch Phong Thủy Khán Cát Hung", thì các nhà Phong Thủy ở Đài Loan đều có công cụ để tướng địa, hơn nữa rất thần bí. La Tu kể câu chuyện như sau : " Có lần tác giả cùng các vị hơn tuổi và cụ Hàn lên núi Quan Âm xem phong thủy . Cụ Hàn đem theo một cái thước dò huyết do cụ chế tạo. Lần đầu tiên trông thấy một cái thước dò huyết mà xưa nay chưa ai nghĩ ra, tất nhiên tác giả chú ý xem kỹ.

## Bát Trạch

kéo, khi sử dụng, hai tai sẽ di chuyển mở ra một góc  $90^{\circ}$ . Cự Hàn bảo tôi dùng thước này thử tìm huyết xem ở đâu. Dưới sự chỉ dẫn của cự, tôi dùng tay phải cầm nhẹ tai thước, tay trái nắm lại để đỡ tai kia của thước để nó không chỉ sang hướng khác. Đi khoảng 10 bước, thì như có một sức mạnh nào đó kéo tai thước chỉ vào chỗ 5 năm mộ nhỏ. Chúng tôi thử mấy chỗ khác đều không kết quả gì. Cuối cùng trở lại chỗ tường rào của 5 ngôi mộ nói trên, tôi trèo lên tường đi được hai thước thì tai kéo như bị một lực đẩy nào đó, mở ra một góc  $90^{\circ}$ , chỉ đúng vào hướng giữa 5 huyết lại, huyết mà được thì có một sức mạnh, rất dễ để người ta cho rằng trong 5 mộ có chứa rất nhiều nam châm, nhưng thực ra không có chuyện này, vì rằng nếu có, thì la bàn không sử dụng được. Vậy mà người cầm la bàn vẫn thấy kim chỉ hướng Nam Bắc. Thước dò huyết chỉ to bằng ngón tay út, chỉ là một công cụ thô sơ, trừ phi có một sức mạnh vô hình nào đó rất mạnh, nếu không, thước sẽ không nhúc nhích, hơn nữa trăm lần đúng cả trăm. Tôi hỏi cự Hàn thước làm bằng kim loại gì, tiếc rằng cự không nói. Ý nghĩa của câu chuyện này là, cự Hàn từ lĩnh vực Kham Dư, từ lĩnh vực khoa học chủ quan, mà đưa vào thí nghiệm một khi cự khoa học, đồng thời chứng minh gọi là huyết kết do núi sống cấu tạo nên mà người xưa từng nói, quả có một sức mạnh chỉ ít ảnh hưởng đến vật chất". Thước là một thanh sắt từ, hoạt động theo nguyên lý kim chỉ nam, kết cấu không phức tạp

# THƯỚC THIÊN XÍCH

Về phép dùng của thước Thiên Xích có 4 thứ :

- 1/. Tử Phòng Xích :
- 2/. Khúc Xích
- 3/. Lỗ Ban Xích
- 4/. Huyền Nữ Xích

Thước đều là 9 tấc, lại thấy bói nói là thước Lỗ Ban, là thước thợ mộc thường dùng mỗi tấc quản một chữ: Tài, Ly, Bình, Nghĩa, Quan, Kiếp, bại, Bản, trong những chữ có 4 chữ : Tài, Nghĩa, Quan, bản là được Cát từng so với thước ở đây lại bất tương đồng, tức là khác nhau, không ở trong lậu thức này.

- Thước Tử Phòng thì lấy 9 tấc làm 9 bộ (khoảng) : Kim Tinh (Cát) Hỏa Tinh (Hung), La Tinh (Hung), Mộc Tinh (Cát), Tử Khí (cát), Thổ Tinh (Hung), Kế Đô (Hung), Nguyệt Bội (Hung), Thủy Tinh (Cát).
- Khúc Xích thì lấy 9 tấc, phân làm 9 bộ. tấc thứ nhất là Nhất Bạch (Cát), Tấc thứ 6 là Lục Bạch (Cát), Tấc thứ 8 là Bát Bạch (Cát), Tấc thứ 9 là Cửu Tử (Cát), còn Tấc thứ 2,

*Bát Trạch*

3, 4, 5, 7 đều là Hung.

- Lỗ Ban Xích thì lấy 9 tác phân làm 13 bộ : Tài - Toại - Diên - tăng, Sinh - Tai - Khấu - Thiệt, Phán - Định - Tổn - Thế, Ly - Hương - Tuyết - Nghĩa, Chiêu - Tài - Tiên - Nghiệp, Vượng - Tài - Cát - Lợi, Sinh - Quý - Tử - Cát, Tiến - Tài - Sinh - Tử, Hoành - Hòa - Hung - Thân, Trường - Bình - Sư - Cô, Quan - Tư - Phiến - Liên, Ôn - Hòa - Thoái - Tài, Tiên - Bảo - Cát - Lợi.

- Huyền Nữ Xích thì lấy 9 tác phân làm 8 bộ : Quý Nhân (Cát), Thiên Tai (Hung), Thiên Hòa (Hung), Thiên Tài (Cát), Quan Lộc (Cát), Cô Độc (Hung), Thiên Bại (Hung), Phụ Bộc (Cát).

Những thước tác làm nhà cửa đều lấy 4 dạng thước so sánh mặt thước, lấy 4 thứ đều là Cát thì tốt lành. Lấy một mảnh gỗ rộng 4 tác, dài 9 tác, vạch 4 dạng thước đó vào một mặt thì Cát Hung thấy rõ. Tóm lại, số của 4 loại thước đều không chia được số 9, gấp 9 thì tốt lành, lấy 9 tác làm 1 thước, lấy 9 thước làm 1 trượng, lại thêm nửa tác thì mọi thước đều được Cát tường.

## **THIÊN XÍCH ĐỒ THƯỚC**

(Cách thức tác dụng của thước Thiên Xích)\_

Những bộ số của Thước, Tác để dùng làm nhà cửa đều nên lấy số Lẻ, không nên lấy số Chẵn. Như đo làm cửa thì nên lấy số 3X9 là 2 thước 7 tác 5 phân chiều rộng. Lấy số

### Bát Trạch

7X9 là 6 thước 3 tấc 5 phân chiều cao. Cửa lớn đóng 2 cánh thì nên lấy số 4X9 là 3 thước 6 tấc 5 phân chiều rộng, hoặc 5X9 là 4 thước 5 tấc rưỡi (tức thêm 5 phân lẻ).

Nên lấy 4 phép của 4 thứ thước, tức là 4 thể dạng, của 4 cây thước có khác nhau, vậy nên so sánh, lấy số lượng của cả 4 loại thước, đều được ở khoảng độ là Cát, thì chuẩn đích, thước đó là Cát tường.

Tóm lại, cả 4 loại thước đều không là khối số 9, thêm nửa tấc thì được 4 thứ thước đều là Cát.

# THƯỚC LỖ BAN

## MÔ TẢ THƯỚC LỖ BAN

Thước này dài khoảng 41 phân (không biết tại sao quan niệm của các thợ ngày xưa cho rằng thước làm bằng giấy là tốt nhất) được chia ra 8 phần đều nhau, mỗi phần mang những tên như sau, từ trái sang phải :

- 1/. Tài Lộc
- 2/. Trường Bệnh
- 3/. Sinh Tang
- 4/. Mỹ Thuận
- 5/. Quan Lộc
- 6/. Kiếp Đạo
- 7/. Lục Hại
- 8/. Tài Đức

Mỗi cung lớn (có 8 cung) lại chia thành 4 cung nhỏ có tên như hình vẽ.

Dưới đây chúng tôi xin vẽ thước Lỗ Ban đúng y như kích thước thật (vì khuôn khổ bộ sách xin phân thước ra làm 4 phần. Muốn có thước thật chỉ việc cắt 4 phần ra và dán nối vào nhau là đã có một thước Lỗ Ban (kích thước đúng với

kích thước thật)).

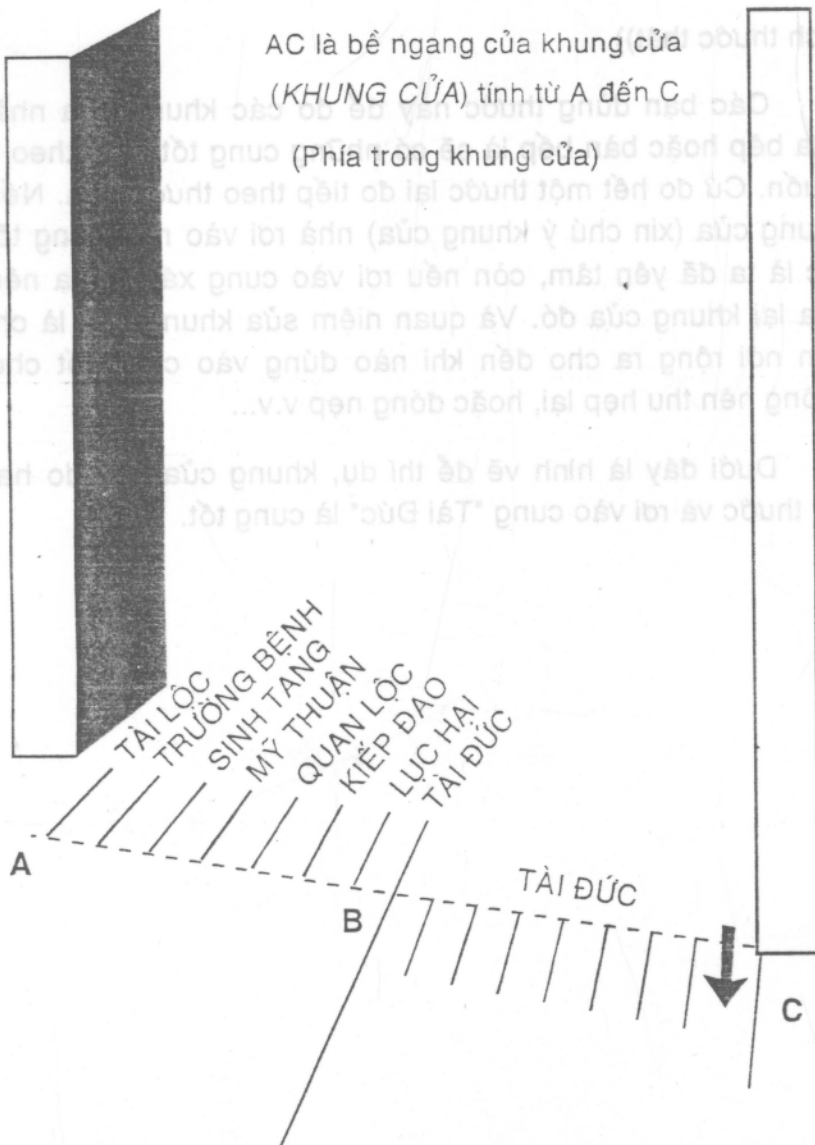
Các bạn dùng thước này để đo các khung cửa nhà, cửa bếp hoặc bàn bếp là sẽ có những cung tốt nhất theo ý muốn. Cứ đo hết một thước lại đo tiếp theo thước nữa. Nếu khung cửa (xin chú ý khung cửa) nhà rơi vào một cung tốt tức là ta đã yên tâm, còn nếu rơi vào cung xấu thì ta nên sửa lại khung cửa đó. Và quan niệm sửa khung cửa là chỉ nên nở rộng ra cho đến khi nào đúng vào cung tốt chứ không nên thu hẹp lại, hoặc đóng nẹp v.v...

Dưới đây là hình vẽ để thí dụ, khung cửa này do hai lần thước và rơi vào cung "Tài Đức" là cung tốt.

AC là bề ngang của khung cửa

(KHUNG CỬA) tính từ A đến C

(Phía trong khung cửa)





Ý nghĩa của các cung như sau :

1/. Tài Lộc (có lộc của cải)

- Sinh Vượng : cửa nhà thịnh vượng.
- Tiến Bảo : hay gặp những việc quý.
- Đắc Nhân : gặp việc nhân.
- Tài Trí : có tiền của đến.

2/. Trường Bệnh : để phòng bệnh tật.

- Khẩu Thiệt : hay gặp chuyện cãi cọ đôi co.
- Bệnh Lâm : thường gặp bệnh tật.
- Tử Tuyệt : để phòng tai nạn đe dọa tính mạng.
- Tai Chí : để phòng tai nạn.

3/. Sanh Táng : lụy vì lời ăn tiếng nói.

- Thất Tài : mất mát của cải
- Ly Hương : phải xa quê hương
- Thoái Khẩu : lụy vì lời ăn tiếng nói.
- Tử Biệt : tang tóc.

4/. Mỹ Thuận : công việc đều thuận lợi tốt đẹp.

- Phú quý giàu có quý hiển
- Tiến Ích : gặp nhiều dịp may có ích.

### Bát Trạch

- Tích Lợi : giữ được của cải
- Thuận Lợi : mọi dự định đều như ý.

#### 5/. Quan Lộc :

- Đại Cát : gặp tốt lớn
- Quý Nhân : có người trợ giúp
- Lợi Ích : gặp việc có lợi
- Thiêm Đinh : gia đình có thêm con trai

#### 6/. Kiếp Đạo : (cung chủ về trộm cắp)

- Thất Thoát : mất mát của cải
- Ngũ Quỷ : gặp nhiều việc tai hại
- Kiếp Tài : coi chừng trộm cắp
- Trường Bệnh : bệnh kéo dài dằng

#### 7/. Lục Hại : (sáu điều tai hại)

- Cô Quả : lẻ loi, đơn độc
- Quả Canh : kém về lợi tức
- Mạt Nghê : làm ăn sa sút
- Thoát Tài : không có tài lộc

#### 8/. Tài Đức :

- Nghinh Phúc : đón việc phước tới

*Bát Trạch*

- Lục Hạp : việc làm ăn cũng thích hợp
- Thiên-Sanh : có sự phù trợ tốt đẹp....
- Âm Đức : có sự phù trợ huyền bí

Trên đây là thước Lỗ Ban còn truyền đến ngày nay.

Bát Trạch

|            |          |            |           |             |          |            |             |
|------------|----------|------------|-----------|-------------|----------|------------|-------------|
| Sanh Vương | Tiền Bảo | Đang Nhân  | Tài Chí   | Khẩu Thiệt  | Bệnh Lâm | Tử Tuyệt   | Tài Chí     |
| TÀI-LỘC    |          |            |           | TRƯỜNG-BỆNH |          |            |             |
| Thất Tài   | Ly Hương | Thoái Khẩu | Tử Biệt   | Phú Quý     | Tán ích  | Tích Lợi   | Thuần Lợi   |
| SANG TANG  |          |            |           | MỸ-THUẬN    |          |            |             |
| Đại Kiết   | Qui Nhân | Lợi ích    | Thâm Dinh | Thất Thoát  | Ngũ Quý  | Kiếp Tai   | Trường Bệnh |
| QUAN-LỘC   |          |            |           | KIẾP-ĐẠO    |          |            |             |
| Cô Quả     | Quả Canh | Mặt Nghé   | Thoái Tài | Nghinh Phúc | Lục Hạp  | Thiên Sinh | Ám Đức      |
| LỤC-HẠI    |          |            |           | TÀI-ĐỨC     |          |            |             |

|         |          |           |          |          |          |         |         |
|---------|----------|-----------|----------|----------|----------|---------|---------|
| TÀI-LỘC | TR. BỆNH | SANG-TANG | MỸ-THUẬN | QUAN-LỘC | KIỆP-ĐẠO | LỤC-HẠI | TÀI-ĐỨC |
|---------|----------|-----------|----------|----------|----------|---------|---------|

CHƯƠNG V

# BÙA CHÚ

## THƯỜNG SỬ DỤNG TRONG THUẬT PHONG THỦY

### NỘI DUNG GỒM CÓ :

- 1 - Giới thiệu ý nghĩa của Bùa Chú
- 2 - Bùa Lỗ Ban
- 3 - Bùa Trấn Yểm
- 4 - Bùa Thượng Lương
- 5 - Bùa Yểm Tà Ma Trong Nhà
- 6 - Trù Ếm

## CHƯƠNG 5

# BÙA CHÚ

Chúng ta sinh vào thời khoa học, đặc biệt là thế kỷ 20 này, thế kỷ của Vệ tinh, Hòa tiến, của kỹ thuật của Đại kỹ nghệ, lẽ tức nhiên chúng ta phải sùng thượng khoa học. Hễ cái gì không thể dùng lý luận khoa học giải thích được thì người ta cho là "Dị đoan" là phản khoa học.

Nhưng riêng đối với vấn đề Bùa Chú, ta có thể tự đặt một dấu hỏi :

- Bùa Chú phát minh từ thời cổ sơ, đã trên 5 ngàn năm, thế mà gần đây ở một vài nơi hãy còn dùng, nhất là để trị bệnh, không lẽ nó hoàn toàn vô giá trị ?

Chắc phải có vài hiệu nghiệm gì khả dĩ tin được. Đặc biệt là ngay hiện nay, các giới Huyền bí học Âu Mỹ vẫn nghiên cứu Bùa Chú và công nhận đó là một môn học tối cổ của người Đông Phương. Bác sĩ D'Alveydre, bác sĩ papus, trong quyển "Traité méthodique de science Occulte" đã nghiên cứu về Bùa Chú rất tận tường. Một người Mỹ, bác sĩ willington, đã tìm được bộ "Phù chú toàn thư" của Trung Quốc, đã thực nghiệm và dịch ra tiếng Anh.

Nhưng không phải vì các nhà Học giả Âu Mỹ nghiên cứu về Bùa Chú mà chúng ta phải bắt chước họ, tin Bùa

Chú. Tâm - Pháp và Lực - Học

Bạn cầm chiếc địa bàn lên tay, bạn thấy cây kim nam châm luôn luôn quay về hướng Bắc. Địa dư học cho bạn biết rằng ở hai đầu quả địa cầu có hai khối từ điện và chính hai luồng Từ Điện đó là sức mạnh hút cây kim nam châm, một đầu chỉ hướng Bắc, một đầu chỉ hướng Nam.

Do sức mạnh của Từ Điện, chúng ta biết rằng trong không gian có vô số những luồng quang tuyến khác, từ mặt Trời cũng như các Hành Tinh khác trong vũ trụ dội lại, cùng ảnh hưởng với nhau. Cứ xem nước lớn nước ròng. Trăng tròn là lúc mặt Trăng đến gần trái đất, phóng mạnh những luồng Điện tử của nó xuống làm áp lực, vì thế nên mặt nước dâng lên. Tóm lại, trong không gian có cả một sức mạnh vô hình có thể thay đổi các hiện tượng trên mặt đất. Sức mạnh đó, ta gọi là Điện tử lực. Mỗi hành động, mỗi tiếng động từ trái đất và các Hành tinh phát ra cũng đều phát sanh Điện tử lực. Mà hành động và tiếng nói của chúng ta là do tâm phát ra. Như vậy, ta biết rằng tâm lý có thể biến thành sức mạnh.

Do sức mạnh của tâm lý mà có khoa trị bệnh bằng phương pháp Tâm phần học, gọi tắt là tâm pháp.

- Tâm lý tập trung vào những nét của lá Bùa.

- Ngón tay tùy theo tâm lý, vẽ những nét Bùa trên chén nước, phát ra một thứ điện tử lực

## *Bát Trạch*

- Sức mạnh tâm lý, sức mạnh Điện từ, kết hợp thành một khối sức mạnh đặc biệt do Thân (bàn tay) Khẩu (âm thanh) Ý (tức tâm lý) tập trung và phát ra, cùng với nước trong chén, đẩy tuốt cái xương vào cuống họng.

Từ nét vẽ của lá Bùa đến lời lẽ và âm thanh của câu chú, tất cả đều nhằm tạo sức mạnh phối hợp của Thân, Khẩu, Ý.

Thần lực tức là Điện. Nói một cách khác, nó là tâm lực. Bởi vì tất cả đều do tâm mà ra. Tâm chuyển được vật bởi tâm phát ra Điện từ lực.

Phật học chủ trương "Tâm và vật" đồng một thể, hay nhất thiết duy tâm tạo, chính là ý ấy.

Đã biết rằng Tâm có thể chuyển được vật thì cũng biết rằng Tâm có thể chuyển được Tâm. Những Bùa yêu, bùa thương, bùa tạo mộng đẹp, v.v...

đều phát sinh bởi cái lý đó. Theo sách "Giang hồ bí thuật" sở dĩ vua Hiến Viên Huỳnh Đế phát minh ra Bùa Chú, chính là một phương pháp trị bệnh bằng tâm lý vừa ra không tốn kém vừa tránh được nạn lảm thuốc do các tay lang băm giang hồ thời xa xưa chẩn bệnh và cho thuốc bừa bãi gây ra.



# BÙA LỖ BAN

Thiên hạ từng đón đại nhiều giai thoại kỳ về bùa lỗ ban. Chẳng hạn dòng nước chảy xuôi, thấy bùa "Niệm thần chú" rồi thấy nhành hoa xuống, cành hoa sẽ... trôi ngược hoặc một cành cổ thụ sắp gãy đe dọa mái nhà, vì một lý do gì đó không thể đón được, mới thấy lỗ ban lại làm "phép" ngũ một đêm thức dậy thấy cành cây đã ... xoay qua hướng khác tự bao giờ ! Ngày xưa những người cất nhà mới rất sợ bị cánh thợ mộc "ếm" bùa lỗ ban. Giai thoại về bùa lỗ ban trong chuyện cất nhà cũng là rừng rợn. Có nhà khi cất, chủ nhà bủn xỉn, làm khó, chèn ép thợ mộc đủ đủ, ông thợ chán giận quá ra tay "ếm" bùa lỗ ban cho bỏ ghét. Sau khi bàn giao nhà, đêm nào mọi người cũng nghe tiếng ...xe lửa chạy ! Giai thoại khác thì kể rằng, cũng do đối đãi không "đẹp" với thợ mộc mà căn nhà bị "ếm", đêm đêm chủ nhà thường thấy có ... bóng người đứng đầu giường, xem mình ngủ (!) sau nhờ một pháp sư "cao tay ấn" tình cờ đi ngang phát hiện ghé vào gõ cho mới hết. Rồi bùa "ếm" có khi là 5 cây đinh đóng lút ở một nơi kín đáo, có khi là miếng vải đỏ nhét vào trong mộng đòn tay, có khi là ... xương người chôn dưới lu nước, v.v... Có 1001 kiểu "ếm", chẳng biết lối nào là lần.

# BÙA TRẦN YẾM

Người phát minh ra "phù" (bùa) là Hoàng Công Thạch, vẽ bùa lên thân cây đào, mận, hạnh, hoặc vẽ bùa trên giấy đeo vào người, hoặc treo trước nhà, hoặc để trong nhà, hoặc chôn dưới đất, để trừ họa.

Bùa ngũ nhạc trấn trạch, chia làn trung, đông, tây, nam, bắc : năm lá bùa. Phạm là gia trạch bất an, hoặc hung thần tà quỷ gây rối, thì dùng bùa này để trấn các tà ma không dám đến gần.

Bùa trấn trạch thập nhị niên thổ phủ thần sát, gồm 12 lá : Tí, Sửu, Dần, Mẹo, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Phạm là tu tạo nhà cửa phạm thổ hung thần, thì dùng ván gỗ cây đào đặt ở chỗ phạm.

Bùa trấn tứ phương thổ cấm tính thoái phương thần, gồm 4 loại bùa : Hợi Tí Sửu, Tị Ngọ Mùi, Thân Dậu Tuất, Dần Mão Thìn. Phạm là ngộ phạm tam sát hung thần, vẽ bùa lên ván gỗ cây đào đặt ở chỗ phạm.

Bùa tam giáo cứu trạch, gồm 8 lá chia theo bát quái, khi tai họa trong nhà không chấm dứt, thì bùa này.

Ngoài ra, có bùa trấn hành niên kiến trạch thần, bùa trấn bát vị quái hào nghịch thần, bùa trấn phân phòng tương khắc thần, bùa trấn nguyên không trang quái dị tu thần, bùa tu tạo dự trấn thần., bùa di đồ dự trấn thần, bùa

trần tứ lân khởi thổ tu tạo ngộ phạm ngã gia thổ phủ hung thần, bùa trần tứ quý ngộ phạm thổ vương sát thần, bùa trần tà thần tà khí tác quái trong nhà, bùa làm lợi cho kinh doanh, bùa phù hộ cho heo hay ăn mau lớn v.v...

Đa phần những bùa này đều vẽ bằng sơn lên gỗ đào, kích thước miếng gỗ có qui định hẳn hoi, như rộng một thước hai, khớp với 12 tháng : cao một thước hai, khớp với 12 giờ, tổng cộng 24 khí. Mặt ván vẽ hình, hoặc chỉ viết mỗi chữ "thiện" hoặc "phúc".

Viết xong phải chọn giờ treo lên. Nếu là chữ "thiện" thì treo vào giờ Thìn ngày mồng tám tháng tư. Mời một vị công bằng chính trực có đức độ viết hộ, rồi treo ở chỗ dễ thấy. Nếu là bùa thôn (thôn phù) treo vào giờ Dần ngày Dần. Có loại bùa không chỉ treo đằng trước, mà treo cả bốn bên, thậm chí 8 bên, khiến tà khí không thể xâm nhập từ bất cứ hướng nào.

Thường có phép viết trên tảng đá. Phàm là người, nhà cửa xung với miếu thờ thần, đình chùa, thì viết trên tảng đá hai chữ "ngọc thanh". Nếu nhà bị trộm cướp, viết trên tảng đá hai chữ "Ngọc đế", phàm là miếu vũ, phòng tích xung với nhà thì viết trên tảng đá hai chữ "Thái sơn". Nếu nóc nhà hàng xóm chĩa thẳng vào nhà mình, thì viết trên tảng đá hai chữ "Kiến nguyên". Ngoài ra, còn có "kim cương", "thiên thông", "kiến cương mậu kỷ", "thiên phùng thánh hậu"... Những tảng đá này nặng từ 50 đến 100 cân, là đá xanh hoặc đá đỏ thì lành. Nếu là đá của Thái sơn thì cao bốn thước tám tấc, rộng một thước hai tấc, dày bốn tấc, chôn

### *Bát Trạch*

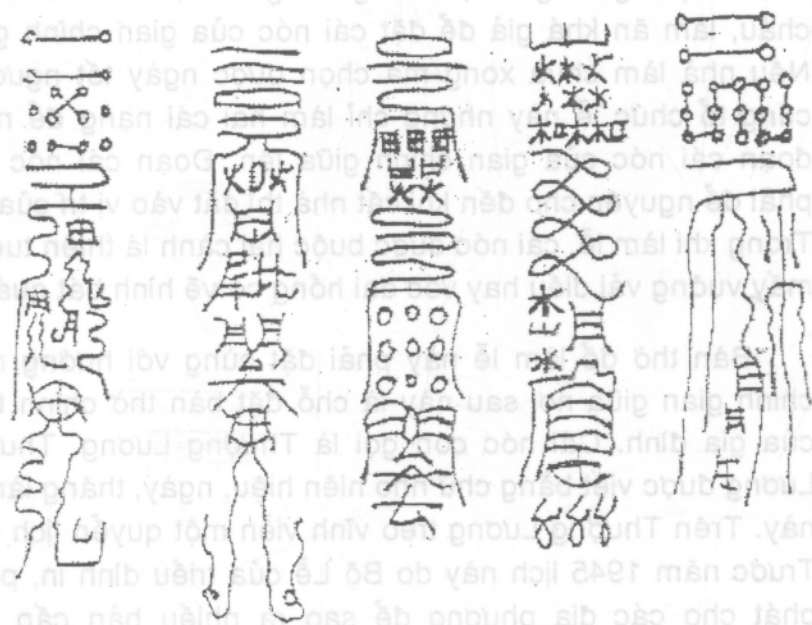
xuống đất tám tấc, chôn vào giờ dần ngày Ngũ Long, Ngũ hổ. Khi xúc phạm đất Hổ khẩu, Hổ vĩ, Thái tuế, thì dùng đá của Thái sơn trừ tà.

Lại có phép chôn vật xuống đất. Chôn hình nhân bằng gỗ, hình súc vật, trong đất. Có thể đắp hình nhân bằng đất hoặc bùn. Đất thì không phải đất thông thường, mà là đất tường thành, đất bếp, đất nơi mộ cổ. Nước cũng không phải nước thông thường mà là nước giếng cổ, nước tắm. Có khi chôn chuột móng ngựa, da rắn, tiết heo, xương Hổ v.v... Nói chung, chôn sâu một thước hai tấc.

Còn có phép chiếu gương. Có một loại gương Bạch hổ, nếu cổng này xung với nhà lầu, am miếu, chùa chiền, cột cờ, tháp bằng đá, thì treo gương trên cổng (cửa) để trấn, đại cát.

Lại có phép trát tường bằng đất nhào. Lấy đất bếp, đất phố, đất mộ cổ, đất giữa lòng đường, xương xọ chó đốt thành than, đất ở phương Tuế Đức, nhào lẫn với nhau theo một tỷ lệ rồi trát lên tường là được đem dùng, mục đích là trấn an về tâm lý.

## Bùa trấn



## BÙA THƯỢNG LƯƠNG

Thượng Lương là một lễ rất quan trọng.

Nên chọn ngày tốt làm lễ cúng gia tiên và thổ thần, rồi chọn một người già vợ chồng song toàn, nhiều con lắm cháu, làm ăn khá giả để đặt cái nóc của gian chính giữa. Nếu nhà làm chưa xong mà chọn được ngày tốt người ta cũng tổ chức lễ này nhưng chỉ làm hai cái nạng để nâng đoạn cái nóc của gian chính giữa lên. Đoạn cái nóc này phải để nguyên cho đến khi cất nhà thì đặt vào vị trí của nó. Trong khi làm lễ, cái nóc được buộc hai cành lá thiên tuế và mấy vuông vải điều hay vóc đại hồng có vẽ hình bát quái.

Bàn thờ để làm lễ này phải đặt cùng với hương nhà, chính gian giữa nơi sau này là chỗ đặt bàn thờ chính thức của gia đình. Cái nóc còn gọi là Thượng Lương. Thượng Lương được viết bằng chữ nho niên hiệu, ngày, tháng làm lễ này. Trên Thượng Lương treo vĩnh viễn một quyển lịch tàu. Trước năm 1945 lịch này do Bộ Lễ của triều đình in, phân phát cho các địa phương để sao ra nhiều bản cấp cho những ai xin làm nhà. Trên lịch có vẽ đủ các vì tinh tú của Tử vi, đặt biệt là có dấu ấn của vua nên rất quý. Người ta tin rằng nhờ có dấu ấn đó nên lịch này rất linh thiêng có thể trừ được tà ma. Lịch càng cổ càng quý. Nếu sau này trong nhà có người chết nhằm giờ trùng thì người ta liệm người chết

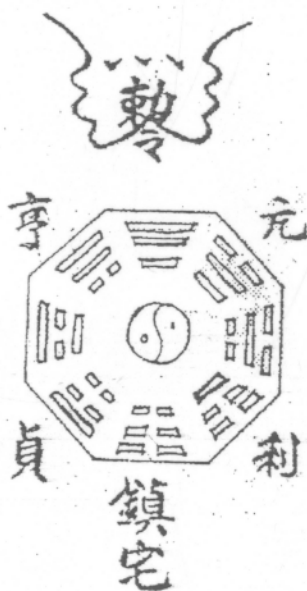
### *Bát Trạch*

cùng với lịch này để trừ trùng. Nếu không có được quyển lịch ấy, thì phải rước một thầy pháp cao tay ấn về làm phép rồi xin bùa để treo trên thượng lương.

Lễ này bắt buộc phải mời các vị có chức sắc trong làng. Sau đó gia chủ mời mọi người kể cả phường thợ ăn uống linh đình.

# MẪU VẼ BÙA THƯỢNG LƯƠNG

Thượng lương dựng bùa Tiên Thiên bát quái (bên phải) hoặc bùa Hậu Thiên bát quái (bên trái) dưới đây:





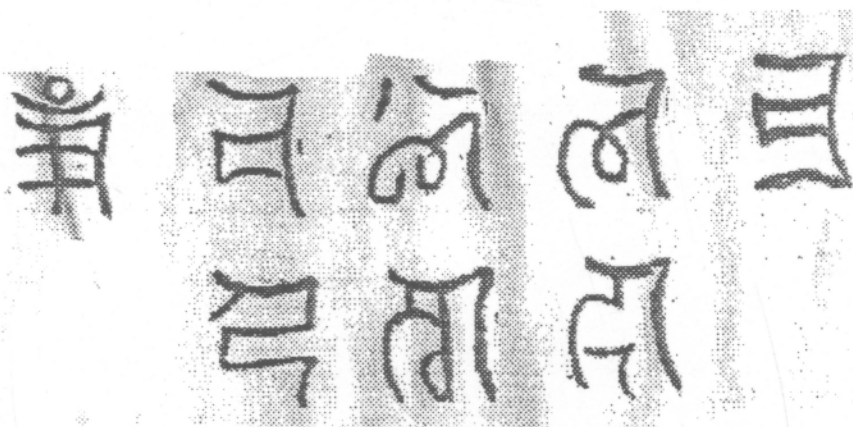
# BÙA ẾM TÀ MA TRONG NHÀ

Về nhà mới

Lấy một cái chén mới hoàn toàn đựng nước giữa lòng giếng lấy trong lúc nửa đêm, rồi tay trái bắt ấn Bảo Thủ (lấy ngón tay giữa và ngón áp út co lại bấm vào lòng bàn tay mà giơ ngón tay cái, tay trở và ngón út thẳng lên mà bưng chén nước).

Còn tay mặt bắt ấn Cát Tường như sau (ngón cái co lại bấm đầu ngón tay áp út và giơ ngón tay trở, ngón tay giữa và ngón út lên mà vẽ chữ (lãm) vào chén nước và tụng 21 lần chú Chuẩn Đề trên \_ Rồi đứng giữa nhà lấy tay nhúng vào nước mà rảy cả tám phương trên dưới :

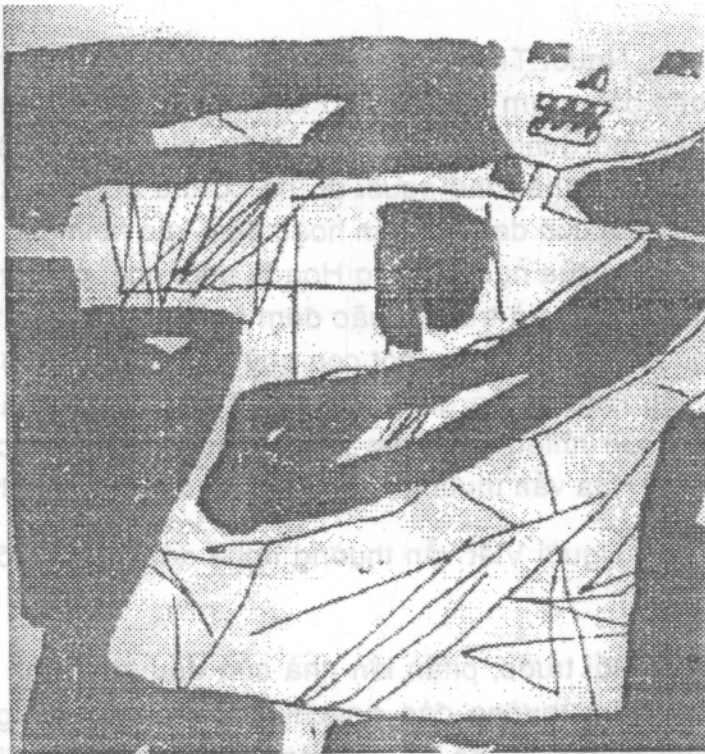
Sau cùng dùng son viết chín chữ :



### *Bát Trạch*

Vào trong giấy vàng mà dán lên mấy cửa cho đủ rồi chí tâm cầu nguyện với Phật và tụng chú ấy luôn ba đêm thì nhà ở bình yên vô sự, yêu quái không dám bén mảng đến.

Còn như nhà đang ở mà sanh ra yêu quái, rầy rà, đau ốm thì cũng y theo chú ấy, chú tâm trì tụng ba ngày, ba đêm thì tất nhiên bắt đầu tà ma, bệnh lành và gia đạo hạnh phúc.



# TRÙ ẾM

Nói chung, người Trung Hoa, người Việt, người Thượng, người Chăm ... Trước đây đều làm trò ếm. Mỗi người có một lối ếm riêng mà mục đích là cốt làm hại ai đó mà chính mình không ưa, hay để quàng cái ách của mình cho kẻ khác.

## Bát Trạch

Người Trung Hoa ếm, Thường dùng một hình nhân hoặc bằng rơm trên đầu có lá bùa viết tên họ người bị ếm hoặc một hình vẽ trên giấy. Nếu muốn tiêu diệt một bộ phận trên thân thể người đó họ có thể dùng một cái cung dẫu, một con dao tre, bắn hoặc đâm vào hình giả. Một cách ếm khác của người Trung Hoa là ngồi nhà, chọn những giờ sát tử hoặc giờ trùng, hoặc đêm hôm khuya khoắt, kêu tên người kia ra rồi triệu một con quỷ nào đó đến nhờ tiêu diệt. Nhiều khi họ còn dùng vật xú uế của người khác để ếm. Vẫn còn nhiều cách ếm khác, Nhưng việc ếm của người Trung Hoa vẫn thường nhằm mọi mục đích tranh thương.

Người Việt vẫn thường nghe nói có mấy lối ếm sau đây.

Hồi trước, phần lớn nhà cửa đều lợp tranh gài vách đất. Trộm thường đào ngạch qua vách ở những chỗ kín trong buồng tối để ẩn bóng nhiều khi hắt đi rồi, nếu dưới đất chỗ đào ngạch còn dấu chân, thì chủ nhà lấy dũa bếp cắm vào giữa dấu hai bàn chân. Còn không thì người ta lấy hai chiếc dũa bếp gác chéo qua lỗ ngạch. Vì tin rằng nếu tên trộm nào đó bị ếm bằng dũa bếp như trên hôm sau hẳn bị què đi không được nữa hay bị treo cổ.

Thợ mộc cũng có cách ếm riêng. Khi làm nhà, bị chủ nhà hạch sách quá đáng, hẳn có thể đẽo lộn gốc cây kèo, hay vẽ một hình nhân trên đầu cột cái dưới cây đòn tay giữa (đòn dông). Một cách khác là trước khi đóng vào lỗ kèo hẳn kiếm cách kêu tên người chủ nhà để người kia ơi lên một tiếng, đồng lúc hẳn lấy búa đóng chốt thật mạnh. Hẳn tin

## Bát Trạch

rằng tiếng ới kia sẽ bị nhét vào đó.

Cây đòn tay giữa đối với người nông thôn thật vô cùng hệ trọng. Muốn dựng một cái nhà, bao giờ người nông thôn cũng chọn ngày lành tháng tốt rồi đưa nó lên trước, có treo ngay giữa một tấm bùa bát quái. Đến hôm nó được gắn lên cột cái thì ít nhất trên đầu cột phải lột một cuốn lịch Tàu (Có lẽ trong lịch Tàu có tên tuổi mấy vị thần linh với bùa chú).

Thế rồi, coi chừng người khác ếm đối phương có thể dùng một cây cung gác trên đợt cây nào gần đó có gắn mũi tên hướng vào cây đòn tay giữa.

Có nhiều cách ếm khác. Ví dụ ếm bằng đồ ăn, bằng thức dùng hàng ngày làm ra vẽ như đánh rơi ngoài đường.

Sau đây là một lối ếm mà người Chăm lẫn người Việt đều dùng.

Viết tên họ, quê quán của kẻ thù vào miếng giấy đỏ, xếp lại đặt dưới chân ông táo giữa. Kẻ bị ếm sẽ thấy nóng nảy điên cuồng chắc vì bị Táo đốt. Nhưng người Việt vẫn minh hơn dùng quách một tấm ảnh để rồi khỏi viết tên họ. Bây giờ nhiều ông cụ bà cụ cấm con cháu xé ảnh liệng vào bếp, cũng vì sợ lẽ đó.

Muốn làm cho người khác to bụng rồi chết, người ta nhốt tên họ kẻ kia vào bình với liệng rải rác dưới gốc cây, đầu đình ...

Riêng người Chăm có cách ếm bằng cá. Người ếm cho tên họ kẻ thù vào bụng một con cá rồi vứt xuống sông. Khi

### *Bát Trách*

gia đình nạn nhân hay kịp liền tìm kiếm đến chỗ đầu giòng sông, rải cơm, múa hương, gọi ba tiếng cá về, bắt lấy tên họ ra, người ta tin rằng nạn nhân sẽ tai qua nạn khỏi. Ngoài ra người Chàm còn ếm bằng súc vật nạn bằng đất. Người Chàm có tài hớp hồn và dẫn nhau : đi trong đêm vắng, chạng vạng hoặc giữa trưa, nếu nghe ai gọi tên mình thì chớ đi, nếu mở miệng ra thì khốn. Tiếng kêu the thé dễ sợ lắm.

Người Thượng ngoài những lối ếm riêng của họ, còn có phép "thu" Người ta vẫn thường nghe chuyện những người đi qua xứ Thượng, lấy vợ Thượng về sau bỏ đi không trở lại, rốt cuộc bị chết rất bí mật. Người đi buôn trên rừng, ở Trùng, gọi là "Đò đưa" Thượng vẫn gian lận với những anh bạn "Việt Nam mới" ấy. Nếu họ không biết thì thôi, chớ đã biết rồi thì kẻ gian thường khó tránh chết với họ. Họ thu rất tài. Không rõ làm cách nào một con dao, một cái bùa lọt vào bụng địch thủ. Kẻ bạc tình khôn hồn nên trở lại nài nỉ xin với các chị, kẻ buôn lương phải mau mau thú lỗi với họ. Còn không thì con dao sẽ hiện nguyên hình mổ xẻ ruột gan cho đến chết !

Vào một vườn Thượng, phải coi chừng những cây cọc trắng trắng, cắm trên những mô đất. Ăn uống chi đó, chẳng sao, nhưng hái trái đem về thì phải liệu !

Nhiều người ngán cái trò ếm này đến mất ăn mất ngủ.



Thấy cái gì khang khác thì trong bụng cứ rờn rợn. Lúc ấy ông thấy pháp được mời tới, trấn bốn phía nhà bốn đạo bùa yểm trợ, dĩ nhiên cũng phải kèm theo lễ vật : 3 con gà mái lông trắng (có thể lấy gà đen) một chai rượu cất, một mâm xôi, schén gạo chén muối, để cúng tạ ơn.

# THUẬT PHONG THỦY

## MỤC LỤC

### CHƯƠNG III

#### PHẦN 1

|                            |    |
|----------------------------|----|
| Bát Trạch với 24 Sơn Hướng | 7  |
| Định Vị                    | 9  |
| Phụ lục 8 Bát Quái Đồ      | 13 |

#### PHẦN 2

|                                   |    |
|-----------------------------------|----|
| Dẫn giải ý nghĩa của 24 Sơn Hướng | 22 |
| Huỳnh Tuyển                       | 33 |

#### PHẦN 3

|                           |    |
|---------------------------|----|
| Luận giải công tác Tu Tạo | 35 |
| A - Mạng Trạch            | 35 |
| B - Hướng Nhà             | 36 |
| C - Đất cắm nền           | 38 |

#### PHẦN 4

|                           |    |
|---------------------------|----|
| Chọn Phương Hướng Trổ Cửa |    |
| Chủ Nhà Mạng Kiền         | 39 |
| Chủ Nhà Mạng Khảm         | 40 |



## *Bát Trạch*

|                   |    |
|-------------------|----|
| Chủ Nhà Mạng Cấn  | 42 |
| Chủ Nhà Mạng Chấn | 42 |
| Chủ Nhà Mạng Tốn  | 44 |
| Chủ Nhà Mạng Ly   | 45 |
| Chủ Nhà Mạng Khôn | 46 |
| Chủ Nhà Mạng Đoài | 47 |

## **PHẦN 5**

|                          |    |
|--------------------------|----|
| Chọn Hướng đặt Cổng Rãnh | 48 |
|--------------------------|----|

## **PHẦN 6**

|                           |    |
|---------------------------|----|
| Khai môn Phóng Thủy       | 57 |
| PHỤ LỤC 1                 |    |
| Giếng nước                | 63 |
| PHỤ LỤC 2                 |    |
| Cây cối chung quanh nhà   | 65 |
| PHỤ LỤC 3                 |    |
| A - Chọn Hướng xây Bếp Lò | 66 |
| B - Miệng Lò              | 68 |

## **CHƯƠNG IV**

Đồ nghề chuyên dùng của nhà Phong Thủy  
và Cẩm Xạ Học

### *Bát Trạch*

|                      |     |
|----------------------|-----|
| 1 - Kim Chỉ Nam      | 70  |
| 2 - La Bàn (Lạ Kinh) | 74  |
| 3 - Nhâm Bàn         | 77  |
| 4 - Thổ Khuê         | 80  |
| 5 - Con Lắc Thần Bí  | 83  |
| 6 - Đũa Thần         | 99  |
| 7 - Thước Dò Tim     | 130 |
| 8 - Thước Thiên Xích | 105 |
| 9 - Thước Lỗ Ban     | 108 |

## **CHƯƠNG V**

### **BÙA CHÚ**

|                                    |     |
|------------------------------------|-----|
| 1 - Giới thiệu ý nghĩa của Bùa Chú | 116 |
| 2 - Bùa Lỗ Ban                     | 119 |
| 3 - Bùa Trấn Yểm                   | 120 |
| 4 - Bùa Thượng Lương               | 124 |
| 5 - Bùa Yểm Tà Ma trong nhà        | 127 |
| 6 - Trù Ếm                         | 129 |

### **Thực Hành Phong Thủy Trọn Bộ 10 Tập**

